

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 01 năm 2021

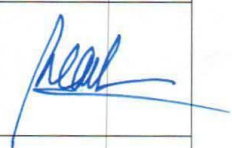
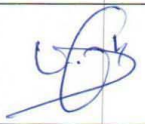
Báo cáo đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học, Trường Đại học Vinh - Bộ Giáo dục và Đào tạo được các chuyên gia Đoàn đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam biên soạn và cùng thống nhất về các nội dung trong báo cáo. Đây là kết quả đánh giá ngoài Chương trình đào tạo của Nhà Trường do Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài độc lập thực hiện với nguyên tắc "công bằng, công tâm và chuyên nghiệp"; các nhận định trong báo cáo đều dựa trên các minh chứng do Nhà trường cung cấp và các thông tin thu thập qua quan sát, tham quan và phỏng vấn các đối tượng liên quan.

©Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam. Mọi thông tin trong Báo cáo đánh giá ngoài được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

Danh sách đoàn Đánh giá ngoài

Báo cáo đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học,
Trường Đại học Vinh

DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TT	Họ và tên	Chức vụ/Cơ quan công tác	Nhiệm vụ được giao	Chữ ký
1	GS.TSKH. Bành Tiến Long	Ủy viên Hội đồng CSKH & CNQG; Ủy viên Hội đồng GSNN	Trưởng đoàn	
2	ThS. Đinh Tuấn Dũng	Trưởng phòng ĐGCLGD Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	Thư ký	
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên	TP CNCL Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN	Thành viên thường trực	
4	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Trường, Trường Đại học Văn Lang	Thành viên	
5	TS. Nguyễn Đức Thạnh	Kiểm định viên Trung tâm ĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	Thành viên	

Danh sách gồm 05 người./.

Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam (CEA-AVU&C)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN I. TỔNG QUAN.....	7
1. Giới thiệu	7
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài.....	7
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	10
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo.....	10
3.2. Những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo	46
3.3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá ngoài	64
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN.....	65
TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	65
TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	74
TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	81
TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	92
TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	100
TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....	114
TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	135
TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	148
TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	168
TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	186
TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA	212
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI	237
PHỤ LỤC A.....	240
PHỤ LỤC B.....	242
PHỤ LỤC C.....	246
PHỤ LỤC D.....	250
PHỤ LỤC E.....	257
PHỤ LỤC G	259

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1.	CB	Cán bộ
2.	CBQL	Cán bộ quản lý
3.	CCVC	Công chức viên chức
4.	CGCN	Chuyên gia công nghệ
5.	CBGV	Cán bộ giảng viên
6.	CĐR	Chuẩn đầu ra
7.	CNTT	Công nghệ thông tin
8.	CTDH	Chương trình dạy học
9.	CTĐT	Chương trình đào tạo
10.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
11.	CSVC	Cơ sở vật chất
12.	CVHT	Cố vấn học tập
13.	ĐH	Đại học
14.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
15.	ĐGN	Đánh giá ngoài
16.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
17.	GV	Giảng viên

18.	HĐQT	Hội đồng quản trị
19.	HTQT	Hợp tác quốc tế
20.	HV	Học viên
21.	ISI	Institute for Scientific Information
22.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
23.	KHCN	Khoa học và công nghệ
24.	KH&ĐT	Khoa học & Đào tạo
25.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
26.	NV	Nhân viên
27.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
28.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
29.	QĐ	Quyết định
30.	SV	Sinh viên
31.	TC	Tín chỉ
32.	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
33.	TDTT	Thể dục thể thao
34.	TĐG	Tự đánh giá
35.	THPT	Trung học phổ thông

36.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
37.	VLVH	Vừa làm vừa học

PHẦN I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu

Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài (sau đây gọi là Đoàn) CTĐT Ngành Luật Kinh tế trình độ đại học - Trường Đại học Vinh (sau đây gọi là Nhà trường) được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-KĐCLGD ngày 07 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm). Đoàn gồm 8 thành viên, trong đó có 5 chuyên gia đánh giá ngoài (ĐGN), 1 cố vấn Đoàn và 02 cán bộ hỗ trợ hành chính của Trung tâm.

Bản Báo cáo ĐGN này trình bày quá trình triển khai đánh giá ngoài, công cụ và phương pháp đánh giá, các kết quả đạt được và những khuyến nghị đối với Nhà trường và Khoa. Kèm theo Báo cáo ĐGN là các Phụ lục bao gồm: Phụ lục A là phần giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, đơn vị thực hiện CTĐT; Phụ lục B là phần tóm tắt kết quả tự đánh giá CTĐT của Nhà trường; Phụ lục C là Quyết định thành lập Đoàn ĐGN và danh sách các thành viên; Phụ lục D là lịch trình đánh giá ngoài; Phụ lục E là công văn phản hồi của Nhà trường về Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT; Phụ lục G là văn bản của Đoàn gửi Nhà trường về việc tiếp thu và bảo lưu ý kiến căn cứ vào phản hồi của Nhà trường.

Các nhận định, kết luận và đánh giá trong Báo cáo này căn cứ trên các thông tin, minh chứng và dữ liệu do Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm ngày 30 tháng 8 năm 2020. Báo cáo ĐGN ghi nhận kết quả đánh giá của Đoàn ĐGN thông qua các hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019-2020.

2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ đánh giá mà Đoàn ĐGN của Trung tâm sử dụng là Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (sau đây viết tắt là ĐGCLCTĐT) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định tại Thông tư

04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Mức đánh giá cho mỗi tiêu chí theo thang 7 mức.

Các phương pháp đánh giá Đoàn ĐGN sử dụng bao gồm:

(i) Nghiên cứu sâu Hồ sơ tự đánh giá (TĐG) do Nhà trường cung cấp, đối chiếu với các yêu cầu trong từng tiêu chí của các tiêu chuẩn ĐGCLCTĐT để xác định những vấn đề cần kiểm tra và làm rõ trong đợt khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức; (ii) Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng lưu trữ tại Nhà trường để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin và minh chứng được cung cấp trong Hồ sơ TĐG của Nhà trường; (iii) Phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn nhóm với các đối tượng liên quan; quan sát và tham quan các cơ sở vật chất và khuôn viên của Nhà trường, trang thiết bị học tập, thể dục thể thao và các hoạt động trong Nhà trường để đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục của Nhà trường và đưa ra các khuyến nghị phù hợp nhằm cải tiến chất lượng giáo dục CTĐT của Nhà trường.

Đoàn đã triển khai các bước đánh giá ngoài như sau:

(i) Nghiên cứu hồ sơ TĐG: từ ngày 07/11/2020 đến ngày 14/11/2020 Đoàn ĐGN và Trung tâm thống nhất nguyên tắc ĐGN, phương pháp đánh giá, lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm cho từng thành viên của Đoàn ĐGN. Các thành viên của Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ TĐG và tổng hợp báo cáo kết quả nghiên cứu Hồ sơ TĐG của Nhà trường. Ngày 15/11/2020 Đoàn ĐGN và Trung tâm họp để thảo luận và thống nhất chung về những vấn đề đã rõ ràng, những vấn đề còn chưa rõ khi nghiên cứu Hồ sơ TĐG để đề nghị Nhà trường bổ sung, các cơ sở vật chất Đoàn sẽ tham quan, những đối tượng và thành phần Đoàn sẽ phỏng vấn, công tác hậu cần Nhà trường, Trung tâm và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị, nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và lịch trình khảo sát chính thức;

(ii) Khảo sát sơ bộ: Ngày 17/11/2020 Đoàn ĐGN (bao gồm Trưởng đoàn, Thư ký Đoàn) và Giám đốc Trung tâm KĐCLGD cùng cán bộ hỗ trợ hành chính của Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại khuôn viên của Nhà Trường, Đoàn khảo sát sơ bộ đã làm việc với Chủ tịch Hội đồng TĐG, Lãnh đạo Nhà Trường, các thành viên

trong Hội đồng TĐG, đại diện cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị trong Trường. Các nội dung làm việc giữa đại diện Đoàn ĐGN, đại diện Trung tâm KĐCLGD và đại diện lãnh đạo Nhà trường trong buổi khảo sát sơ bộ bao gồm: Đoàn thông báo kết quả nghiên cứu của Đoàn đối với Hồ sơ TĐG của Nhà trường; thống nhất về các minh chứng cần bổ sung, số lượng và thành phần của các đối tượng sẽ phỏng vấn, các địa điểm Đoàn sẽ tham quan, công tác hậu cần và lịch trình khảo sát chính thức. Giám đốc Trung tâm, Trưởng Đoàn và Lãnh đạo Nhà trường đã ký biên bản khảo sát sơ bộ.

(iii) Khảo sát chính thức: Từ ngày 04 đến ngày 09 tháng 12 năm 2020, Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Nhà trường, với các hoạt động sau đây: Nghe Hiệu trưởng Nhà trường và Hội đồng TĐG giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, Khoa và quá trình TĐG; kiểm tra các hồ sơ minh chứng lưu trữ tại Nhà trường; gặp gỡ và phỏng vấn 106 người, lấy ý kiến khảo sát 98 người gồm các đối tượng liên quan như: Ban Giám hiệu; Lãnh đạo Công đoàn, Đoàn thanh niên, lãnh đạo các phòng chức năng, trung tâm, thư viện; lãnh đạo các khoa trực thuộc Nhà trường, giảng viên, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, nhà tuyển dụng, cựu người học, người học; tham quan cơ sở vật chất phục vụ CTĐT của Nhà trường gồm văn phòng khoa/phòng chức năng, một số phòng học, phòng thực hành, thư viện, căng tin, ký túc xá, trạm y tế, sân bãi TDTT... Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã xác suất yêu cầu Thư viện tìm 39 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 9 đề cương chi tiết các học phần (Luật Thương mại quốc tế, Luật Thương mại, Luật pháp quốc tế, Lịch sử nhà nước và pháp luật trên thế giới, Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Luật, Luật hình sự, Kỹ năng giao tiếp ngành luật, Luật dân sự, Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam) của CTĐT ngành Luật Kinh tế. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được đủ 39 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu. Đoàn ĐGN đã trực tiếp điệ thoại khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp từ năm 2017 đến năm 2019 với số lượng 402 người, trong đó có 343 sinh viên tốt nghiệp trả lời. Trong số 343 người trả lời, có 328 người có việc làm (chiếm tỉ lệ

95,6%).Hàng ngày vào cuối buổi chiều, Đoàn ĐGN làm việc riêng để thảo luận về các thông tin thu thập được, thống nhất chung các nhận định. Đoàn đồng thời dành thời gian để tiếp cán bộ và người học có nhu cầu gặp gỡ trao đổi riêng với Đoàn ĐGN;

(iv) Dự thảo Báo cáo ĐGN: Từ 09/12/2020 đến 13/12/2020 Đoàn ĐGN thảo luận và thống nhất chung về dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên Đoàn ĐGN thông qua. Ngày 14/12/2020 Trung tâm đã gửi công văn số 173/CV-KĐCLGD kèm theo Dự thảo Báo cáo ĐGN đến Nhà trường để lấy ý kiến phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN.

(v) Hoàn thiện Báo cáo ĐGN: Trung tâm đã nhận được công văn số 1375/ĐHV-ĐBCL đề ngày 29/12/2020 về việc phản hồi dự thảo Báo cáo ĐGN của Nhà trường. Sau khi nhận được ý kiến phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN, Đoàn ĐGN đã hoàn thiện Báo cáo ĐGN và nộp cho Trung tâm. Trung tâm đã gửi Công văn số 194/CV-KĐCLGD kèm theo Báo cáo ĐGN đến Nhà trường vào ngày 04/01/2021.

3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 1:

Hiệu trưởng đã ký quyết định công bố chuẩn đầu ra của 50 ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy trong đó có chuẩn đầu ra của ngành Luật kinh tế. Trong giai đoạn 2015-2020, CTĐT ngành Luật Kinh tế được điều chỉnh vào năm 2017 và năm 2019. Các phiên bản của CTĐT đều có các mục tiêu cụ thể và được cải tiến để phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với Luật Giáo dục đại học

Mục tiêu đào tạo ngành Luật Kinh tế đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động.

Nhà trường đã ban hành 72 chuẩn đầu ra (CĐR) ngành Luật Kinh tế. CĐR ngành Luật Kinh tế rõ ràng cụ thể, bảo đảm được khối lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; Nội dung của CĐR đã phản ánh được mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Luật Kinh tế xây dựng phù hợp với Sứ mạng của Nhà trường. SV tốt nghiệp đạt chuẩn này sẽ đáp ứng yêu cầu theo mục tiêu đào tạo Cử nhân ngành Luật Kinh tế của Nhà trường.

CĐR, CTĐT và hệ thống các học phần có liên hệ với nhau. Nhà trường xây dựng ma trận kết nối giữa CĐR và mục tiêu đào tạo. Mỗi học phần đều chỉ ra được sự đóng góp vào các ma trận kỹ năng và vào việc hình thành các kiến thức, những kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho người học.

Khi hoàn thiện, cải tiến CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế, Nhà trường đã lấy ý kiến của các bên liên quan về việc sửa đổi CĐR và CTĐT.

Kết quả khảo sát năm 2016 cho thấy hơn 80% đồng ý rằng các CĐR là rất cần và rất cần thiết; Trung bình trên 80% đều nhận định CĐR đạt được mức độ 3 (Hiểu và giải thích) là hợp lý; trên 75% đánh giá rằng các môn học của CTĐT đều cần thiết và rất cần thiết ...

Các bộ môn đã tiến hành họp về xây dựng CTĐT ngành Luật Kinh tế; Hội đồng Khoa học & Đào tạo Nhà trường đã họp thảo luận và thông qua CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế sau mỗi lần rà soát và điều chỉnh. Trong chu kỳ KĐCL, Nhà trường đã rà soát và điều chỉnh đổi mới 2 lần CĐR các CĐR đều được phê duyệt và được công bố theo đúng quy định.

CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau. CTĐT, được công bố công khai trong Bản mô tả CTĐT, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong đề án tuyển sinh của Trường, các Tờ rơi ...

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 2:

Căn cứ vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn xây dựng bản mô tả CTĐT. Căn cứ vào hướng dẫn của Nhà Trường, Khoa Luật đã xây dựng bản mô tả CTĐT ngành Luật Kinh tế đã được Hiệu trưởng ký ban hành. Bản mô tả CTĐT năm 2019 tiếp cận CDIO có đầy đủ các nội dung theo quy định.

CTĐT ngành Luật Kinh tế được rà soát 2 lần (năm 2017, năm 2019). Bản mô tả ban hành năm 2017, được công bố công khai cùng CTĐT. Trước đó Nhà trường đã công bố công khai toàn bộ CTDH. Bản mô tả CTĐT năm 2017 đã ghi nhận những thay đổi của CTĐT so với CTĐT năm 2014. Năm 2014 CTĐT có 132 TC; năm 2017 giảm còn 125 TC (giảm 7 TC); bỏ một số học phần, tăng số HP tự chọn; có môn tăng thời lượng có môn giảm thời lượng, bổ sung một số học phần mới.

Bản mô tả CTĐT năm 2019 bổ sung học phần Nhập môn Ngành Luật học thay cho học phần Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn.

CTĐT ngành Luật Kinh tế gồm 35 học phần, trong đó có 3 học phần tự chọn (với 6 tín chỉ). 100% các học phần đều có đề cương chi tiết và được phê duyệt, các đề cương các học phần đều có đầy đủ các nội dung cấu thành theo quy định về việc hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết các học phần, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

Tất cả các đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh vào các năm 2017, năm 2019 (Hồ sơ đào tạo và Biên bản họp tổ Bộ môn và Hội đồng Khoa các năm). Năm 2019, Nhà trường đã tích hợp CDR vào CTĐT. Nhà trường đã thực hiện đối sánh, tiếp thu và cập nhật từ các đề cương học phần có trong CTĐT ngành Luật Kinh tế của một số trường đại học có uy tín trong nước như: Trường ĐH Luật Hà Nội, Trường ĐH Bond, Úc.

Bản mô tả CTĐT ngành Luật Kinh tế được công bố công khai bằng nhiều hình thức và trong các Tờ rơi, tài liệu bản tin quảng bá về CTĐT, môn học.

Toàn bộ các đề cương các học phần qua các lần điều chỉnh được lưu giữ trong hồ sơ đào tạo các năm học của Nhà trường, được quản lý tại Văn phòng Khoa Luật thư viện của Nhà trường và trên hệ thống LMS của Trường thuận lợi cho GV và SV vào tra cứu.

Khoa Luật đã công khai bản mô tả CTĐT tới các đối tượng liên quan: các đơn vị sử dụng lao động, đại diện các doanh nghiệp, SV và các cựu SV trong các cuộc hội thảo, trong đợt lấy ý kiến của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 3:

CTDH ngành Luật kinh tế được thiết kế theo hướng dẫn chung do Bộ GD&ĐT quy định. CTDH có mục tiêu đào tạo, CĐR và các nội dung khác theo quy định. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. CTĐT đã xây dựng theo các bước của Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy.

Các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Luật kinh tế đa dạng và linh hoạt. Nhà trường sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; đánh giá kết quả học tập theo quá trình. Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá và tỷ lệ đánh giá tương quan với chuẩn đầu ra các môn học.

Đề cương học phần chỉ ra mỗi phương pháp đánh giá, mỗi hình thức kiểm tra đánh giá học phần hướng đến đạt được CĐR cho người học. CTDH có ma trận kỹ năng kết nối từng học phần với CĐR của CTĐT. Các học phần có mục tiêu học phần, CĐR của học phần; các nội dung của từng học phần đều chỉ ra việc đáp ứng đối với CĐR cụ thể của học phần.

Nhà trường đã xây dựng ma trận kết nối giữa học phần với CĐR của CTĐT. Tất cả các học phần đều có đóng góp vào hình thành những CĐR đã xác định.

100% các học phần đều có mục tiêu đào tạo, CĐR của học phần. CĐR của học phần bao gồm CĐR về kiến thức, CĐR về kỹ năng và CĐR về năng lực tự chủ và

trách nhiệm. Ở mỗi học phần Nhà trường đều xây dựng 2 ma trận: Ma trận kết nối CDR của học phần với CDR của CTĐT và Ma trận kết nối nội dung từng chương của học phần với CDR của học phần. Các ma trận này thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR của CTĐT.

100% các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, Nhà trường sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; đánh giá kết quả học tập theo quá trình. Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá và tỷ lệ đánh giá tương quan với chuẩn đầu ra các môn học.

100% các học phần đều có xác định rõ phương pháp kiểm tra/đánh giá: Mỗi học phần đều có quy định hành vi trên lớp, quy định về tham dự lớp học của người học. Với mỗi loại hình kiểm tra đánh giá, Nhà trường đều xác định đóng góp vào việc đo lường đánh giá mức độ đạt được CDR nào của học phần.

Các học phần trong CTDH ngành Luật kinh tế được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Các đề cương chi tiết các học phần đều được đều được thẩm định bởi Hội đồng Khoa (các BB hợp của Hội đồng Khoa của Khoa Luật về đánh giá CTĐT từ thực tiễn giảng dạy).

CTDH ngành Luật Kinh tế được rà soát 2 lần (năm 2017, năm 2019) được công bố công khai cùng CTĐT. Trước đó Nhà trường đã công bố công khai toàn bộ CTDH.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường đã ban hành ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục là “Hợp tác – sáng tạo”.

Triết lý giáo dục, Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến cho cán bộ, viên chức, sinh viên của Nhà trường vào đầu năm học mới bằng nhiều hình thức khác nhau và được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường

Khoa Luật đã xây dựng hoạt động dạy học với các phương pháp giảng dạy đa dạng. Các GV được chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy để phù hợp với từng học phần, đảm bảo giảng đủ những kiến thức đã quy định.

Việc áp dụng, lựa chọn phương pháp giảng dạy được xác định cụ thể trong đề cương chi tiết các học phần, phù hợp với CDR của từng học phần và hồ sơ giảng dạy của các GV ngành Luật Kinh tế.

35/35 học phần (không kể học phần Giáo dục thể chất và An ninh quốc phòng) trong CTĐT ngành Luật Kinh tế đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện tích lũy kiến thức và các kỹ năng thiết yếu và yêu cầu SV có thái độ tích cực chăm chỉ và sáng tạo. Tất cả các đề cương chi tiết các học phần đều quy định nhấn mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu, đọc trước bài học ở nhà của SV. Tất cả các đề cương chi tiết của CTDH đều ghi rõ nhiệm vụ của người học: thực hiện đầy đủ các bài tập được giao và chủ động tổ chức thực hiện giờ học; tham dự kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần khi đủ điều kiện.

Trong từng bài giảng, đều ghi rõ nhiệm vụ tự học của SV và các câu hỏi ôn tập để SV tự nghiên cứu tài liệu học tập và tài liệu tham khảo trước khi đến lớp. Các giảng viên đã hướng dẫn sinh viên NCKH (8 đề tài cấp trường, 37 lượt SV tham gia) trong đó SV đạt các giải thưởng SV NCKH cấp trường gồm: 03 giải 3; 02 giải nhì và 01 giải nhất; 01 giải khuyến khích cấp Bộ GD&ĐT trong giai đoạn 2015-2020.

Giáo viên Khoa Luật đã sử dụng tổng hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học đạt CDR của học phần. Các học phần lý thuyết, phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập đa dạng, Khoa đã tổ chức các hội thảo về giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực nhằm giúp cho giảng viên sử dụng thành thạo các phương pháp giảng dạy.

Hồ sơ giảng dạy của giảng viên đã chỉ rõ các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học trong các tiết học lý thuyết và thực hành, trong từng nội dung cụ thể của tiết giảng và phương pháp kiểm tra đánh giá (đánh giá điểm chuyên cần qua điểm danh, sự đóng góp vào nội dung bài giảng, biên bản sinh hoạt nhóm).

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường có hệ thống các văn bản đánh giá kết quả của người học từ khi vào Trường đến khi tốt nghiệp ra Trường. Các văn bản này thể hiện quy trình, kế hoạch đánh giá kết quả người học và được phổ biến, công khai cho người học, công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Nhà trường đã ban hành Quy định về việc Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Vinh và Hướng dẫn biên soạn đề thi và công tác tổ chức thi, kiểm tra theo hình thức online trong chương trình đào tạo tiếp cận CDIO; Nội dung ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đảm bảo đánh giá được các mức độ nhận thức đối với đề kiểm tra định kỳ, chủ yếu đánh giá ở mức (nhớ, hiểu, vận dụng) của SV về nội dung môn học.

Trên cơ sở ngân hàng câu hỏi thi, Trung tâm Đảm bảo chất lượng chủ động tổ hợp đề thi cho từng học phần. Các đề thi có đáp án chi tiết, thang điểm rõ ràng. Khoa có xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá cho mỗi học phần theo mẫu của Khoa và Bộ môn. phù hợp với từng loại đề thi đảm bảo đo lường được mức độ đạt CĐR.

Nhà trường đã sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá, tùy theo đặc điểm của môn học. Xây dựng thang điểm đánh giá kết quả thực hành, thực tập, tiểu luận...Đề cương chi tiết từng học phần ghi rõ điểm chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ góp phần đánh giá CĐR đã được xác định của học phần và CĐR của CTĐT. Hằng năm, Khoa Luật rà soát đánh giá các hình thức kiểm tra đánh giá, trên cơ sở ý kiến của GV giảng dạy học phần và ý kiến phản hồi của SV từ đó đưa ra các kế hoạch điều chỉnh phù hợp.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp cựu SV, SV cho thấy 100% người học đều hài lòng với phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả của GV.

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản để hướng dẫn, quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi từ khi SV vào Trường đến khi tốt nghiệp. Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông tại Trường Đại học Vinh quy định về giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến SV như xem xét sai sót về điểm thi, điểm thực hành (Điều 28)..

Hệ thống văn bản của Nhà trường qui định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức: tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường . Ở mỗi học phần, SV được biết về việc đánh giá kết quả học tập của học phần thông qua đề cương chi tiết và được phổ biến trước khi vào học phần.

Nhà trường hằng năm đều thực hiện khảo sát SV về hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của giảng viên.

Việc lựa chọn hình thức thi kết thúc học phần hoặc thay đổi hình thức thi được thảo luận ở cấp Bộ môn/Khoa. Đề cương học phần, quy định phương pháp đánh giá học phần nhằm đảm bảo CĐR của học phần, đầu ra của CTĐT. Các GV chủ động rà soát đề thi theo học phần được giao phụ trách, đảm bảo tính chính xác, cập nhật và bao quát hết nội dung học phần và chịu trách nhiệm trước Trưởng bộ môn và Ban Chủ nhiệm Khoa về tính chính xác, công bằng, phù hợp trong việc đánh giá quá trình của SV.

Hệ thống văn bản của Nhà trường qui định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức: tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, Khoa phổ biến trực tiếp cho SV, thông qua hệ thống CVHT, trên cổng thông tin đào tạo của Nhà trường, qua tài khoản học tập cá nhân của SV và được thể hiện trong đề cương học phần.

Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh có quy định về thời gian công bố kết quả đánh giá học phần; Quy định tạm thời về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh. Kết quả đánh giá học tập của người học được công bố trên cổng thông tin của Trường. Sinh viên có thể xem kết quả đánh giá học phần qua tài khoản học tập cá nhân của mình.

Hằng năm, Nhà trường đều khảo sát SV về mức độ hài lòng với việc công bố và phản hồi kết quả học tập cho SV.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp cựu SV và SV cho thấy đa số hài lòng về kết quả đánh giá của GV với người học.

Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông và của Trường Đại học Vinh trong đó có các Điều quy định rất cụ thể về xem xét sai sót về điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ, điểm thực hành; xem xét lại điểm chấm thi và quy trình xử lý...

Tỷ lệ bài thay đổi điểm do chấm chưa chính xác chiếm tỷ lệ 0.01%. Các bài thi khiếu nại được giải quyết kịp thời và thỏa đáng.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm sinh viên đang học cho thấy các sinh viên đều hài lòng với công tác thi, chấm thi và phúc khảo.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 6:

Trường ĐH Vinh đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa Luật có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho sinh viên ngành Luật kinh tế, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên.

Công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm giảng viên được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Khoa Luật và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực giảng viên với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên Khoa Luật.

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên nên hoạt động NCKH của giảng viên Khoa Luật phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các giảng viên ngành Luật kinh tế hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên ngành Luật kinh tế được cải thiện theo từng năm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 7:

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Luật đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

Trường có quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng; có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ số lượng, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: giảng dạy, NCKH, quản lí hành chính và phục vụ đào tạo. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác CB của Trường Đại học Vinh. Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác CB, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành Luật.

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có năng lực tốt, PP làm việc khoa học, hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc, vì hiệu quả của quá trình đào tạo. Hằng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại; có phê bình, có khen thưởng. Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những CB nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lý; năng lực ngoại ngữ và tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ SV.

Hằng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB hỗ trợ. Khoa luôn cử các nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù số lượng CB hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành Luật

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB hỗ trợ và nhân viên trong Khoa được public công khai trên trang web của Khoa. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của

Khoa và Nhà trường đề ra.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 8:

Hằng năm, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Luật Kinh tế.

Nhà trường đã công khai chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ (<http://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>; <http://www.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy>). Mục III.1 (Tuyển sinh đại học chính quy) của Đề án tuyển sinh năm 2020 công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường đã xác định cụ thể các nội dung: đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020, ngưỡng ĐBCL đầu vào, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, học phí và lộ trình tăng học phí. Riêng đối với ngành Luật Kinh tế, thông tin và chính sách tuyển sinh còn được cập nhật thường xuyên đến thí sinh qua các bài viết, tin tức của chuyên trang tuyển sinh ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Vinh (<http://khoaluat.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/>). Ngoài ra, Nhà trường/Khoa còn truyền thông về việc tuyển sinh thông qua các bài viết trên các báo điện tử: Tin tức Việt Nam; VTCNews; Dân trí; tuyển sinh online.

Kiểm tra trực tiếp trên internet tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy trên các trang tuyển sinh của Trường và Khoa có các thông tin về tuyển sinh với đầy đủ nội dung như đối tượng tuyển sinh, phương thức xét tuyển, phạm vi tuyển sinh, các đối tượng ưu tiên, học phí, đội ngũ giảng viên, tình hình tuyển sinh của 2 năm trước liền kề.

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Luật Kinh tế được quy định rõ ràng trong các đề án tuyển sinh hằng năm. Trước năm 2017, Nhà trường sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển và kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Từ năm 2017 tới nay, Trường sử dụng 2 phương thức tuyển sinh: xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Riêng phương thức xét

tuyển được thực hiện theo 3 hình thức: (i) Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia; (ii) Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển thẳng (Theo quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường). Ngành Luật Kinh tế sử dụng phương thức xét tuyển theo các tổ hợp C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh), A00 (Toán, Vật lý, Hoá học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh). Tiêu chí tuyển sinh người học được đề án quy định cụ thể rõ ràng.

Hằng năm, Nhà trường/Khoa đã rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường. Trước năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành Luật Kinh tế dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập THPT theo các tổ hợp các môn thi của ngành và lấy điểm từ cao xuống thấp. Từ năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh cho ngành Luật kinh tế theo nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn; từ năm 2019, việc tuyển sinh cho ngành Luật kinh tế được thực hiện theo các phương thức tuyển sinh cho khối các ngành ngoài sư phạm.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm: Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, các khoa, các CVHT và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC.

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh và Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh. Việc giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của thực hiện theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Vinh, trong đó Điều 11 quy định 4 bước quy trình đánh giá kết quả rèn luyện.

Giáo viên chủ nhiệm lớp giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên trong lớp thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá

trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm.

Kết quả học tập, số lượng tín chỉ người học đăng ký trong học kỳ, danh sách người học bị xử lý kết quả học tập, danh sách người học chậm tiến độ, thôi học được lưu trữ trên hệ thống trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS). Kết quả rèn luyện của SV do Chủ nhiệm lớp sinh viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên theo lớp; Trợ lý công tác sinh viên tổng hợp và gửi kết quả điểm rèn luyện SV của Khoa về Trường. Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên tổng hợp, trình Hội đồng Đào tạo công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên toàn Trường.

Phòng Đào tạo theo dõi và xử lý dữ liệu sinh viên có nguy cơ bị buộc thôi học từng học kỳ để phối hợp với Khoa, thông qua đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên và CVHT, đề tư vấn cho sinh viên thuộc diện bị xử lý có kế hoạch học tập phù hợp để đảm bảo tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

Khảo sát trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường trong thời gian ĐGN cho thấy: Nhà trường có các dữ liệu về tiến trình học tập của người học, số người không tích lũy đủ số tín chỉ và các thông tin khác giúp người học chủ động nắm bắt được tiến độ học tập. Phòng Đào tạo đã có các cảnh báo học vụ đối với SV để đội ngũ CVHT và Chủ nhiệm lớp SV giúp các SV được có kế hoạch, biện pháp cải thiện học tập.

Hàng năm, Nhà trường/Khoa triển khai tháng rèn nghề cho sinh viên. Hàng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV. Hàng năm, Khoa tổ chức Hội nghị dân chủ SV nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học. Hàng năm, Đoàn Thanh niên Nhà trường tổ chức các hoạt động “Chương trình ngày chủ nhật xanh”, “Giải bóng chuyền sinh viên”, “Tuổi trẻ học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Hội thi “sinh viên thanh lịch”... Liên chi đoàn Khoa Luật đã thành lập các câu lạc bộ, đội, nhóm với nhiều

hoạt động sôi nổi phù hợp với chuyên ngành: Đội văn nghệ khoa Luật 2017-2018, Đội tình nguyện Khoa Luật 2018-2019, Đội Xung kích khoa Luật 2017 – 2018, Câu lạc bộ thực hành pháp luật khoa Luật 2015 – 2016, Câu lạc bộ thực hành pháp luật; Câu lạc bộ “Du ca Khoa Luật 2017 – 2018”, Câu lạc bộ "Tiếng Anh Khoa Luật”.

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học: Liên hệ, kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các chương trình giới thiệu việc làm cho SV, tổ chức các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại Trường, tổ chức các chương trình thực tập tiềm năng cho SV năm cuối, giúp SV tăng cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Giai đoạn 2016 - 2020, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên, Quan hệ doanh nghiệp đã giới thiệu 3184 việc làm cho người học, trong đó có 56 người học ngành Luật Kinh tế.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, người học trước khi tốt nghiệp các năm về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát các năm từ 2016 đến năm 2020 có trên 76% người học, người học trước khi tốt nghiệp hàng năm hài lòng.

Nhà trường đã có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá của sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh. Khuôn viên Nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, có nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao. Nhà trường/Khoa Luật thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ. GV, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập và thực hiện các thủ tục hành chính, Nhà trường đã thành lập các khu hành chính một cửa từ năm 2016.

Cảnh quan, sân trường, phòng học của Nhà trường được đầu tư xây dựng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà điều hành công nghệ cao, giảng

đường, các văn phòng, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của SV. Văn phòng làm việc của Khoa được bố trí gần giảng đường. Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đèn, quạt và trang bị máy lạnh nhằm cung cấp không gian học tập thoáng đãng cho học tập, giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học... Nhà trường ký hợp đồng với đối tác để duy trì công tác vệ sinh môi trường và đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường. Ngoài ra, hàng tuần, sinh viên của các Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên trường. Sinh viên Nhà trường/ngành Luật Kinh tế được học tập trong môi trường thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu.

Tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN nhận thấy: Nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng chống dịch Covid19 (CB, GV, SV đeo khẩu trang, các khu vực vào hội trường, có phát khẩu trang cho người tham dự...).

Kết quả khảo sát sinh viên toàn Trường giai đoạn 2016 – 2020: có trên 80% người học hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 9:

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của Trường là 86.166 m². Nhà trường có 68 phòng làm việc với tổng diện tích 15.864m² m². Ban Giám hiệu Nhà trường được bố trí 6 phòng làm việc ở khu nhà A0 với tổng diện tích 185 m²; Trường các đơn vị được bố trí phòng làm việc riêng; các Giáo sư, Phó Giáo sư được bố trí không gian làm việc riêng. Tại thời điểm 30/8/2020, với quy mô sinh viên của Trường 13.997 người học, diện tích phòng học bình quân đạt 3,65 m²/người học; diện tích sàn phòng thí nghiệm, thực hành đạt 1,07 m²/người học đối với tất cả các đối tượng người học trong toàn Trường.

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn, ghế, tủ để tài liệu. Các phòng học, hội trường đều trang thiết bị như máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến.

Thư viện Cơ sở 1 của Trường được thành lập năm 1959, được bố trí tại một tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn 9.275 m² bao gồm: Không gian học tập tầng 1, 05 phòng học, 01 Phòng xử án mô phỏng dành cho Khoa Luật, 03 phòng máy tính, 08 kho sách và 06 phòng đọc. Thư viện cơ sở 2 có diện tích sàn 677 m². Thư viện trường có 110 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học.

Thư viện Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến. Thư viện có 30 nhân viên, trong đó có 21 nhân viên tốt nghiệp ngành Thư viện.

Nhà trường ban hành Nội quy thư viện; nội quy phòng chống cháy nổ ngày 16/01/2018; Quy định sử dụng không gian học tập; Hướng dẫn sử dụng và Thư viện điện tử và các văn bản hướng khai thác Thư viện. Phòng đọc thư viện có 1.800 chỗ ngồi, hệ thống mượn - trả tài liệu tự động, hệ thống trả sách 24/7. CB, GV, người học được cấp tài khoản để sử dụng thư viện số của Trường.

Kết quả khảo sát trực tiếp cho thấy, Thư viện có 14.466 đầu tài liệu với 160.559 cuốn; Thư viện được kết nối với CSDL điện tử trực tuyến online ProQuest Center phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Thư viện điện tử của Nhà trường kết nối với các thư viện: Liên hiệp Thư viện Đại học Việt Nam; Thư viện của Cục khoa học và công nghệ quốc gia; Thư viện Trường ĐH Cần Thơ; Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Nguyễn Tất Thành. Nguồn học liệu phục vụ cho ngành Luật Kinh tế trong Thư viện hiện có 634 đầu tài liệu với 9510 bản.

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu

học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh. Giai đoạn 2015-2020, ngành Luật Kinh tế được bổ sung 150 đầu sách với 1779 bản sách. Thư viện có số liệu theo dõi về hoạt động của bạn đọc. Giai đoạn 2015-2020 có 134.594 lượt bạn đọc đến mượn giáo trình, tài liệu tại Thư viện, trong đó có 8.454 lượt sinh viên ngành Luật Kinh tế.

Nhà trường có 45 phòng máy tính, 86 phòng thí nghiệm, 21 phòng/xưởng thực hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH cho các ngành đào tạo trong Trường. Các phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Năm 2011, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Thực hành và Tư vấn pháp luật Trường Đại học Vinh (QĐ số 457/QĐ-ĐHV ngày 8/3/2011) với nhiệm vụ Hỗ trợ sinh viên trong thực hành các kỹ năng nghề nghiệp và tham gia hoạt động tư vấn miễn phí cho các đối tượng yếu thế; tư vấn pháp luật; thực hiện các diễn án, seminar có liên quan đến môn học Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật và các chương trình rèn nghề khác cho sinh viên ngành Luật kinh tế. Các tài liệu và cơ sở vật chất đã được trang bị của Trung tâm tư vấn pháp luật gồm 01 phòng tại tầng 4 nhà A1 Trường Đại học Vinh, Trang thiết bị (máy lạnh, máy chiếu, máy photocopy, máy in, các trang thiết bị văn phòng phẩm...) đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động của học viên, sinh viên. Năm 2019, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế, Nhà trường đầu tư xây dựng Phòng xử án mô phỏng với trang thiết bị, máy móc đầy đủ tại tầng 7 Trung tâm Thông tin - Thư viện. Đây là nơi sinh viên thực hành các kỹ năng nghề nghiệp, tổ chức cuộc thi phiên toà giả định, các buổi diễn án hoặc các hoạt động seminar, trao đổi học thuật khác.

Các thiết bị của các phòng học thực hành, thí nghiệm và Trung tâm đào tạo thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của Nhà trường. Giai đoạn từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Nhà trường đã chi 6.017,656 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành. Các trang thiết bị trong Trung tâm Thực hành và Tư vấn pháp luật, Phòng xử án mô phỏng và các trang thiết bị phục vụ hoạt động thực hành được bảo dưỡng định kì.

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm có 2062 máy tính, bao gồm 1310 máy tính được bố trí trong 45 phòng học phục vụ hoạt động dạy học; 572 máy tính xách tay trang bị cho cán bộ, giảng viên và 180 máy tính trang bị cho các cơ quan; 21 máy chủ vật lý, 15 máy chủ ảo; 9 đường truyền internet

Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn/>. Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học.

Hệ thống E-learning của Nhà trường được chú trọng phát triển với 26 phòng học trực tuyến. GV và người học của Trường đều có tài khoản trên trang học trực tuyến của Nhà trường. Ngoài số các thiết bị CNTT được sử dụng với các đơn vị khác trong Trường, Khoa Luật được sử dụng 17 máy tính, trong đó có 13 máy tính xách tay phục vụ công tác đào tạo và quản lý. Cán bộ giảng viên ngành Luật Kinh tế được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn. Cổng thông tin điện tử của Khoa Luật tại địa chỉ: <http://khoaluat.vinhuni.edu.vn/>. Các phần mềm chuyên dụng sử dụng trong Trường và ngành Luật Kinh tế có bản quyền. Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm tổ chức vận hành quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng.

Các dữ liệu về quản lý Nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường.

Định kỳ, Trường lập kế hoạch và tổ chức mua sắm để thay thế những thiết bị cấu hình thấp, kém hiệu quả và sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp thiết bị CNTT đảm bảo cho hệ thống hoạt động được đồng bộ, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt

động đào tạo và nghiên cứu. Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 79.177 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT.

Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về chất lượng hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Nhà trường đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; Quy định về công tác sinh viên tự quản trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh; Ban hành các chỉ thị/thông báo về tăng cường bảo đảm an ninh trật tự trường học và an toàn giao thông.

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC, Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt. Trạm Y tế được thành lập. Để bảo đảm sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người học, Nhà trường đã ký hợp đồng với các bệnh viện để khám sức khỏe cho CB, GV, người học. Để bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường, Nhà trường ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ INVICO và Hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh. Định kỳ, Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy số 1 tỉnh Nghệ An xây dựng và triển khai thực tập phương án chữa cháy và kiểm tra công tác PCCC. Trong chu kỳ KĐCLGD, không xảy ra hiện tượng mất an toàn, mất an ninh trật tự trong khuôn viên Trường.

Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trạm Y tế, Phòng Bảo vệ.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 10:

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH từ các bên liên quan qua các văn bản: Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại học; Kế hoạch xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học tiếp cận CDIO; Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Các văn bản trên đã quy định, phân công các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát, trong đó: Khoa Luật là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin từ các bên liên quan khi xây dựng CTDH ngành Luật kinh tế. Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học (Điều 16). Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với trưởng các đơn vị trong trường quán triệt và thông báo đến cán bộ viên chức về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Công cụ khảo sát có liên quan đến phát triển CTDH gồm 2 bộ phiếu khảo sát như: Phiếu khảo sát thu thập thông tin để xây dựng chuẩn đầu ra; Phiếu khảo sát các bên liên quan về dự thảo CTĐT. Nhà trường/Khoa đã triển khai khảo sát lấy ý kiến CTĐT ngành Luật kinh tế với thành phần 50 nhà tuyển dụng, 30 SV và 20 nhà quản lý. Lấy ý kiến khảo sát CDR, khung năng lực, khung chương trình đào tạo tiếp cận CDIO nhóm ngành Luật kinh tế với thành phần 50 nhà tuyển dụng, 30 SV, 20 cựu SV và 20 nhà quản lý.

Từ các ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng lao động và sinh viên tốt nghiệp, Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Luật cùng với các Bộ môn tiến hành họp và điều chỉnh các học phần, điều chỉnh phân kỳ CTĐT năm 2013 (dùng cho khoá 54), 2016 (dùng cho khoá 57) và 2017 (dùng cho khoá 58). Năm 2017, số tín chỉ rút gọn từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ, bổ sung thêm các môn học về kỹ năng như Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Luật, Kỹ năng tư vấn thành lập và quản trị doanh nghiệp; điều chỉnh nội dung và thời lượng môn học Kỹ năng thực hành chuyên ngành Luật kinh tế; điều chỉnh môn học Nhập môn ngành KHXH&NV thành Nhập môn ngành Luật. Sự điều chỉnh đảm bảo tính phù hợp của CTDH với nhu cầu nguồn nhân lực. Về phương pháp giảng dạy: GV cung cấp tài liệu trước cho người học, giảm bớt giảng dạy truyền thống, ứng dụng thêm CNTT vào bài giảng, tăng cường thảo luận nhóm. Về hình thức đánh giá: điều chỉnh điểm quá trình từ 30% lên 50%, bổ sung thêm các hình thức thi như vấn đáp, thi trắc nghiệm và đồ án cuối kỳ.

Nhà trường có quy trình thiết và phát triển CTDH, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Luật kinh tế được thực hiện theo quy trình thống nhất do Nhà trường ban hành. Bao gồm: Kế hoạch số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016 về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học. Hướng dẫn về xây dựng chuẩn đầu ra; Quy định về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học. Quy định này đã quy định các quy trình cụ thể như: Điều 3 Quy trình xây dựng CĐR gồm 5 bước; Quy trình xây dựng CTĐT gồm 7 bước. Để thực hiện quy trình, khoa Luật thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra và Tổ soạn thảo CTĐT. Việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin về CTĐT từ các bên liên quan được tiến hành đồng thời với việc khảo sát xây dựng CĐR. Sau khi hoàn thiện, phê duyệt và công bố CĐR, Tổ soạn thảo chương trình đào tạo soạn thảo Dự thảo CTĐT. Trước khi công bố CTĐT, Tổ soạn thảo tổ chức hội thảo để lấy kiến ý từ đại diện các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, GV, SV và cựu SV.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá với sự chủ trì

của phòng Đào tạo. Hoạt động rà soát và đánh giá được thực hiện bằng nhiều hình thức như triển khai Đề tài KHCN trọng điểm cấp trường “Nghiên cứu xây dựng chuẩn đề cương môn học, chuẩn đề cương bài giảng theo tiếp cận CDIO và hình thức dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Vinh”, mã số 76/2017/KHCNTr-CB do GV Nguyễn Xuân Bình làm chủ nhiệm. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá trên cơ sở tham vấn ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan dưới hình thức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan và tổ chức hội thảo để thu thập thông tin từ nhóm chuyên gia, GV, hội đồng khoa học các khoa, viện chuyên môn. Dự thảo quy trình xây dựng và phát triển CTDH các ngành đào tạo hệ chính quy cũng đã có 12 ý kiến gửi về phòng Đào tạo.

Quy trình xây dựng và phát triển CTDH được cập nhật và cải tiến. Về hình thức, năm 2016, việc xây dựng CTDH được thực hiện theo 03 văn bản: Hướng dẫn về xây dựng CDR; Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học. Đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành một văn bản thống nhất về Quy trình xây dựng và phát triển CTDH. Về nội dung, quy trình xây dựng và phát triển CTDH cũng được điều chỉnh theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Quy trình xây dựng CDR phục vụ việc xây dựng CTDH theo Hướng dẫn 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016 thì quy trình xây dựng, hoàn thiện CDR CTĐT cấp độ 3, cấp độ 4 gồm 7 bước. Đến năm 2019, theo Quyết định 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 quy trình xây dựng CDR của CTĐT đã cải tiến tinh gọn hơn với 5 bước. Theo đó chuyển phần xây dựng kế hoạch thực hiện trước khi thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra, và chuyển phần “Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia” vào cùng với quy trình xây dựng chương trình đào tạo. Quy trình mới theo Quyết định 2382 cũng đã xác định rõ việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan cần thực hiện cùng với khảo sát ý kiến của các bên về chương trình đào tạo.

Nhà trường đã ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy để khảo sát SV gồm các nội dung: 1) Hoạt động giảng dạy, 2) Kiểm tra và đánh giá người học, 3) Kết

quả đạt được. Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức; Bảng chấm điểm thi đua cá nhân. Nhà trường cũng ban hành văn bản quy định việc rà soát, đánh giá kết quả học tập của SV như: Quyết định số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014 hướng dẫn về công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá và kiểm tra kết quả học tập theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Vinh. Từ năm 2017, quy định về hoạt động đánh giá kết quả học tập được điều chỉnh theo Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017. Các khoa, bộ môn thực hiện dự giờ của GV; với GV trẻ hoặc GV được phân công bài giảng/học phần mới thường được thông qua trước khi lên lớp. Quá trình dạy, học và tổ chức thi đồng thời được giám sát bởi TT ĐBCL, phòng TT-Pháp chế.

Phòng Thanh tra -Pháp chế đã xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Đề cương của học phần có ma trận liên kết giữa CDR của học phần và nội dung của học phần. Các hoạt động đánh giá quá trình dạy, học khác cũng được tiến hành thường xuyên như như chấm điểm thi đua hằng năm đối với giảng viên; hoạt động dự giờ, thăm lớp hàng kỳ do Công đoàn bộ phận khoa Luật và Công đoàn trường triển khai. Rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy cũng được thông qua hoạt động lấy ý kiến hằng kỳ của người học đối với hoạt động giảng dạy. Mỗi học kỳ Khoa đều có cuộc họp để đánh giá kết quả giảng dạy trong học kỳ, trong đó tập trung phân tích nguyên nhân đối với những học phần mà SV có kết quả học tập thấp và những GV có mức độ hài lòng của SV không cao để xây dựng các giải pháp khắc phục phù hợp cho học kỳ tiếp theo. Đối với những trường hợp kết quả học phần không cao và GV có mức độ hài lòng của SV thấp, GV phải giải trình các nguyên nhân chủ quan và khách quan liên quan đến trưởng bộ môn, trưởng Khoa. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát trực tiếp bằng cơ chế cho phép sinh viên có quyền khiếu nại điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần của các học phần thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế. Theo đó, ngay sau khi nhận được yêu cầu phúc khảo, trung tâm ĐBCL và giảng viên có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục các sai sót trong khâu đánh giá (nếu có) và trả lời khiếu nại cho sinh viên kịp thời.

Ngoài ra, việc nhận xét, rà soát các phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Luật kinh tế còn được tiến hành thông qua một số hoạt động như định kỳ tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng đối thoại với sinh viên; Hội nghị dân chủ sinh viên.

Trong 5 năm, Khoa Luật đã thực hiện 2 đề tài cấp Bộ, 16 đề tài cấp cơ sở, xuất bản 20 giáo trình, 11 sách tham khảo, đăng 9 bài quốc tế, 61 bài trong nước. GV của Khoa đã hướng dẫn 9 nhóm SV thực hiện đề tài với 9 đề tài đề tài NCKH. Trong số các đề tài của Khoa có 4 đề tài liên quan đến việc dạy và học... Các đề tài NCKH đều liên quan đến chuyên môn của ngành đào tạo như đều trực tiếp phục vụ cho giảng dạy các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành...

Trong số các đề tài NCKH mà GV, SV của Khoa chủ trì thực hiện có 4 đề tài được chuyển thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT: Ví dụ Học phần Luật hình sự đã chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hình sự theo tiếp cận CDIO*; Học phần Luật dân sự đã chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật dân sự theo tiếp cận CDIO*"; Học phần Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam được chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hành chính Nhà nước theo tiếp cận CDIO*". Học phần Kỹ năng tư vấn thủ tục và quản trị doanh nghiệp được chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Kỹ năng ngành Luật kinh tế tiếp cận CDIO*. Sản phẩm của các đề tài là giáo trình, sách tham khảo được xuất bản theo yêu cầu có nội dung phù hợp với các học phần trong chương trình đào tạo của ngành như: Giáo trình Luật Dân sự, Giáo trình Luật Hiến pháp; Giáo trình Kỹ năng tư vấn thủ tục thành lập và quản trị doanh nghiệp...

Trong số các đề tài NCKH mà Khoa thực hiện có 4 đề tài được ứng dụng để cải tiến phương pháp dạy và học như: *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hình sự theo tiếp cận CDIO*"; *Nghiên cứu*

đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật dân sự theo tiếp cận CDIO”; Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Kỹ năng ngành Luật kinh tế tiếp cận CDIO; Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hành chính Nhà nước theo tiếp cận CDIO”. Từ đề tài NCKH trọng điểm, GV đã xây dựng đề cương chi tiết học phần theo tiếp cận CDIO, sau khi đề cương chi tiết được duyệt GV đăng ký biên soạn và xuất bản giáo trình để phục vụ người học.

Nhà trường có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học: Quyết định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh. Trong đó có các điều quy định như: Điều 5 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức hành chính; Điều 6 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường. Trong điều 6 điểm 2 công tác học sinh, SV, học viên. Điểm 3 công tác cơ sở vật chất. Quyết định đã quy định các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trong Trường... Dịch vụ hỗ trợ còn được đánh giá thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường hằng năm, Báo cáo tổng kết hội nghị dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với SV hằng năm. Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh.

Nhà trường đã lấy phiếu phản hồi từ người học với số lượng khá lớn qua các năm, năm nhiều nhất 13.413 (năm 2016-2017) phiếu, năm ít nhất 11.487 phiếu (năm 2019-2020). Trong đó tỷ lệ hài lòng về Thư viện dao động từ 88,6 đến 95,1% (mức độ hài lòng tăng dần từ năm học 2016-2017 đến nay. Về CNTT tỷ lệ hài lòng dao động từ 89,3 đến 95,1%. Về cơ sở vật chất tỷ lệ hài lòng dao động từ 76,3 đến 89,1%. Về nhà ăn, dịch vụ tỷ lệ hài lòng từ 77,2 đến 86,8%.

Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường thực

hiện việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác bằng việc đề xuất các giải pháp có giá trị và có tính khả thi nhằm đáp ứng nhu cầu người học. Tiếp thu ý kiến của người học, năm học 2016-2017 Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ người học như đăng ký học, các thủ tục hành chính, tư vấn tâm lý, chế độ chính sách, hướng nghiệp, việc làm, các hoạt động tại Trung tâm thư viện... để mang đến mức độ hài lòng ngày càng cao của sinh viên. Năm học 2019-2020 tại kết luận của Hiệu trưởng số 70/TB-ĐHV ngày 06/5/2019 Nhà trường tiếp thu ý kiến của sinh viên, giao cho Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung học liệu kịp thời cho tất cả các ngành. Nhà trường đã nâng thời gian mượn sách lên 20 ngày. Nhà trường đã đưa vào sử dụng mượn, trả và gia hạn mượn tài liệu tự động. Sinh viên có thể gia hạn tài liệu trực tuyến trên website thư viện, qua điện thoại hoặc qua email.

Nhà trường ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường đại học Vinh. Quyết định đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học tại điều 16. Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học theo các nội dung liên quan (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với trưởng các đơn vị trong trường quán triệt và thông báo đến cán bộ viên chức về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Các đơn vị trực thuộc trường quán triệt viên chức và người học về công tác lấy ý kiến người học và trách nhiệm của họ đối với hoạt động này (Điều 21). Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể về cơ chế phản hồi các bên liên quan như: Hướng dẫn về xây dựng CĐR đào tạo trình độ đại học. Kế hoạch xây

dựng và phát triển CTĐT theo CDIO; Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Kế hoạch triển khai thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-2018. Kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan năm học 2010-2021. Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người công dân đối với dịch vụ giáo dục công tại trường; Các thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về hoạt động giảng dạy và các hoạt động của nhà trường.

Hàng năm thực hiện kế hoạch công tác ĐBCL, các đơn vị của Nhà trường đã tiến hành 6 hoạt động khảo sát chính để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: i) khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc học phần; ii) khảo sát ý kiến của SV năm cuối về khóa học; iii) khảo sát ý kiến người học, CBVC về hoạt động của các khoa, phòng, trung tâm trong Trường; iv) khảo sát ý kiến của cựu SV về việc làm, thu nhập và chất lượng đào tạo; v) khảo sát ý kiến người sử dụng lao động, cựu SV, chuyên gia, đại diện các tổ chức xã hội, nghề nghiệp về CTĐT và CDR, về chất lượng đào tạo; vi) khảo sát ý kiến CB, GV, NV và người học về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất và hệ thống thông tin thư viện. Thông qua việc khảo sát của Nhà trường đã thực hiện trong chu kỳ KĐCL cho thấy: Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng quy trình được quy định trên các văn bản; quy định các đối tượng tham gia lấy ý kiến, nội dung lấy ý kiến, các mức độ đánh giá, hình thức lấy ý kiến, thời gian lấy ý kiến phù hợp. Công cụ khảo sát đa dạng gồm các loại phiếu giấy và sử dụng công nghệ thông tin để khảo sát online. Các loại phiếu hỏi và phương pháp xử lý dữ liệu nhìn chung có độ tin cậy. Phương pháp khảo sát các bên liên quan khá đa dạng gồm: phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn qua điện thoại, trả lời online qua phần mềm quản lý đào tạo. Thời điểm thực hiện các đợt khảo sát từng đối tượng được quy định cụ thể. Kết quả lấy ý kiến phản hồi đã phản ánh tương đối khách quan, có độ tin cậy về các hoạt động của Nhà trường.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của CBGV, SV và chất lượng đào tạo trong Nhà trường. Nhà trường thực hiện việc cải tiến công tác lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các khảo sát, đánh giá như: Góp ý phiếu lấy khảo sát người học và phụ huynh học sinh năm học 2018-2019; Báo cáo sơ kết việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV năm học 2016 - 2017; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Bí thư - Hiệu trưởng nhà trường với đoàn viên, thanh niên, SV năm học 2017-2018; Báo kết luận của Hiệu trưởng nhà trường tại Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2018 - 2019; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV năm 2019 – 2020. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của người dạy, người lãnh đạo và chất lượng đào tạo trong nhà trường. Ví dụ: Đã điều chỉnh về nội dung phiếu khảo sát, thay đổi thời gian lấy phiếu, đặc biệt từ năm 2018 đã thay đổi hình thức lấy phiếu khảo sát GV từ phát tay sang hình thức online.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 11:

Việc theo dõi tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được giao cho phòng Phòng CT HSSV và đội ngũ quản lý SV chịu trách nhiệm. Nhà trường và Khoa Luật luôn theo dõi sát sao tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo và trợ lý quản lý SV; có sự phối hợp giữa Khoa và các đơn vị chuyên trách của Nhà trường để thực hiện việc theo dõi nắm bắt tình hình học tập của SV. Các phòng chức năng và Khoa theo dõi và lập danh sách thôi học, tốt nghiệp nhờ phần mềm quản lý đào tạo CMC, được

phân quyền theo nhiệm vụ của các cá nhân và các đơn vị. Nhà trường có danh sách SV tốt nghiệp và danh sách SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp của mỗi đợt xét tốt nghiệp.

Tỉ lệ SV tốt nghiệp toàn khóa của ngành Luật kinh tế tính đến thời gian học tối đa. Năm học 2016-2017 ngành Luật kinh tế bắt đầu có khóa đầu tiên tốt nghiệp. Trong giai đoạn KĐCLGD từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020 tỷ lệ tốt nghiệp đạt từ 69,8 đến 83,0%. Năm có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất là khóa đầu tiên tốt nghiệp năm 2016-2017. Tỉ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 dao động trong khoảng 0,5% đến 3,4%. Khoa đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp, xem đây là một trong những chỉ số cần cải thiện và có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hành vi tiêu cực. Trợ lý quản lý SV Khoa Luật là đầu mối thông tin về tình trạng SV, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Trợ lý quản lý SV thực hiện báo cáo tình trạng của người học cho Khoa và Nhà trường hằng tháng, vì vậy đảm bảo chính xác số liệu, trạng thái người học. Khoa đã phân tích tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, tốt nghiệp muộn gồm các yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu, chưa đạt trình độ năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh B1...

Nhà trường tiến hành đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, để cải tiến chất lượng CTĐT. Nhà trường thường xuyên cập nhật tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đối sánh giữa các năm, chỉ ra được sự biến động qua các năm để có các giải pháp hỗ trợ SV chậm tốt nghiệp hoặc khó khăn trong việc theo học. Đối sánh về tỷ lệ thôi học, các khóa học có sự dao động từ 0,5% năm 2019-2020 đến 3,4% năm học 2015-2016. Diễn biến theo năm học cho thấy năm thứ nhất có số lượng SV thôi học nhiều hơn và giảm dần qua các năm sau trong các năm học. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có sự thay đổi qua các năm, đạt cao nhất là năm 2016-2017 (83%) và thấp nhất năm

2019-2020 mới đạt 69,8%.

Phòng Đào tạo là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của SV chính quy toàn trường nói chung cũng như ngành Luật kinh tế nói riêng. Trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp cùng với Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan trong việc thống kê, quản lý SV tốt nghiệp. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế đã được Nhà trường thống kê, tính toán. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế dao động từ 4,0 năm đến 4,15 năm theo từng khóa học. Trong đó khóa học 2012-2016 có thời gian tốt nghiệp trung bình nhiều nhất là 4,15 năm, khóa học 2013-2018: 4,1 năm, khóa 2015-2019: 4,09 năm, khóa 2016-2020: 4 năm, trung bình cả 5 khóa là 4,08 năm. Kết quả tính toán cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế thay đổi không đáng kể qua các năm.

Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho SV để kịp thời rà soát, hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng thời hạn. Những thông báo này được gửi cho tất cả các Khoa/Viện, phòng, ban, các SV và đăng tải trên trang thông tin chính thức của Trường. Triển khai thực hiện kế hoạch của Nhà trường, mỗi năm Khoa Luật đều tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho SV đồng thời thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Mỗi học kỳ, Khoa và Nhà trường kịp thời cảnh báo, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... Khoa đã có một số buổi họp bàn và xác định nguyên nhân của SV chậm tốt nghiệp là do: liên quan đến vấn đề sức khỏe, nợ học phần, lý do cá nhân như đi nghĩa vụ quân sự, hoàn cảnh gia đình, đặc biệt chưa đạt trình độ ngoại ngữ B1... Những cảnh báo và thông báo này cũng được gửi tới phụ huynh của SV. Thông qua đó, SV và phụ huynh nắm bắt được thông tin, lên kế hoạch, giải pháp để SV hoàn thành chương trình học đúng thời hạn.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế có xu hướng giảm qua các năm đào tạo. Hàng năm, Nhà trường/Khoa đều tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp đã thực hiện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp, bổ

sung các giải pháp mới. Khoa và Nhà trường cũng đã phân tích các nguyên nhân để kiểm soát và thực hiện các biện pháp nhằm giảm hơn nữa thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn. Khoa đã giao cho Trợ lý quản lý SV lập Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp, Nhật ký tư vấn cho người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN làm đầu mối thực hiện việc theo dõi thống kê tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều hoạt động để nắm bắt thông tin về tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như: xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau tốt nghiệp; lập sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa có được việc làm. Trợ lý quản lý SV của Khoa bên cạnh chức năng quản lý người học đang theo học còn thực hiện việc kết nối và thống kê đối với người học sau tốt nghiệp. Nhà trường ban hành quy trình khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, cũng như ứng dụng phần mềm trong khảo sát và quản lý kết quả khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp. Nội dung khảo sát về tình trạng việc làm: Có việc làm, làm đúng ngành nghề/đúng chuyên môn được đào tạo, nơi làm việc, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, có thay đổi nơi làm.

Nhà trường/Khoa đã khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp các năm 2017 và 2018 vào các năm 2019 và 2020. Kết quả khảo sát cho thấy: SV tốt nghiệp năm 2017, tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 86,4%, trong đó khu vực Nhà nước 11,2%, tư nhân 73,8%, có yếu tố nước ngoài 2,2%, tự tạo việc làm 9,4%, tiếp tục học 3,4%. SV tốt nghiệp năm 2018 sau 12 tháng tốt nghiệp có việc làm là 92,0%, trong đó khu vực Nhà nước 5,5%, tư nhân 62,4%, có yếu tố nước ngoài 6,1%, tự tạo việc làm 15,4%, tiếp tục học 10,6%. Nhà trường giao Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN thống kê tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và đối sánh giữa các năm. Năm 2019 và 2020 đã khảo sát SV tốt nghiệp năm 2017, 2018 (Tỷ lệ SV có

việc làm dao động trong khoảng 86,4 đến 92,0%), năm 2017 có tỷ lệ 86,4%, năm 2018 có tỷ lệ 82,2%. Đối sánh tỷ lệ có việc làm với các ngành trong Trường cho thấy năm 2017 tỷ lệ có việc làm của ngành Luật kinh tế cao hơn ngành Báo chí, Hóa học nhưng thấp hơn ngành Luật học và Quản trị kinh doanh. Đối sánh tỷ lệ có việc làm của ngành Luật kinh tế với ngành Luật kinh tế các trường đại học trong nước cho thấy: Năm 2017 và 2018 ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Vinh luôn thấp hơn ngành Luật kinh tế Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế ĐH Đà Nẵng.

Trường/Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục, thực hiện các phương án hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm như: Hằng năm, Nhà trường cùng với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng tổ chức các hội chợ việc làm; Việc khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp/nhà tuyển dụng đã được triển khai để từ đó điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội; Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN là đơn vị đầu mối trong việc hợp tác giữa Nhà trường với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng nhằm hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Tổ chức diễn đàn “Thời 4.0: Người Việt trẻ đang ở đâu”. Nhà trường tổ chức các hoạt động liên kết, ký các thoả thuận hợp tác với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập, phối hợp thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, ví dụ tổ chức ngày hội học sinh, SV khởi nghiệp. Tổ chức các hoạt động phát động SV tham gia khởi nghiệp; Tổ chức diễn đàn “Câu chuyện đi làm và khởi nghiệp của SV”.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025; Quy định về quản lý các hoạt động KH&CN. Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV bao gồm: Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ khoa học; Tham gia các hội nghị hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học, các giải thưởng KHCN; Tham gia triển khai ứng dụng KHCN vào thực tiễn trong các lĩnh vực; Công bố các kết quả NCKH,

các dự án khởi nghiệp. Số lượng NCKH của SV được cụ thể trong kế hoạch NCKH hằng năm của Khoa.

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện và giám sát hoạt động NCKH của người học. Các đơn vị chịu trách nhiệm giám sát bao gồm: Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng CTCT-HSSV, Phòng HCTH và Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KHCN của Trường; Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Vinh, cùng các quy định về chế độ khen thưởng đối với SV, chính sách về kinh phí dành cho công tác NCKH, trong đó có NCKH của SV.

Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng Kế hoạch Tài chính, các khoa có nhiệm vụ theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KHCN của Trường; Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ; Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, những đề tài có chất lượng được khen thưởng và in thành kỷ yếu. Giai đoạn KĐCL, người học của ngành Luật kinh tế đã thực hiện 5 đề tài cấp Trường, 16 đề tài cấp khoa, tham gia 3 hội thi cấp quốc gia (về phiên tòa giả định), đăng 1 bài báo Tạp chí thiết bị và giáo dục.

Để nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn, Khoa đã thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học của CTĐT Kế toán qua các năm. Đối sánh về loại hình, số lượng NCKH của SV ngành Luật kinh tế với ngành Luật học cho thấy: Về đề tài cấp Trường, SV ngành Luật kinh tế cao

hơn (5/3), đề tài cấp khoa SV ngành Luật học cao hơn (17/16), về tham gia hội thi quốc gia SV ngành Luật kinh tế có 3 nhóm trong khi ngành Luật học không có, về bài báo SV ngành Luật học cao hơn (2/1).

Để khuyến khích người học NCKH, Nhà trường có quy định mức hỗ trợ kinh phí NCKH của SV tại Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường có chính sách khen thưởng cho thành tích NCKH của SV như: Triển khai tổ chức xét chọn và trao giải cho SV NCKH, gồm có các giải: Giải nhất kinh phí khen thưởng 500.000 đ, kinh phí hỗ trợ 10.000.000đ; Giải nhì kinh phí khen thưởng 300.000 đ, kinh phí hỗ trợ 8.000.000đ; Giải ba kinh phí khen thưởng 200.000 đ, kinh phí hỗ trợ 5.000.000đ; Giải khuyến khích kinh phí khen thưởng 100.000 đ, kinh phí hỗ trợ 3.000.000đ. Trong 5 năm SV của ngành Luật kinh tế có 3 nhóm SV của ngành Luật kinh tế đạt giải thưởng hội quốc gia về kỹ năng rèn luyện nghề nghiệp.

Nhà trường đã giao trách nhiệm cho Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm HTSV&QHDN là đơn vị chức năng xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,... Bao gồm: cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng. Hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được triển khai cụ thể như: lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy; các hoạt động của các đơn vị hành chính; các hoạt động của Nhà trường về các hoạt động dạy. Sau mỗi đợt khảo sát, kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, xử lý bằng phần mềm SPSS và được đơn vị khảo sát lập báo cáo trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Trong các báo cáo kết quả khảo sát đều được phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất. Nội dung khảo sát được phân làm 4 nhóm chủ đề chính, bao gồm ý kiến đánh giá về: (1) CTĐT, (2) giảng viên, (3) tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo, (4) mức độ đáp ứng mong đợi của SV. Kết quả thống kê khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá Tốt các chỉ số của CTĐT đạt từ 67,1% đến 73,0%; đánh giá Tốt cho các chỉ số của giảng viên đạt từ 71,2% đến 75,4%. Đánh giá tốt cho

tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo 65,1% đến 72,5%; Mức độ hài lòng so với mong đợi của sinh viên về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63 - 70%. Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT Luật kinh tế qua các năm. Kết quả cho thấy tất cả các tiêu chí đều có mức độ hài lòng trên 90% qua các năm.

Nhà trường và Khoa đã khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh giữa các năm và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ trong và ngoài Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD của Khoa. Trên cơ sở đó Trường/Khoa đã có những đề xuất cải tiến chất lượng như: Rà soát lại CTĐT; Nâng cấp mượn trả tài liệu/học liệu trực tuyến; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng phòng học để phục vụ cho SV tự học ngoài giờ; tăng định mức chi cho NCKH cho GV và SV... Kết quả đạt được trong chu kỳ đánh giá CTĐT: điều chỉnh phân kỳ các học phần của khung chương trình năm 2016 (dùng cho khoá 57) và 2017 (dùng cho khoá 58) so với khung chương trình năm 2014 (dùng cho khoá 54); rút gọn từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ cho CTDH năm 2017, bổ sung thêm 02 môn học về Kỹ năng như Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Luật, Kỹ năng tư vấn thành lập và quản trị doanh nghiệp; điều chỉnh nội dung và thời lượng môn học Kỹ năng thực hành chuyên ngành Luật kinh tế; điều chỉnh môn học Nhập môn ngành KHXH&NV thành Nhập môn ngành Luật. Bổ sung các giáo trình phục vụ đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy như: Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam; Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam; Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam; Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam; Giáo trình kỹ năng tư vấn thủ tục thành lập doanh nghiệp. Về hình thức đánh giá: điều chỉnh điểm quá trình từ 30% lên 50%, bổ sung thêm các hình thức thi như vấn đáp, thi trắc nghiệm và đồ án cuối kỳ.

3.2. Những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo

3.2.1. Những tồn tại của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Những tồn tại Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Luật kinh tế khá chung chung và giống mục tiêu cụ thể của các CTĐT khác của Nhà trường; chưa thể hiện được những đặc thù riêng biệt của ngành Luật kinh tế.

CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế được trình bày chưa tương thích với quy định tại tiết b, khoản 4, điều 1 QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; và tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 (không nêu rõ ràng, cụ thể về (c) năng lực tự chủ và trách nhiệm).

Số lượng đối tượng được khảo sát có phản hồi ở Thành phố Hồ Chí Minh khá ít. Thang đo trong Phiếu khảo sát của Nhà trường được thiết kế chưa khoa học khi định nghĩa về các mức độ. Báo cáo phân tích kết quả khảo sát chưa nêu được rõ nét các yêu cầu của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Những tồn tại Tiêu chuẩn 2:

Một số nội dung trong bản mô tả CTĐT khá dài làm cho bản mô tả CTĐT nặng nề.

Kết quả Đoàn đánh giá ngoài phỏng vấn trực tiếp nhóm đối tượng tuyển dụng cho thấy một số nhà tuyển dụng chưa tiếp cận các đề cương chi tiết của CTĐT ngành Luật kinh tế nên chưa nắm bắt được hết những kiến thức và kỹ năng người học được trang bị.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Những tồn tại Tiêu chuẩn 3:

Văn bản quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập là văn bản tạm thời áp dụng từ năm 2017 đến nay vẫn chưa có văn bản chính thức.

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát các bên liên quan bao gồm: GV, cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng về sự phù hợp của nội dung các học phần với CDR của CTĐT và mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực.

Mẫu phiếu khảo sát SV với thang đo 4 mức, trong đó có mức “Không có ý kiến” là chưa phù hợp.

CDR của CTĐT và CDR của các học phần khá nhiều, chưa có sự tích hợp khoa học và hợp lý.

Số học phần tự chọn trong CTĐT chiếm tỷ lệ nhỏ (4,8%).

Nhà trường/Khoa chưa đối sánh mức độ hợp lý của các học phần thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường với nhiều CTĐT Luật kinh tế trong nước để có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các học phần phù hợp nhằm đảm bảo CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường có tính hội nhập cao với các CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học khác.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Những tồn tại Tiêu chuẩn 4:

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn nhóm các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên cho thấy vẫn có một số người chưa biết hoặc chưa quan tâm đến Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Trong bản Kế hoạch số 55/KH-ĐHV ngày 30/12/2016 quy định đánh giá hoạt động của GV theo 4 mức độ: Tốt, Khá, Trung bình và Chưa đạt, nhưng phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học đưa ra thang đánh giá 5 mức, trong đó có mức “Không có ý kiến gì” là không phù hợp.

Nhà trường chưa định kỳ hằng năm khảo sát mức độ hài lòng của GV đối với hoạt động dạy và học của Nhà trường.

Kết quả khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV cho thấy vẫn còn tỷ lệ nhỏ SV chưa hài lòng với kỹ năng sư phạm và việc sử dụng hiệu quả nhiều phương pháp giảng dạy, ví dụ kết quả khảo sát SV năm 2018 cho thấy tỷ lệ đánh giá ở 3 mức (“trung bình”, mức “không ý kiến” và mức “Chưa đạt”) là 12,6%.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Những tồn tại Tiêu chuẩn 5:

Các văn bản/quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành dưới hình thức „Tạm thời“ có nội hàm trong nhiều văn bản khác nhau nên có nhiều điểm trùng lặp, do vậy việc theo dõi đánh giá tình hình thực hiện không thuận tiện.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm SV cho thấy vẫn còn một số SV chưa nắm bắt được đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần.

Các phương pháp đánh giá và các tiêu chí đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ còn phụ thuộc nhiều vào giảng viên và Bộ môn.

Nhà trường/Khoa chưa định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Các phiếu khảo sát được thiết kế với các câu hỏi chưa thực sự bám sát theo các mục tiêu cần hỏi.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Những tồn tại Tiêu chuẩn 6:

Qua hồ sơ minh chứng và kết quả phỏng vấn cho thấy, Khoa Luật trong đó có ngành Luật Kinh tế chưa làm rõ chính sách về nhân sự, Việc tạo nguồn quy hoạch

giảng viên ngành Luật kinh tế đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Luật, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Luật chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều. Khoa chưa có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

Tuy nhiên, vẫn còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Khoa Luật tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, còn đạt mức khá thấp. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt

động phục vụ cộng đồng. Khoa chưa thiết kế mẫu kế hoạch nhiệm vụ năm học của GV (Logframe) để thống nhất thực hiện trong toàn Khoa và thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát.

Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của khoa Luật chưa nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên chưa tương xứng tiềm năng và thế mạnh của Khoa, chưa có bài báo quốc tế uy tín. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Những tồn tại Tiêu chuẩn 7:

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế; năng lực làm việc chưa đồng đều. Khoa Luật chưa phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên, còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

Việc đánh giá năng lực hàng tháng chưa tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Đồng thời, việc quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị dẫn đến có nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng không được ghi nhận xứng đáng. Chưa có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa Luật chưa xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống

quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa hấp dẫn các cán bộ.

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên chưa được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Nhà trường và Khoa Luật chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV chưa được đồng đảo CBNV

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Những tồn tại Tiêu chuẩn 8:

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh và việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực về ngành đào tạo còn hạn chế.

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh vào ngành Luật kinh tế chưa đa dạng. Qua phỏng vấn các nhà tuyển dụng đề nghị bổ sung hình thức xét tuyển kết hợp thi tuyển để lựa chọn được người học có năng lực vào ngành Luật Kinh tế.

Giai đoạn 2016 -2020 còn có 130 lượt sinh viên ngành Luật Kinh tế được cảnh báo học tập và 24 lượt sinh viên bị buộc thôi học. Nhà trường chưa ban hành quy định về chức trách, nhiệm vụ của các chủ nhiệm lớp sinh viên trong toàn Trường.

Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học và cựu người học đối với hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm chưa được xử lý và phân tích theo các ngành đào tạo.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Những tồn tại Tiêu chuẩn 9:

Các bộ môn của Khoa Luật chưa được bố trí phòng làm việc riêng, không gian làm việc của cán bộ giảng viên còn chật hẹp.

Tỷ lệ giáo trình tài liệu học tập, tham khảo có thời gian xuất bản trên 5 năm còn khá cao (70,9%).

Việc kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa bài bản (Chưa có thông tin phân loại về tình trạng hoạt động và chất lượng các trang thiết bị).

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm). Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

Qua kiểm tra thực tế cho thấy: một vài bình cứu hoả ở khu ký túc xá sinh viên không đảm bảo tình trạng kỹ thuật (áp suất trong bình xuống dưới mức quy định).

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Những tồn tại Tiêu chuẩn 10:

Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục từ 2015-2020, Nhà trường/Khoa mới tổ chức khảo sát đề rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, CTĐT 1 lần năm 2016.

Qua trao đổi với các CB, GV giảng dạy CTĐT tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả cho thấy: một số ít GV chưa nắm vững về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Điều này cho thấy một số GV chưa thật sự tham gia vào quá trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của ngành Luật kinh tế.

Nội dung phiếu khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy chưa thật chi tiết. Nhà trường chưa tổng kết đánh giá mức độ tin cậy của kết quả phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy của từng GV.

Kết quả phỏng vấn nhóm SV ngành Luật kinh tế của Đoàn ĐGN tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, phong trào NCKH chưa thật sự được nhiều SV quan tâm và hưởng ứng, chưa thu hút được sự ham mê của số đông SV các năm đầu của khóa học, chưa thu hút SV tham gia nghiên cứu khoa học.

Nghiên cứu các báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ và tiện ích cho thấy: Nhà trường chưa thật sự quan tâm nhiều đến vai trò, ý nghĩa của kênh thông tin khảo sát để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu của người học và CBGV, NV của Nhà trường.

Các phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập; chưa được định lượng đánh giá về các miền đo thông tin của các câu hỏi; chưa kịp thời điều chỉnh sau nhiều năm sử dụng.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Những tồn tại Tiêu chuẩn 11:

Tỷ lệ SV tốt nghiệp giảm dần qua các năm trong chu kỳ KĐCLGD vì nguyên nhân chủ quan như chưa hoàn thành chương trình học, chưa đạt trình độ năng lực ngoại ngữ, sức khỏe...

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV nào tốt nghiệp sớm, trong khi số lượng SV tốt nghiệp chậm vẫn còn và đang có xu hướng gia tăng.

Mặc dù biểu mẫu khảo sát có các câu hỏi về mức thu nhập của SV tốt nghiệp, nhưng số liệu tổng hợp về các kết quả khảo sát không cung cấp những thông tin cụ thể về mức thu nhập trung bình của SV tốt nghiệp ngành Luật kinh tế.

Đoàn ĐGN đã trao đổi với nhóm GV, SV, kết quả cho thấy nhiều CBGV và SV thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế chưa thật sự quan tâm đến công tác NCKH của SV; các chủ đề của sản phẩm NCKH của SV chưa được định hướng để phục vụ hiệu quả cho các hoạt động học tập ngành ngành đào tạo.

Mặc dù hằng năm Nhà trường khảo sát với số lượng phiếu tương đối lớn (hàng chục nghìn đối với SV), tuy nhiên Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của cán bộ nhân viên, GV, nhà tuyển dụng để đề xuất các giải pháp hữu ích cho cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

3.2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng CTĐT

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 1:

Trong kỳ rà soát sắp tới Khoa Luật cần rà soát và hoàn thiện lại cấu trúc của mục tiêu đào tạo ngành Luật Kinh tế theo hướng ngoài các mục tiêu tổng quát, cần nêu rõ các mục tiêu cụ thể để đảm bảo mục tiêu cụ thể phản ánh được những đặc thù đặc trưng nhất của Ngành Luật kinh tế theo các quy định hiện hành.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện lại CĐR của CTĐT để đảm bảo CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế tuân thủ đúng cấu trúc quy định về CĐR theo Thông tư 07/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 16/4/2015 và Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18/10/2016 về CĐR ở bậc 6; đồng thời nên lượng hóa và tích hợp các CĐR của CTĐT và CĐR của từng học phần để đảm bảo tính logic và thể hiện được những đặc thù của ngành Luật kinh tế.

Nhà trường/Khoa cần có những giải pháp khả thi để mở rộng được số lượng và thành phần tham gia trả lời các phiếu khảo sát.

Nhà trường nên đầu tư để hoàn thiện phiếu khảo sát với thang đo đảm bảo tính logic và các câu hỏi nhằm khảo sát sâu hơn về các nội dung liên quan CĐR (kiến

thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm) của CĐR để có thể thu thập được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh CĐR. Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để rút ra được các yêu cầu cần cải tiến và nguyên nhân vì sao nhất thiết phải có sự cải tiến đó về CĐR.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 2:

Nhà trường nên nghiên cứu để diễn đạt một số nội dung trong bản mô tả CTĐT súc tích và cô đọng hơn.

Nhà trường/Khoa nên có những hoạt động đa dạng hơn, như truyền thông trong các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng; quảng bá về các học phần (kèm theo tóm tắt đề cương học phần) trên ứng dụng của công nghệ thông tin để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nắm bắt được những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm những người học ngành Luật kinh tế sẽ đạt được khi tốt nghiệp nhằm mở rộng khả năng được tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 3:

Nhà Trường cần đánh giá lại kết quả thực hiện theo văn bản quy định tạm thời về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập được áp dụng từ năm 2017 đến nay để đúc rút ra những điểm cần bổ sung và hệ thống hoá lại các văn bản quy định về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học để ban hành văn bản chính thức bao phủ được toàn diện các vấn đề liên quan đến đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về việc định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm SV, GV, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội hàm của các học phần trong CTĐT có thể hiện được việc đạt được CĐR không.

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại các câu hỏi trong cả hai phiếu khảo sát (Phiếu khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên và Phiếu khảo sát SV cuối khóa) để chuẩn hóa lại các câu hỏi, đảm bảo mỗi câu hỏi đo lường một thông tin nhất định theo sát mục tiêu khảo sát.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu và rà soát kỹ lưỡng nội hàm của từng học phần/môn học và CĐR của từng học phần/môn học để có những điều chỉnh và tích hợp các CĐR một cách logic và khoa học về ma trận kết nối giữa CĐR của học phần/môn học với CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế để bảo đảm có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Trường/Khoa cần nghiên cứu để tăng thêm số học phần tự chọn của CTĐT ngành Luật Kinh tế để đảm bảo phù hợp nguyện vọng cá nhân của người học và tăng khả năng thích ứng cao của sinh viên tốt nghiệp với nhu cầu xã hội.

Nhà trường nên nghiên cứu và đối sánh với nhiều cơ sở giáo dục có đào tạo ngành Luật kinh tế ở trong và ngoài nước khác về nội dung giảng dạy các học phần chuyên sâu của ngành Luật với các học phần tương ứng của ngành Luật Kinh tế để điều chỉnh/bổ sung cho các học phần của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật Kinh tế của Khoa và mở rộng khả năng hội nhập với các cơ sở giáo dục đại học khác.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường cần có những giải pháp để mở rộng hơn việc quảng bá Triết lý giáo dục của Trường trên nhiều kênh thông tin khác nhau (ví dụ: trên các dụng cụ của internet, các ứng dụng của công nghệ thông tin vào smart phone) để các đối tượng quan tâm đến Trường hiểu rõ hơn về Triết lý giáo dục của Trường.

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại các mẫu phiếu khảo sát để hoàn thiện lại thang đo và các câu hỏi nhằm thu thập được các phản hồi hữu ích về hoạt động giảng dạy và phương pháp học tập phục vụ cho mục tiêu cải tiến nâng cao chất lượng.

Nhà trường/Khoa cần có quy định về việc định kỳ hằng năm thực hiện việc khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với hoạt động giảng dạy kèm theo các hướng dẫn cụ thể về việc phân tích đánh giá các kết quả khảo sát nhằm thu thập được các số liệu tin cậy phục vụ việc đổi mới hoạt động giảng dạy và học tập. Đồng thời, Nhà trường cần có cơ chế giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ định kỳ khảo sát này.

Nhà trường/Khoa cần tìm hiểu vì sao vẫn còn có ý kiến SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động giảng dạy của GV để từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục phù hợp.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường cần rà soát và hệ thống hóa lại các văn bản liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để từ đó hợp nhất các văn bản liên quan thành một văn bản để chính thức ban hành quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính hệ thống của văn bản và thuận tiện cho GV, SV nắm bắt, triển khai thực hiện.

Khoa nên kết hợp với Đoàn TN và Hội Sinh viên, cố vấn học tập để có các giải pháp phù hợp lứa tuổi SV để tuyên truyền, phổ biến về nội quy, quy chế đào tạo, đặc biệt các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học nắm bắt được đầy đủ hơn các quy định này.

Nhà trường nên đầu tư tập huấn sâu cho các cán bộ chuyên trách về khảo thí và các giảng viên các khoa về quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và các phương pháp đánh giá hiện đại để chuẩn hóa các câu hỏi thi trong ngân hàng câu hỏi thi của Ngành Luật.

Nhà trường/Khoa cần có phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi đề lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Khoa Luật cần phối hợp với Trung Đảm bảo chất lượng của Trường rà soát các câu hỏi trong phiếu khảo sát và định nghĩa lại các mức trong thang đánh giá để đảm bảo tính khoa học và có thể thu thập được các thông tin phản hồi hữu ích.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 6:

Khoa Luật trong đó có ngành Luật Kinh tế cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Luật kinh tế cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Luật, Đề án vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Luật chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian cần đầy đủ các nội dung cốt lõi.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc.

Nhà trường cần thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website và thông tin cần được lan truyền rộng rãi để số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng phong phú hơn. Khoa cần có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên c hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa cần xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên cần được Nhà trường và Khoa Luật tiến hành đa dạng, thường xuyên và kịp thời, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT,

phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Đồng thời cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

Không nên quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao. Khoa cần thiết kế mẫu kế hoạch nhiệm vụ năm học của GV (Logframe) để thống nhất thực hiện trong toàn Khoa và thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát.

Khoa Luật cần nâng cao chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên cần tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của Khoa. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường cần phong phú hơn. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường cần được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 7:

Khoa Luật và Nhà trường cần nâng cao tính chuyên nghiệp và năng lực của nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ; năng lực làm việc cần đồng đều. Khoa Luật cần phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên cần được thực hiện thường xuyên, cần có sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cần hiệu quả.

Việc đánh giá năng lực hàng tháng cần tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Khoa không nên quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị

để kịp thời động viên và tạo động lực cho các cá nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cần có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa Luật cần xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cần hấp dẫn các cán bộ.

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên cần được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Nhà trường và khoa Luật cần triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV có sự tham gia được đông đảo của CBNV tham gia.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 8:

Nhà trường cần có giải pháp để mở rộng phạm vi lấy ý kiến tới nhiều đối tượng và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đối với Ngành Luật Kinh tế để có chính sách tuyển sinh phù hợp

Nhà trường nên nghiên cứu bổ sung phương thức xét tuyển kết hợp thi tuyển để chọn được người học có năng lực phù hợp với ngành Luật Kinh tế.

Nhà trường/Khoa cần phân tích xác định nguyên nhân để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm giảm tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ. Nhà trường nên ban hành văn bản quy định cụ thể chức trách nhiệm vụ của đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên, thống nhất thực hiện trong Nhà trường để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ chuyên trách này.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng cựu người học đối với hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm cần được xử lý và phân tích theo từng ngành học để có thể đưa

ra được các giải pháp phù hợp để cải tiến hoặc nâng cao chất lượng về môi trường tâm lý, xã hội cho từng ngành học liên quan.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường thông qua phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 9:

Nhà trường cần bố trí phòng làm việc riêng cho các bộ môn và tăng diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên của Khoa Luật.

Thư viện cần phối hợp với Khoa kiểm tra, rà soát lại số lượng các tài liệu có thời hạn xuất bản trên 5 năm, thanh lý những tài liệu không còn phù hợp và mua thay thế những xuất bản mới nhất thuộc lĩnh vực Luật Kinh tế để tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khi lựa chọn tài liệu học tập, tham khảo.

Nhà trường cần tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia kiểm kê trước khi tiến hành kiểm kê hằng năm để hoạt động kiểm kê được thực hiện bài bản đúng quy định.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin và có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT. Nhà trường cần có giải pháp để bảo đảm tốc độ hệ thống wifi phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Nhà trường cần định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng/thay thế kịp thời các phương tiện PCCC không đảm bảo tình trạng hoạt động.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường thông qua các phiếu khảo

sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 10:

Nhà trường/Khoa cần định kỳ rà soát điều chỉnh CDR và CTĐT định kỳ ít nhất 2 năm một lần theo quy định tại Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

Trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH hoặc rà soát điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa nên huy động sự tham gia của tất cả các GV trực tiếp giảng dạy CTĐT để thu thập được đa chiều các ý kiến cho việc phát triển và hoàn thiện CTĐT.

Nhà trường nên sớm ban hành quy định tổng thể về việc rà soát đánh giá quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV để thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn Trường. Nhà trường cần điều chỉnh các bộ phiếu khảo sát ý kiến của các bên liên quan về quá trình tổ chức dạy-học và kiểm tra đánh giá để chất lượng khảo sát được tốt hơn.

Nhà trường cần đa dạng hơn trong chính sách khen thưởng và hỗ trợ có hiệu quả, để thu hút đông đảo người học tham gia các đề tài NCKH như thưởng điểm học tập, hoặc thay thế cho những học phần gần với hướng nghiên cứu ở đề tài NCKH của SV.

Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn về nhân lực và vật lực cho nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan để thu thập được các thông tin đóng góp trực tiếp hữu ích cho tạo dựng cơ sở để đề xuất các khuyến nghị và các giải pháp khả thi dựa trên các kết quả khảo sát các bên liên quan. Đồng thời Nhà trường cần đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng khảo sát, thống kê phân tích và viết báo cáo khảo sát cho CBGV và nhân viên để Nhà trường có được các kết quả khảo sát đi kèm với các khuyến nghị thật sự hữu ích cho việc cải tiến các hoạt động của Nhà trường.

Nhà trường nên định kỳ rà soát, điều chỉnh và định lượng phân tích đánh giá các công cụ khảo sát, quy trình khảo sát, phương pháp phân tích và hệ thống hóa các kết quả khảo sát của từng đối tượng. Kết quả đánh giá này được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng các công cụ khảo sát và nâng cao độ tin cậy của các kết quả khảo sát.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 11:

Nhà trường, Khoa nên đưa ra những giải pháp tương ứng phù hợp từng đối tượng để giảm thiểu số lượng SV thôi học, không tốt nghiệp hàng năm vì những lý do cá nhân.

Nhà trường, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác SV và Khoa cần có giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy các bộ môn, các cố vấn học tập tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp chậm, có SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

Sau mỗi lần khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, bộ phận chức năng được giao là đầu mối thực hiện cần tổng hợp các dữ liệu đầy đủ bao gồm: phương pháp khảo sát (điện thoại, gửi email phiếu khảo sát ...), người thực hiện, thời gian khảo sát, số lượng khảo sát, đối tượng khảo sát, mức thu nhập ... để tạo thành cơ sở dữ liệu về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp ngành Luật kinh tế và thuận lợi cho việc xác định phân khúc thị trường lao động để Nhà trường/Khoa có biện pháp cải thiện các chỉ số thực hiện và tư vấn cho SV.

Nhà trường cần có cơ chế, chính sách vừa mang tính bắt buộc, vừa mang tính khuyến khích để thúc đẩy các Khoa, Bộ môn, GV và người học tham gia tích cực vào các hoạt động NCKH của SV, gắn các chủ đề, nội dung NCKH của người học với ngành đào tạo.

Hàng năm, khi khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ

GV, NH, cơ sở vật chất,...Nhà trường cần khảo sát đầy đủ các bên liên quan để đạt được hiệu quả tốt nhất.

3.3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá ngoài

0	Số tiêu chí	Số tiêu chí đạt	Số tiêu chí chưa đạt	Số tiêu chí không ĐG
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	3	2	1	0
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	3	3	0	0
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	3	2	1	0
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	3	2	1	0
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	5	4	1	0
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	7	7	0	0
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	5	5	0	0
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	5	5	0	0
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	5	5	0	0
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	6	5	1	0
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	5	4	1	0
Tổng	50	44	6	0

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

Căn cứ kết quả TĐG của Nhà trường, căn cứ các minh chứng và thông tin đủ tính hợp pháp và xác thực thu thập được trong quá trình nghiên cứu hồ sơ TĐG, quá trình khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức tại Nhà trường, Đoàn chuyên gia ĐGN đã đánh giá chất lượng CTĐT theo từng tiêu chí, thông qua việc đưa ra các điểm mạnh, tồn tại và các khuyến nghị khắc phục theo từng tiêu chí, đồng thời đánh giá mức đạt của tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 1.1

Ngành Luật kinh tế trình độ đại học được đào tạo tại Trường Đại học Vinh từ năm học 2013 theo Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng đã ký quyết định công bố chuẩn đầu ra của 50 ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy trong đó có chuẩn đầu ra của ngành Luật kinh tế (QĐ số 4338/QĐ-ĐHV ngày 24/12/2013). Trong giai đoạn 2015-2020, Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế được điều chỉnh vào năm 2017 (QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 và năm 2019 (QĐ số 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019). Các phiên bản của CTĐT đều có các mục tiêu cụ thể. CTĐT ban hành năm 2017 tiếp cận CDIO, có mục tiêu đào tạo “Sinh viên tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành Luật Kinh tế có khả năng: (1) áp dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; (2) hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực kinh tế đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá đất

nước và hội nhập quốc tế”. CTĐT năm 2019 mục tiêu đã được điều chỉnh, cải tiến: *“Sinh viên tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành Luật Kinh tế có khả năng: (1) áp dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; (2) hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực kinh tế đáp ứng nhu cầu nhân lực ngày càng cao của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, tiếp cận tiến trong khu vực và trên thế giới”*

Mục tiêu của CTĐT ngành Luật Kinh tế được xác định phù hợp Sứ mạng: *“Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”* và phù hợp với Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019)

Mục tiêu đào tạo ngành Luật Kinh tế phù hợp với Luật Giáo dục đại học (năm 2012, và sửa đổi năm 2018): *“Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài...; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KHCN tương xứng với trình độ đào tạo có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”*.

Mục tiêu đào tạo ngành Luật Kinh tế đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động, thông qua việc khảo sát SV cuối khóa, cựu SV, nhà sử dụng lao động, các cơ quan, tổ chức Nhà trường đã nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, từ đó hoàn thiện mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Luật Kinh tế. Các khảo sát ý kiến của các bên liên quan thực hiện vào các năm 2014, 2016 và năm 2017 (QĐ số 20/QĐ-KL ngày 20/4/2014; QĐ số 26/QĐ-KL ngày 19/4/2016; QĐ số 30/QĐ-KL ngày 18/11/2016)

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 1.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 1.1

Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Luật kinh tế khá chung chung và giống mục tiêu cụ thể của các CTĐT khác của Nhà trường; chưa thể hiện được những đặc thù riêng biệt của ngành Luật kinh tế.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 1.1

Trong kỳ rà soát sắp tới Khoa Luật cần rà soát và hoàn thiện lại cấu trúc của mục tiêu đào tạo ngành Luật Kinh tế theo hướng ngoài các mục tiêu tổng quát, cần nêu rõ các mục tiêu cụ thể để đảm bảo mục tiêu cụ thể phản ánh được những đặc thù đặc trưng nhất của Ngành Luật kinh tế theo các quy định hiện hành.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 1.1: 4

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 1.2

Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra (CĐR) ngành Luật Kinh tế theo QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 (CĐR năm 2013 là QĐ số 4338/QĐ-ĐHV ngày 24/12/2013). CĐR ngành Luật Kinh tế rõ ràng; cụ thể, bảo đảm được khối lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; Nội dung của CĐR đã phản ánh được mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Luật Kinh tế. Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn này sẽ đáp ứng yêu cầu theo mục tiêu đào tạo Cử nhân ngành Luật Kinh tế của Nhà trường.

72 CĐR ngành Luật Kinh tế mô tả theo 4 nhóm năng lực: (1) Kiến thức và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Trong đó có 15 CĐR về kiến thức

và lập luận ngành, 26 CĐR về Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; 13 CĐR Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; 18 CĐR Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Vị trí/chức danh công việc, cơ quan có thể làm việc cũng được mô tả trong văn bản về CĐR. Trường ĐH Vinh quy định CĐR về trình độ ngoại ngữ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ B1 khung tham chiếu Châu Âu) (QĐ số 411/QĐ-ĐHV ngày 28/1/2015). CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế được xây dựng phù hợp với Sứ mạng của Nhà trường.

CĐR, CTĐT và hệ thống các học phần có liên hệ với nhau. Nhà trường xây dựng ma trận kết nối giữa CĐR và mục tiêu đào tạo. Mỗi học phần đều chỉ ra được sự đóng góp vào các ma trận kỹ năng và vào việc hình thành các kiến thức, những kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho người học. Mỗi bài/chương của học phần đều chỉ ra đóng góp vào CĐR của học phần.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 1.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 1.2

CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế được trình bày chưa tương thích với quy định tại tiết b, khoản 4, điều 1 QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; và tại khoản 1 điều 5 Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 (không nêu rõ ràng, cụ thể về (c) năng lực tự chủ và trách nhiệm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 1.2

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện lại CĐR của CTĐT để đảm bảo CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế tuân thủ đúng cấu trúc quy định về CĐR theo Thông tư 07/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 16/4/2015 và

Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18/10/2016 về CĐR ở bậc 6; đồng thời nên lượng hóa và tích hợp các CĐR của CTĐT và CĐR của từng học phần để đảm bảo tính logic và thể hiện được những đặc thù của ngành Luật kinh tế.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 1.2: 3

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 1.3

Khi hoàn thiện, cải tiến CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế, Nhà trường đã lấy ý kiến của các bên liên quan về việc sửa đổi CĐR và CTĐT (QĐ số 20/QĐ-KL ngày 20/4/2014; QĐ số 26/QĐ-KL ngày 19/4/2016) theo nhóm đối tượng khảo sát bao gồm: Năm 2014 (Người sử dụng lao động: 30 phiếu; Nhà quản lý, GV ngành Luật của các cơ sở giáo dục đại học khác: 20 phiếu; Lấy ý kiến theo địa bàn khảo sát: Hà Nội 15 phiếu; Nghệ An: 20 phiếu ...); Năm 2016 (Người sử dụng lao động: 50 phiếu; SV: 30 phiếu; cựu SV: 20 phiếu; Nhà quản lý, GV ngành Luật của các cơ sở giáo dục đại học khác: 20 phiếu); Lấy ý kiến theo địa bàn khảo sát: Hà Nội 20 phiếu; Nghệ An: 65 phiếu; Thanh Hoá, Hà Tĩnh: 20 phiếu ...);

Kết quả khảo sát năm 2016 cho thấy hơn 80% đồng ý rằng các CĐR (bao gồm: kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, phẩm chất cần có) là rất cần và rất cần thiết; Trung bình trên 80% đều nhận định CĐR đạt được mức độ 3 (Hiểu và giải thích) là hợp lý; trên 75% đánh giá rằng các môn học của CTĐT đều cần thiết và rất cần thiết ...

Các bộ môn đã tiến hành họp về xây dựng CTĐT ngành Luật Kinh tế; Hội đồng Khoa học & Đào tạo Nhà trường đã họp thảo luận và thông qua CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế sau mỗi lần rà soát và điều chỉnh. Nhà trường đã ban hành CĐR ngành Luật Kinh tế theo QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 (trước đó là QĐ số

4338/QĐ-ĐHV ngày 24/12/2013). Từ năm 2013, Nhà trường đã xây dựng, đổi mới 02 lần CĐR. Trong chu kỳ KĐCL, Nhà trường đã rà soát và điều chỉnh đổi mới 2 lần CĐR (năm 2017 và năm 2019); các CĐR đều được phê duyệt và được công bố theo đúng quy định.

CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau: đưa trên cổng thông tin điện tử của Trường: <http://vinhuni.edu.vn/chuan-dau-ra/cac-nganh-dao-tao-cu-nhan/luat-kinh-te-52709> và <http://canbo.vinhuni.edu.vn/quan-ly-hoc-tap/hoc-lieu>. CTĐT, được công bố công khai trong Bản mô tả CTĐT, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong đề án tuyển sinh của Trường, các tờ rơi ...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 1.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 1.3

Số lượng đối tượng được khảo sát có phản hồi ở Thành phố Hồ Chí Minh khá ít. Thang đo trong Phiếu khảo sát của Nhà trường được thiết kế chưa khoa học khi định nghĩa về các mức độ. Báo cáo phân tích kết quả khảo sát chưa nêu được rõ nét các yêu cầu của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 1.3

Nhà trường/Khoa cần có những giải pháp khả thi để mở rộng được số lượng và thành phần tham gia trả lời các phiếu khảo sát.

Nhà trường nên đầu tư để hoàn thiện phiếu khảo sát với thang đo đảm bảo tính logic và các câu hỏi nhằm khảo sát sâu hơn về các nội dung liên quan CĐR (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm) của CĐR để có thể thu thập được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh CĐR. Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để rút ra được các yêu cầu cần cải tiến và nguyên nhân vì sao nhất thiết phải có sự cải tiến đó về CĐR.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 1.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 1

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 1:

Hiệu trưởng đã ký quyết định công bố chuẩn đầu ra của 50 ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy trong đó có chuẩn đầu ra của ngành Luật kinh tế. Trong giai đoạn 2015-2020, CTĐT ngành Luật Kinh tế được điều chỉnh vào năm 2017 và năm 2019. Các phiên bản của CTĐT đều có các mục tiêu cụ thể và được cải tiến để phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với Luật Giáo dục đại học

Mục tiêu đào tạo ngành Luật Kinh tế đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động.

Nhà trường đã ban hành 72 chuẩn đầu ra (CĐR) ngành Luật Kinh tế. CĐR ngành Luật Kinh tế rõ ràng cụ thể, bảo đảm được khối lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; Nội dung của CĐR đã phản ánh được mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Luật Kinh tế xây dựng phù hợp với Sứ mạng của Nhà trường. SV tốt nghiệp đạt chuẩn này sẽ đáp ứng yêu cầu theo mục tiêu đào tạo Cử nhân ngành Luật Kinh tế của Nhà trường.

CĐR, CTĐT và hệ thống các học phần có liên hệ với nhau. Nhà trường xây dựng ma trận kết nối giữa CĐR và mục tiêu đào tạo. Mỗi học phần đều chỉ ra được sự đóng góp vào các ma trận kỹ năng và vào việc hình thành các kiến thức, những kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho người học.

Khi hoàn thiện, cải tiến CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế, Nhà trường đã lấy ý kiến của các bên liên quan về việc sửa đổi CĐR và CTĐT.

Kết quả khảo sát năm 2016 cho thấy hơn 80% đồng ý rằng các CĐR là rất cần và rất cần thiết; Trung bình trên 80% đều nhận định CĐR đạt được mức độ 3 (Hiệu

và giải thích) là hợp lý; trên 75% đánh giá rằng các môn học của CTĐT đều cần thiết và rất cần thiết ...

Các bộ môn đã tiến hành họp về xây dựng CTĐT ngành Luật Kinh tế; Hội đồng Khoa học & Đào tạo Nhà trường đã họp thảo luận và thông qua CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế sau mỗi lần rà soát và điều chỉnh. Trong chu kỳ KĐCL, Nhà trường đã rà soát và điều chỉnh đổi mới 2 lần CĐR các CĐR đều được phê duyệt và được công bố theo đúng quy định.

CĐR của CTĐT ngành Luật Kinh tế được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau. CTĐT, được công bố công khai trong Bản mô tả CTĐT, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong đề án tuyển sinh của Trường, các Tờ rơi ...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 1:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Luật kinh tế khá chung chung và giống mục tiêu cụ thể của các CTĐT khác của Nhà trường; chưa thể hiện được những đặc thù riêng biệt của ngành Luật kinh tế.

CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế được trình bày chưa tương thích với quy định tại tiết b, khoản 4, điều 1 QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; và tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 (không nêu rõ ràng, cụ thể về (c) năng lực tự chủ và trách nhiệm).

Số lượng đối tượng được khảo sát có phản hồi ở Thành phố Hồ Chí Minh khá ít. Thang đo trong Phiếu khảo sát của Nhà trường được thiết kế chưa khoa học khi định nghĩa về các mức độ. Báo cáo phân tích kết quả khảo sát chưa nêu được rõ nét các yêu cầu của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 1:

Trong kỳ rà soát sắp tới Khoa Luật cần rà soát và hoàn thiện lại cấu trúc của mục tiêu đào tạo ngành Luật Kinh tế theo hướng ngoài các mục tiêu tổng quát, cần nêu rõ các mục tiêu cụ thể để đảm bảo mục tiêu cụ thể phản ánh được những đặc thù đặc trưng nhất của Ngành Luật kinh tế theo các quy định hiện hành.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện lại CĐR của CTĐT để đảm bảo CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế tuân thủ đúng cấu trúc quy định về CĐR theo Thông tư 07/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 16/4/2015 và Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18/10/2016 về CĐR ở bậc 6; đồng thời nên lượng hóa và tích hợp các CĐR của CTĐT và CĐR của từng học phần để đảm bảo tính logic và thể hiện được những đặc thù của ngành Luật kinh tế.

Nhà trường/Khoa cần có những giải pháp khả thi để mở rộng được số lượng và thành phần tham gia trả lời các phiếu khảo sát.

Nhà trường nên đầu tư để hoàn thiện phiếu khảo sát với thang đo đảm bảo tính logic và các câu hỏi nhằm khảo sát sâu hơn về các nội dung liên quan CĐR (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm) của CĐR để có thể thu thập được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh CĐR. Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để rút ra được các yêu cầu cần cải tiến và nguyên nhân vì sao nhất thiết phải có sự cải tiến đó về CĐR.

3. Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 1	3,67
Tiêu chí 1.1	4
Tiêu chí 1.2	3
Tiêu chí 1.3	4

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Điểm mạnh Tiêu chí 2.1

Căn cứ vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn xây dựng bản mô tả CTĐT (HD số 03/HD-ĐHV ngày 11.7.2019). Căn cứ vào hướng dẫn của Nhà Trường, Khoa Luật đã xây dựng bản mô tả CTĐT ngành Luật Kinh tế và Nhà trường đã ký ban hành (QĐ số 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019) Bản mô tả CTĐT năm 2019 tiếp cận CDIO có đầy đủ các nội dung theo quy định, bao gồm: tên: Trường ĐH Vinh; tên gọi của văn bằng: Cử nhân Luật kinh tế; tên CTĐT: ngành Luật Kinh tế trình độ đại học; thời gian đào tạo: 4 năm; mục tiêu, CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; Hình thức tuyển sinh, điều kiện nhập học, cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR); mô tả vắn tắt nội dung học phần; thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

CTĐT ngành Luật Kinh tế được rà soát 2 lần (năm 2017, năm 2019). Bản mô tả ban hành năm 2017, được công bố công khai cùng CTĐT. Trước đó Nhà trường được công bố công khai toàn bộ CTDH. Bản mô tả CTĐT năm 2017 đã ghi nhận những thay đổi của CTĐT năm 2017 so với CTĐT năm 2014. Năm 2014 CTĐT có 132 TC; năm 2017 giảm còn 125 TC (giảm 7 TC); bỏ một số học phần như: Kinh tế vĩ mô và Kinh tế vi mô, Luật cạnh tranh, Luật Ngân hàng, Luật Môi trường...; tăng số HP tự chọn; có môn tăng thời lượng (Luật Hành chính (từ 3TC lên 5TC), Luật hình sự (từ 4 TC lên 5TC) có môn giảm thời lượng: Lý luận lịch sử nhà nước và pháp luật (từ 5TC giảm còn 4TC); Luật Đất đai (từ 4TC giảm còn 3TC); bổ sung một số học phần mới: Tâm lý học; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính thông dụng; Logic hình thức... Ngoài ra còn bổ sung thêm một số học

phần kỹ năng: Kỹ năng tư vấn pháp luật về đất đai; Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động; Kỹ năng thực hành chuyên ngành luật kinh tế...

Bản CTĐT năm 2019 bổ sung học phần Nhập môn Ngành Luật học thay cho học phần Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 2.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 2.1

Một số nội dung trong bản mô tả CTĐT khá dài làm cho bản mô tả CTĐT nặng nề.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 2.1

Nhà trường nên nghiên cứu để diễn đạt một số nội dung trong bản mô tả CTĐT súc tích và cô đọng hơn.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 2.1: 5

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 2.2

CTĐT ngành Luật Kinh tế gồm 35 học phần, trong đó có 3 học phần tự chọn (với 6 tín chỉ). 100% các học phần đều có đề cương chi tiết và được phê duyệt (QĐ số 3242-ĐHV ngày 29/9/2014; QĐ số 747-ĐHV ngày 27/4/2017). 100% các đề cương các học phần đều có đầy đủ các nội dung cấu thành theo quy định về việc hướng dẫn xây dựng ĐCCT các học phần, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT. Đề cương các học phần đều có đầy đủ thông tin, bao gồm: tên học phần; trình độ đào tạo; khoa/bộ môn phụ trách giảng dạy; tên GV phụ trách giảng dạy; số tín chỉ; tính chất học phần bắt buộc hay tự chọn, các học phần học trước, học phần song hành; mô tả vắn tắt nội dung học phần; mục tiêu, các CDR về kiến thức, về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ, về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp; nội dung/lich trình chi tiết học phần; ma trận liên kết nội dung các bài giảng, mục tiêu với CDR của học phần; tài liệu học tập chính, tài liệu tham khảo; phương pháp dạy, phương pháp học

và quy định về hành vi lớp học. Phương pháp đánh giá học phần cùng các trọng số tương ứng đều được tham chiếu đến CĐR.

Tất cả các đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh vào các năm 2017, năm 2019 (Hồ sơ đào tạo và Biên bản họp tổ Bộ môn và Hội đồng Khoa các năm). Năm 2019, Nhà trường đã tích hợp CĐR vào CTĐT. Nhà trường đã thực hiện đối sánh, tiếp thu và cập nhật từ các đề cương học phần có trong CTĐT ngành Luật Kinh tế của một số trường đại học có uy tín trong nước như: Trường ĐH Luật Hà Nội, Trường ĐH Bond, Úc.

CTĐT năm 2017 đã ghi nhận những thay đổi của CTĐT năm 2014. Năm 2014 CTĐT có 132 TC; năm 2017 giảm còn 125 TC (giảm 7 TC); bỏ một số học phần như: Kinh tế vĩ mô và Kinh tế vi mô, Luật cạnh tranh, Luật Ngân hàng, Luật Môi trường...; tăng số HP tự chọn; có môn tăng thời lượng (Luật Hành chính (từ 3TC lên 5TC), Luật hình sự (từ 4 TC lên 5TC) có môn giảm thời lượng: Lý luận lịch sử nhà nước và pháp luật (từ 5TC giảm còn 4TC); Luật Đất đai (từ 4TC giảm còn 3TC); bổ sung một số học phần mới: Tâm lý học; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính thông dụng; Logic hình thức... Ngoài ra còn bổ sung thêm một số học phần kỹ năng: Kỹ năng tư vấn pháp luật về đất đai; Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động; Kỹ năng thực hành chuyên ngành luật kinh tế...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 2.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 2.2

Tiêu chí này không có tồn tại.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 2.2

Tiêu chí này không đề xuất khuyến nghị

3. Mức đạt được của Tiêu chí 2.2: 4

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 2.3

Bản mô tả CTĐT ngành Luật Kinh tế được công bố công khai bằng nhiều hình thức: công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và của Khoa Luật: <http://vinhuni.edu.vn>; <http://khoaluat.vinhuni.edu.vn>; được phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học và trong các Tờ rơi, tài liệu bản tin quảng bá về CTĐT, môn học (các thông tin cơ bản: CDR, cấu trúc khoá học, nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá và hoạt động đào tạo, thời gian đào tạo...).

Toàn bộ các đề cương các học phần qua các lần điều chỉnh được lưu giữ trong hồ sơ đào tạo các năm học của Nhà trường, được quản lý tại Văn phòng Khoa Luật và thư viện của Nhà trường và trên hệ thống LMS của Trường thuận lợi cho GV và SV vào tra cứu.

Qua phỏng vấn trực tiếp GV, SV và cựu SV cho thấy buổi học đầu tiên của mỗi học phần các SV đều được GV phổ biến, hướng dẫn và cung cấp đề cương học phần.

Việc công khai bản mô tả CTĐT và tất cả các đề cương chi tiết các học phần của ngành Luật Kinh tế trên cổng thông tin điện tử của Trường/Khoa và trong Đề án tuyển sinh hàng năm đã giúp cho các đối tượng liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học ...) có thể tiếp cận. Khoa Luật đã công khai bản mô tả CTĐT tới các đối tượng liên quan: các đơn vị sử dụng lao động, đại diện các doanh nghiệp, SV và các cựu SV trong các cuộc hội thảo, trong đợt lấy ý kiến của các bên liên quan.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 2.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 2.3

Kết quả Đoàn đánh giá ngoài phỏng vấn trực tiếp nhóm đối tượng tuyển dụng

cho thấy một số nhà tuyển dụng chưa tiếp cận các đề cương chi tiết của CTĐT ngành Luật kinh tế nên chưa nắm bắt được hết những kiến thức và kỹ năng người học được trang bị.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 2.3

Nhà trường/Khoa nên có những hoạt động đa dạng hơn, như truyền thông trong các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng; quảng bá về các học phần (kèm theo tóm tắt đề cương học phần) trên ứng dụng của công nghệ thông tin để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nắm bắt được những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm những người học ngành Luật kinh tế sẽ đạt được khi tốt nghiệp nhằm mở rộng khả năng được tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 2.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 2

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 2:

Căn cứ vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn xây dựng bản mô tả CTĐT. Căn cứ vào hướng dẫn của Nhà Trường, Khoa Luật đã xây dựng bản mô tả CTĐT ngành Luật Kinh tế đã được Hiệu trưởng ký ban hành. Bản mô tả CTĐT năm 2019 tiếp cận CDIO có đầy đủ các nội dung theo quy định.

CTĐT ngành Luật Kinh tế được rà soát 2 lần (năm 2017, năm 2019). Bản mô tả ban hành năm 2017, được công bố công khai cùng CTĐT. Trước đó Nhà trường được công bố công khai toàn bộ CTDH. Bản mô tả CTĐT năm 2017 đã ghi nhận những thay đổi của CTĐT năm 2017 so với CTĐT năm 2014. Năm 2014 CTĐT có 132 TC; năm 2017 giảm còn 125 TC (giảm 7 TC); bỏ một số học phần, tăng số HP

tự chọn; có môn tăng thời lượng có môn giảm thời lượng, bổ sung một số học phần mới.

Bản mô tả CTĐT năm 2019 bổ sung học phần Nhập môn Ngành Luật học thay cho học phần Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn.

CTĐT ngành Luật Kinh tế gồm 35 học phần, trong đó có 3 học phần tự chọn (với 6 tín chỉ). 100% các học phần đều có đề cương chi tiết và được phê duyệt, các đề cương các học phần đều có đầy đủ các nội dung cấu thành theo quy định về việc hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết các học phần, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

Tất cả các đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh vào các năm 2017, năm 2019 (Hồ sơ đào tạo và Biên bản họp tổ Bộ môn và Hội đồng Khoa các năm). Năm 2019, Nhà trường đã tích hợp CDR vào CTĐT. Nhà trường đã thực hiện đối sánh, tiếp thu và cập nhật từ các đề cương học phần có trong CTĐT ngành Luật Kinh tế của một số trường đại học có uy tín trong nước như: Trường ĐH Luật Hà Nội, Trường ĐH Bond, Úc.

Bản mô tả CTĐT ngành Luật Kinh tế được công bố công khai bằng nhiều hình thức và trong các Tờ rơi, tài liệu bản tin quảng bá về CTĐT, môn học.

Toàn bộ các đề cương các học phần qua các lần điều chỉnh được lưu giữ trong hồ sơ đào tạo các năm học của Nhà trường, được quản lý tại Văn phòng Khoa Luật và thư viện của Nhà trường và trên hệ thống LMS của Trường thuận lợi cho GV và SV vào tra cứu.

Khoa Luật đã công khai bản mô tả CTĐT tới các đối tượng liên quan: các đơn vị sử dụng lao động, đại diện các doanh nghiệp, SV và các cựu SV trong các cuộc hội thảo, trong đợt lấy ý kiến của các bên liên quan.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 2:

Một số nội dung trong bản mô tả CTĐT khá dài làm cho bản mô tả CTĐT nặng nề.

Kết quả Đoàn đánh giá ngoài phỏng vấn trực tiếp nhóm đối tượng tuyển dụng cho thấy một số nhà tuyển dụng chưa tiếp cận các đề cương chi tiết của CTĐT ngành Luật kinh tế nên chưa nắm bắt được hết những kiến thức và kỹ năng người học được trang bị.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 2:

Nhà trường nên nghiên cứu để diễn đạt một số nội dung trong bản mô tả CTĐT súc tích và cô đọng hơn.

Nhà trường/Khoa nên có những hoạt động đa dạng hơn, như truyền thông trong các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng; quảng bá về các học phần (kèm theo tóm tắt đề cương học phần) trên ứng dụng của công nghệ thông tin để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nắm bắt được những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm những người học ngành Luật kinh tế sẽ đạt được khi tốt nghiệp nhằm mở rộng khả năng được tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 2:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 2	4,33
<i>Tiêu chí 2.1</i>	5
<i>Tiêu chí 2.2</i>	4
<i>Tiêu chí 2.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh Tiêu chí 3.1

CTDH ngành Luật kinh tế được thiết kế theo hướng dẫn chung do Bộ GD&ĐT quy định. CTDH có mục tiêu đào tạo, CĐR và các nội dung khác theo quy định. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Nhà Trường đã ban hành Kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTDH theo hệ thống tín chỉ (KH 2246/KH-ĐT ngày 7/8/2013) và được cập nhật, điều chỉnh vào năm 2016 bằng văn bản Hướng dẫn về xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO (HD số 10/HD-ĐHV ngày 30/8/2016). CTĐT đã xây dựng theo các bước của Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV ngày 4/9/2019), gồm 7 bước: (1) Thành lập tổ soạn thảo CTĐT; (2) Xây dựng dự thảo; (3) Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; (4) Hoàn thiện CTĐT lần 1; (5) Tổ chức xây dựng CĐR và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTĐT lần 2; (6) Tổ chức Hội thảo hoàn thiện dự thảo CTĐT lần 2; (7) Hoàn thiện và công bố

Cấu trúc của CTDH ngành Luật Kinh tế có 42 TC khối kiến thức cơ bản (chiếm 34,1%), 72 TC khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (chiếm 58,3%), và 09 TC khối kiến thức tốt nghiệp (chiếm 7,6%). Các đề cương chi tiết các học phần đều được đều được thẩm định bởi Hội đồng Khoa (các BB hợp của Hội đồng Khoa của Khoa Luật về đánh giá CTĐT từ thực tiễn giảng dạy).

Các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Luật kinh tế bao gồm: thuyết trình, thảo luận nhóm, diễn án (phiên tòa giả định), brain storming, thực hành tại các văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, tòa án, doanh nghiệp Nhà trường sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; đánh giá kết quả học tập theo quá trình. Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá và

tỷ lệ đánh giá tương quan với chuẩn đầu ra các môn học: đánh giá ý thức 10%; đánh giá hồ sơ học phần 20%; đánh giá giữa kỳ 20%; đánh giá cuối kỳ 50% (Quy định tạm thời số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Vinh). Hình thức thi đang áp dụng gồm có: thi trắc nghiệm, vấn đáp và tự luận tùy theo từng môn học. Mỗi học phần quy định hành vi trên lớp, quy định về tham dự lớp học (SV nộp hồ sơ môn học theo yêu cầu; SV phải nộp bài tập, báo cáo, tỷ lệ SV phải có mặt trên lớp)

Đề cương học phần chỉ ra mỗi phương pháp đánh giá, mỗi hình thức kiểm tra đánh giá học phần hướng đến đạt được CDR cho người học. CTDH có ma trận kỹ năng kết nối từng học phần với CDR của CTĐT. Các học phần có mục tiêu học phần, CDR của học phần; các nội dung của từng học phần đều chỉ ra việc đáp ứng đối với CDR cụ thể của học phần.

Khi hoàn thiện, cải tiến CTDH ngành Luật Kinh tế, Nhà trường đã lấy ý kiến của các bên liên quan về việc sửa đổi CDR và CTĐT.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, mức độ sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế có kiến thức và kỹ năng đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu của công việc.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 3.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 3.1

Văn bản quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập là văn bản tạm thời áp dụng từ năm 2017 đến nay vẫn chưa có văn bản chính thức.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 3.1

Nhà Trường cần đánh giá lại kết quả thực hiện theo văn bản quy định tạm thời về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập được áp dụng từ năm 2017 đến nay để đúc rút ra những điểm cần bổ sung và hệ thống hoá lại các văn bản quy định về công

tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học để ban hành văn bản chính thức bao phủ được toàn diện các vấn đề liên quan đến đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 3.1: 4

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 3.2

Nhà trường đã xây dựng ma trận kết nối giữa học phần với CĐR của CTĐT. Tất cả các học phần đều có đóng góp vào hình thành những CĐR đã xác định.

100% các học phần đều có mục tiêu đào tạo, CĐR của học phần. CĐR của học phần bao gồm CĐR về kiến thức, CĐR về kỹ năng và CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Ở mỗi học phần Nhà trường đều xây dựng 2 ma trận: Ma trận kết nối CĐR của học phần với CĐR của CTĐT và Ma trận kết nối nội dung từng chương của học phần với CĐR của học phần. Các ma trận này thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CĐR của CTĐT. Ví dụ, học phần Luật Dân sự có: 15 CĐR về kiến thức, 14 CĐR về kỹ năng (Kỹ năng nghề và phẩm chất nghề), 4 CĐR về Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp. 4 CĐR về kỹ năng thực hành nghề theo chuẩn CDIO

100% các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, Nhà trường sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; đánh giá kết quả học tập theo quá trình. Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá và tỷ lệ đánh giá tương quan với chuẩn đầu ra các môn học: đánh giá ý thức 10%; đánh giá hồ sơ học phần 20%; đánh giá giữa kỳ 20%; đánh giá cuối kỳ 50% (Quy định tạm thời số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Vinh). Phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau

để đảm bảo đạt được CDR. Với từng học phần, có quy định cụ thể về các phương pháp giảng dạy, phương pháp học. Trong từng bài giảng/chương đều có quy định rõ những các phương pháp giảng dạy phù hợp kèm theo phương thức sinh viên học tập.

100% các học phần đều có xác định rõ phương pháp kiểm tra/đánh giá: Mỗi học phần đều có quy định hành vi trên lớp, quy định về tham dự lớp học của người học. Với mỗi loại hình kiểm tra đánh giá, Nhà trường đều xác định đóng góp vào việc đo lường đánh giá mức độ đạt được CDR nào của học phần.

Trong giai đoạn 2015-2020, ở các lần điều chỉnh CTĐT (năm 2017 và năm 2019), Ngành Luật Kinh tế đã lấy ý kiến của các SV cuối khoá tốt nghiệp về các học phần. Ví dụ: Kết quả khảo sát SV cuối khoá tốt nghiệp năm 2018 cho thấy 67,1% ý kiến khảo sát đồng ý với “mức tốt” về “CTĐT có mục tiêu rõ ràng và phù hợp với CDR”; 66,3% đánh giá mức tốt về “Cấu trúc CTDH linh hoạt, thuận lợi cho người học lựa chọn, chuyển đổi”; 63,5 % đánh giá tốt về “Chương trình phân bổ tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết, thực hành” ...

Hàng năm Khoa Luật đã lấy ý kiến của SV về các hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát năm 2016 cho thấy trung bình trên 72% ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV đạt mức tốt; năm 2018, trung bình trên 81 % đạt mức tốt và năm 2019 là 60% đạt mức tốt;

Năm 2018, Khoa Luật năm khảo sát SV cuối khoa tốt nghiệp cho thấy 83,6% ý kiến đánh giá từ mức khá trở lên về “GV có kỹ năng sư phạm và sử dụng hiệu quả nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau”; 83,2% đánh giá từ mức khá trở lên về “GV thường xuyên khuyến khích SV tham gia các hoạt động học tập, thảo luận, thực hành và rèn luyện chuyên môn”; 83,6% đánh giá từ mức khá trở lên về “GV sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ SV trong học tập”; 84% SV đánh giá “GV công bằng và đánh giá đúng năng lực của SV”.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 3.2

2.1 Những tồn tại Tiêu chí 3.2

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát các bên liên quan bao gồm: GV, cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng về sự phù hợp của nội dung các học phần với CĐR của CTĐT và mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực.

Mẫu phiếu khảo sát SV với thang đo 4 mức, trong đó có mức “Không có ý kiến” là chưa phù hợp.

CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần khá nhiều, chưa có sự tích hợp khoa học và hợp lý.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 3.2

Nhà trường cần có quy định cụ thể về việc định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm SV, GV, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội hàm của các học phần trong CTĐT có thể hiện được việc đạt được CĐR không.

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại các câu hỏi trong cả hai phiếu khảo sát (Phiếu khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên và Phiếu khảo sát SV cuối khóa) để chuẩn hóa lại các câu hỏi, đảm bảo mỗi câu hỏi đo lường một thông tin nhất định theo sát mục tiêu khảo sát.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu và rà soát kỹ lưỡng nội hàm của từng học phần/môn học và CĐR của từng học phần/môn học để có những điều chỉnh và tích hợp các CĐR một cách logic và khoa học về ma trận kết nối giữa CĐR của học phần/môn học với CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế để bảo đảm có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 3.2: 3

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 3.3

Các học phần trong CTDH ngành Luật kinh tế được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH ngành Luật kinh tế có 125 TC, 35 học phần được cấu trúc theo các khối kiến thức giáo dục đại cương 42 TC (chiếm 34,1%), 72 TC khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (chiếm 58,3%), và 09 TC khối kiến thức tốt nghiệp (chiếm 7,6%). Có 3 Học phần tự chọn, chọn 1 trong 3 học phần, mỗi học phần 2 TC trong 3 tổ hợp, mỗi tổ hợp có 3 học phần. Các đề cương chi tiết các học phần đều được đều được thẩm định bởi Hội đồng Khoa (các BB hợp của Hội đồng Khoa của Khoa Luật về đánh giá CTĐT từ thực tiễn giảng dạy).

Đề cương chi tiết các học phần xác nhận điều kiện để người học từng môn (học phần tiên quyết, học song hành hoặc điều kiện khác) để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy học phần. Kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở khối ngành được bố trí giảng dạy trong hai năm đầu. Các kiến thức ngành được giảng dạy vào các năm sau. Việc thiết kế và kế hoạch đào tạo như vậy là hợp lý và logic.

CTDH ngành Luật Kinh tế được rà soát 2 lần (năm 2017, năm 2019) được công bố công khai cùng CTĐT. Trước đó Nhà trường đã công bố công khai toàn bộ CTDH.

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức: trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và trên trang thông tin điện tử của Khoa Luật (<http://vinhuni.edu.vn>; <http://khoaluat.vinhuni.edu.vn>); tại Văn phòng Khoa, được phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học và trong các tờ rơi, tài liệu bản tin quảng bá về CTĐT, môn học.

Trong quá trình rà soát CTĐT ngành Luật Kinh tế, Nhà trường đã có sự tham khảo CTĐT ngành Luật của Trường ĐH Hà Nội, Trường Đại học Bond, Úc và ngành Luật và ngành Báo chí Trường Đại học Vinh (Bản đối sánh CTĐT các năm 2013, 2016; 2017); đồng thời Khoa Luật đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng Khoa để thảo luận về việc thay đổi/điều chỉnh Khung CTĐT (BB số 04/CVKL-ĐT ngày 20/7/2016 và BB số 02/CVKL-ĐT ngày 20/2/2017) nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp của các học phần trong CTĐT.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 3.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 3.3

Số học phần tự chọn trong CTĐT chiếm tỷ lệ nhỏ (4,8%).

Nhà trường/Khoa chưa đối sánh mức độ hợp lý của các học phần thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường với nhiều CTĐT Luật kinh tế trong nước để có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các học phần phù hợp nhằm đảm bảo CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường có tính hội nhập cao với các CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học khác.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 3.3

Trường/Khoa cần nghiên cứu để tăng thêm số học phần tự chọn của CTĐT ngành Luật Kinh tế để đảm bảo phù hợp nguyện vọng cá nhân của người học và tăng khả năng thích ứng cao của sinh viên tốt nghiệp với nhu cầu xã hội.

Nhà trường nên nghiên cứu và đối sánh với nhiều cơ sở giáo dục có đào tạo ngành Luật kinh tế ở trong và ngoài nước khác về nội dung giảng dạy các học phần chuyên sâu của ngành Luật với các học phần tương ứng của ngành Luật Kinh tế để điều chỉnh/bổ sung cho các học phần của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật Kinh tế của Khoa và mở rộng khả năng hội nhập với các cơ sở giáo dục đại học khác.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 3.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 3

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 3:

CTDH ngành Luật kinh tế được thiết kế theo hướng dẫn chung do Bộ GD&ĐT quy định. CTDH có mục tiêu đào tạo, CĐR và các nội dung khác theo quy định. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. CTĐT đã xây dựng theo các bước của Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy.

Các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Luật kinh tế đa dạng và linh hoạt. Nhà trường sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; đánh giá kết quả học tập theo quá trình. Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá và tỷ lệ đánh giá tương quan với chuẩn đầu ra các môn học.

Đề cương học phần chỉ ra mỗi phương pháp đánh giá, mỗi hình thức kiểm tra đánh giá học phần hướng đến đạt được CĐR cho người học. CTDH có ma trận kỹ năng kết nối từng học phần với CĐR của CTĐT. Các học phần có mục tiêu học phần, CĐR của học phần; các nội dung của từng học phần đều chỉ ra việc đáp ứng đối với CĐR cụ thể của học phần.

Nhà trường đã xây dựng ma trận kết nối giữa học phần với CĐR của CTĐT. Tất cả các học phần đều có đóng góp vào hình thành những CĐR đã xác định.

100% các học phần đều có mục tiêu đào tạo, CĐR của học phần. CĐR của học phần bao gồm CĐR về kiến thức, CĐR về kỹ năng và CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Ở mỗi học phần Nhà trường đều xây dựng 2 ma trận: Ma trận kết nối CĐR của học phần với CĐR của CTĐT và Ma trận kết nối nội dung từng chương của học phần với CĐR của học phần. Các ma trận này thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CĐR của CTĐT.

100% các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, Nhà trường sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; đánh giá kết quả học tập theo quá trình. Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá và tỷ lệ đánh giá tương quan với chuẩn đầu ra các môn học.

100% các học phần đều có xác định rõ phương pháp kiểm tra/đánh giá: Mỗi học phần đều có quy định hành vi trên lớp, quy định về tham dự lớp học của người học. Với mỗi loại hình kiểm tra đánh giá, Nhà trường đều xác định đóng góp vào việc đo lường đánh giá mức độ đạt được CĐR nào của học phần.

Các học phần trong CTDH ngành Luật kinh tế được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Các đề cương chi tiết các học phần đều được đều được thẩm định bởi Hội đồng Khoa (các BB hợp của Hội đồng Khoa của Khoa Luật về đánh giá CTĐT từ thực tiễn giảng dạy).

CTDH ngành Luật Kinh tế được rà soát 2 lần (năm 2017, năm 2019) được công bố công khai cùng CTĐT. Trước đó Nhà trường đã công bố công khai toàn bộ CTDH.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 3:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 3:

Văn bản quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập là văn bản tạm thời áp dụng từ năm 2017 đến nay vẫn chưa có văn bản chính thức.

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát các bên liên quan bao gồm: GV, cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng về sự phù hợp của nội dung các học phần với CĐR của CTĐT và mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực.

Mẫu phiếu khảo sát SV với thang đo 4 mức, trong đó có mức “Không có ý kiến” là chưa phù hợp.

CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần khá nhiều, chưa có sự tích hợp khoa

học và hợp lý.

Số học phần tự chọn trong CTĐT chiếm tỷ lệ nhỏ (4,8%).

Nhà trường/Khoa chưa đối sánh mức độ hợp lý của các học phần thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường với nhiều CTĐT Luật kinh tế trong nước để có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các học phần phù hợp nhằm đảm bảo CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường có tính hội nhập cao với các CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học khác.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 3:

Nhà Trường cần đánh giá lại kết quả thực hiện theo văn bản quy định tạm thời về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập được áp dụng từ năm 2017 đến nay để đúc rút ra những điểm cần bổ sung và hệ thống hoá lại các văn bản quy định về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học để ban hành văn bản chính thức bao phủ được toàn diện các vấn đề liên quan đến đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về việc định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm SV, GV, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội hàm của các học phần trong CTĐT có thể hiện được việc đạt được CĐR không.

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại các câu hỏi trong cả hai phiếu khảo sát (Phiếu khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên và Phiếu khảo sát SV cuối khóa) để chuẩn hóa lại các câu hỏi, đảm bảo mỗi câu hỏi đo lường một thông tin nhất định theo sát mục tiêu khảo sát.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu và rà soát kỹ lưỡng nội hàm của từng học phần/môn học và CĐR của từng học phần/môn học để có những điều chỉnh và tích hợp các CĐR một cách logic và khoa học về ma trận kết nối giữa CĐR của học phần/môn học với CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế để bảo đảm có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Trường/Khoa cần nghiên cứu để tăng thêm số học phần tự chọn của CTĐT ngành Luật Kinh tế để đảm bảo phù hợp nguyện vọng cá nhân của người học và tăng khả năng thích ứng cao của sinh viên tốt nghiệp với nhu cầu xã hội.

Nhà trường nên nghiên cứu và đối sánh với nhiều cơ sở giáo dục có đào tạo ngành Luật kinh tế ở trong và ngoài nước khác về nội dung giảng dạy các học phần chuyên sâu của ngành Luật với các học phần tương ứng của ngành Luật Kinh tế để điều chỉnh/bổ sung cho các học phần của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật Kinh tế của Khoa và mở rộng khả năng hội nhập với các cơ sở giáo dục đại học khác.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 3:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 3	3,67
<i>Tiêu chí 3.1</i>	4
<i>Tiêu chí 3.2</i>	3
<i>Tiêu chí 3.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Tiêu chí: 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

Nhà trường đã ban hành ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục theo QĐ số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019, trong đó nêu rõ Triết lý giáo dục là “Hợp tác – sáng tạo”.

Triết lý giáo dục, Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến cho cán bộ, viên chức, sinh viên của Nhà trường vào đầu năm học mới bằng nhiều hình thức khác nhau: thông qua tuần công dân đầu năm học, trong các cuộc sinh hoạt của các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Công đoàn), trong các sự kiện lớn của Trường và các hoạt động ngoại khoá, do vậy cán bộ, GV và người học đều nắm được về Triết lý của Nhà trường.

Triết lý giáo dục của Nhà Trường được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường <http://vinhuni.edu.vn/gioi-thieu/seo/truong-dai-hoc-vinh-tu-gioi-thieu-95550>, tại các vị trí trang trọng trong khuôn viên của Trường để các đối tượng trong và ngoài Trường có thể dễ nhận biết, dễ đọc. Ngoài ra, Nhà trường giới thiệu mục tiêu đào tạo, triết lý giáo dục trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 4.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 4.1

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn nhóm các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên cho thấy vẫn có một số người chưa biết hoặc chưa quan tâm đến Triết lý của Nhà trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 4.1

Nhà trường cần có những giải pháp để mở rộng hơn việc quảng bá Triết lý giáo dục của Trường trên nhiều kênh thông tin khác nhau (ví dụ: trên các dụng cụ của internet, các ứng dụng của công nghệ thông tin vào smart phone) để các đối tượng quan tâm đến Trường hiểu rõ hơn về Triết lý giáo dục của Trường.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 4.1: 4

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 4.2

Khoa Luật đã xây dựng hoạt động dạy học với các phương pháp giảng dạy đa dạng: Thuyết trình, thảo luận nhóm (hướng vào các nội dung cơ bản của học phần và liên hệ với thực tiễn), hỏi đáp những vấn đề sinh viên đặt ra, đóng vai (diễn án), phiên tòa giả định, động não, trò chơi. Các GV được chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy để phù hợp với từng học phần trong đó khai thác các ứng dụng của công nghệ thông tin vào dạy học, đảm bảo giảng đủ những kiến thức đã quy định.

Việc áp dụng, lựa chọn phương pháp giảng dạy được xác định cụ thể trong đề cương chi tiết các học phần, phù hợp với CDR của từng học phần và hồ sơ giảng dạy của các GV ngành Luật Kinh tế. Ở tất cả các học phần đều có các câu hỏi thảo luận, thời gian cho thảo luận trên lớp để SV rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự làm việc, tự học ... để tăng tính chủ động sáng tạo cho SV. GV hướng dẫn làm việc nhóm, tự học, tự tìm tòi tài liệu để SV chủ động tiếp thu và nâng cao kiến thức.

Qua phỏng vấn trực tiếp cựu SV và SV ngành Luật Kinh tế, một số GV đã chủ động tạo điều kiện để SV tham gia NCKH cùng GV và hướng dẫn SV tham gia NCKH; giúp SV biết cách thu thập tài liệu, viết bài, thuyết trình.

Định kỳ hằng năm Khoa Luật đã lấy ý kiến của SV về các hoạt động giảng

dạy của GV. Ví dụ: kết quả khảo sát SV năm 2016 (thang đánh giá 5 mức độ: chưa đạt, không có ý kiến gì, trung bình, khá, tốt) cho thấy trung bình trên 72% ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV đạt mức tốt; năm 2018, trung bình trên 81% đạt mức tốt và năm 2019 là 60% đạt mức tốt (còn lại là khá). Tương tự, ví dụ kết quả khảo sát SV trước khi tốt nghiệp về “GV có kỹ năng sư phạm và sử dụng hiệu quả nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau” của khoá tốt nghiệp năm 2018 cho thấy 83,6% đánh giá từ mức khá trở lên; 83,2% ý kiến đánh giá từ mức khá trở lên đối với “GV thường xuyên khuyến khích SV tham gia các hoạt động học tập, thảo luận, thực hành và rèn luyện chuyên môn”; 83,6% ý kiến đánh giá từ mức khá trở lên đối với “GV sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ SV trong học tập”

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 4.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 4.2

Trong bản Kế hoạch số 55/KH-ĐHV ngày 30/12/2016 quy định đánh giá hoạt động của GV theo 4 mức độ: Tốt, Khá, Trung bình và Chưa đạt, nhưng phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học đưa ra thang đánh giá 5 mức, trong đó có mức “Không có ý kiến gì” là không phù hợp.

Nhà trường chưa định kỳ hằng năm khảo sát mức độ hài lòng của GV đối với hoạt động dạy và học của Nhà trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 4.2

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại các mẫu phiếu khảo sát để hoàn thiện lại thang đo và các câu hỏi nhằm thu thập được các phản hồi hữu ích về hoạt động giảng dạy và phương pháp học tập phục vụ cho mục tiêu cải tiến nâng cao chất lượng.

Nhà trường/Khoa cần có quy định về việc định kỳ hằng năm thực hiện việc khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với hoạt động giảng dạy kèm theo các hướng dẫn cụ thể về việc phân tích đánh giá các kết quả khảo sát nhằm thu thập được các số liệu tin cậy phục vụ việc đổi mới hoạt động giảng dạy và học tập. Đồng thời, Nhà

trường cần có cơ chế giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ định kỳ khảo sát này.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 4.2: 3

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1.Điểm mạnh Tiêu chí 4.3

35/35 học phần (không kể học phần Giáo dục thể chất và An ninh quốc phòng) trong CTĐT ngành Luật Kinh tế đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện tích lũy kiến thức và các kỹ năng thiết yếu và yêu cầu SV có thái độ tích cực chăm chỉ và sáng tạo. Tất cả các đề cương chi tiết các học phần đều quy định nhấn mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu, đọc trước bài học ở nhà của SV (ví dụ: Học phần Luật dân sự 2 quy định thời gian tự học là 90 tiết). Tất cả các đề cương chi tiết của CTDH đều ghi rõ nhiệm vụ của người học: thực hiện đầy đủ các bài tập được giao và chủ động tổ chức thực hiện giờ học; tham dự kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần khi đủ điều kiện.

Trong từng bài giảng, đều ghi rõ nhiệm vụ tự học của SV và các câu hỏi ôn tập để SV tự nghiên cứu tài liệu học tập và tài liệu tham khảo trước khi đến lớp. Các giảng viên đã hướng dẫn sinh viên NCKH (8 đề tài cấp trường, 37 lượt SV tham gia) trong đó SV đạt các giải thưởng SV NCKH cấp trường gồm: 03 giải 3; 02 giải nhì và 01 giải nhất; 01 giải khuyến khích cấp Bộ GD&ĐT trong giai đoạn 2015-2020.

Giáo viên Khoa Luật đã sử dụng tổng hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học đạt CDR của học phần. Các học phần lý thuyết, phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập đa dạng: thuyết trình, hỏi đáp, động não, phiên toà giả định, hướng dẫn, thảo luận mở rộng bài học theo nhóm Khoa đã tổ chức các hội thảo về giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực; Hội thảo quốc

tế “Phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý (20/9/2019); Hội nghị tập huấn CDR các ngành đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO (7/5/2016) nhằm giúp cho giảng viên sử dụng thành thạo các phương pháp giảng dạy.

Hồ sơ giảng dạy của giảng viên đã chỉ rõ các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học trong các tiết học lý thuyết và thực hành, trong từng nội dung cụ thể của tiết giảng và phương pháp kiểm tra đánh giá (đánh giá điểm chuyên cần qua điểm danh, sự đóng góp vào nội dung bài giảng, biên bản sinh hoạt nhóm).

Kết quả khảo sát SV về hoạt động giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020 cho thấy: 72,1% đánh giá mức tốt về nội dung “GV giới thiệu đầy đủ ĐCCT học phần, giáo trình, tài liệu học tập, các phương tiện hỗ trợ dạy học và hướng dẫn phương pháp học tập”; 70,8% ý kiến của SV đánh giá mức tốt ở nội dung “GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu; khai thác và sử dụng các phương tiện và các trang thiết bị dạy học”; 74,1% ý kiến SV đang học đánh giá mức tốt “Người dạy có khả năng thiết lập môi trường học tập thân thiện hợp tác và khuyến khích người học làm việc nhóm” và 69,4% ý kiến đánh giá mức tốt “Người dạy giải đáp đầy đủ và thỏa đáng những yêu cầu của người học liên quan đến học phần”; 70,4% ý kiến đánh giá mức tốt “GV liên hệ kiến thức với thực tiễn nghề nghiệp; thường xuyên tư vấn, hỗ trợ người học về các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ”; 71,8% ý kiến đánh giá “Người dạy công bố điểm chuyên cần, giữa kỳ công khai trước lớp trước khi kết thúc môn học và đảm bảo tính công bằng, khách quan”.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 4.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 4.3

Kết quả khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV cho thấy vẫn còn tỷ lệ nhỏ SV chưa hài lòng với kỹ năng sư phạm và việc sử dụng hiệu quả nhiều phương pháp giảng dạy, ví dụ kết quả khảo sát SV năm 2018 cho thấy tỷ lệ đánh giá ở 3 mức (“trung bình”, mức “không ý kiến” và mức “Chưa đạt”) là 12,6%.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 4.3

Nhà trường/Khoa cần tìm hiểu vì sao vẫn còn có ý kiến SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động giảng dạy của GV để từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục phù hợp.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 4.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 4

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường đã ban hành ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục là “Hợp tác – sáng tạo”.

Triết lý giáo dục, Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến cho cán bộ, viên chức, sinh viên của Nhà trường vào đầu năm học mới bằng nhiều hình thức khác nhau và được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường

Khoa Luật đã xây dựng hoạt động dạy học với các phương pháp giảng dạy đa dạng. Các GV được chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy để phù hợp với từng học phần, đảm bảo giảng đủ những kiến thức đã quy định.

Việc áp dụng, lựa chọn phương pháp giảng dạy được xác định cụ thể trong đề cương chi tiết các học phần, phù hợp với CDR của từng học phần và hồ sơ giảng dạy của các GV ngành Luật Kinh tế.

35/35 học phần (không kể học phần Giáo dục thể chất và An ninh quốc phòng) trong CTĐT ngành Luật Kinh tế đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện tích lũy kiến thức và các kỹ năng thiết yếu và yêu cầu SV có thái độ tích cực chăm chỉ và sáng tạo. Tất cả các đề cương chi tiết các học phần đều quy định nhấn mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu, đọc trước bài học ở nhà của SV. Tất cả các đề cương chi tiết của CTDH đều ghi rõ nhiệm vụ của người học: thực hiện đầy đủ các bài tập được giao và chủ động tổ

chức thực hiện giờ học; tham dự kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần khi đủ điều kiện.

Trong từng bài giảng, đều ghi rõ nhiệm vụ tự học của SV và các câu hỏi ôn tập để SV tự nghiên cứu tài liệu học tập và tài liệu tham khảo trước khi đến lớp. Các giảng viên đã hướng dẫn sinh viên NCKH (8 đề tài cấp trường, 37 lượt SV tham gia) trong đó SV đạt các giải thưởng SV NCKH cấp trường gồm: 03 giải 3; 02 giải nhì và 01 giải nhất; 01 giải khuyến khích cấp Bộ GD&ĐT trong giai đoạn 2015-2020.

Giáo viên Khoa Luật đã sử dụng tổng hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học đạt CDR của học phần. Các học phần lý thuyết, phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập đa dạng, Khoa đã tổ chức các hội thảo về giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực nhằm giúp cho giảng viên sử dụng thành thạo các phương pháp giảng dạy.

Hồ sơ giảng dạy của giảng viên đã chỉ rõ các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học trong các tiết học lý thuyết và thực hành, trong từng nội dung cụ thể của tiết giảng và phương pháp kiểm tra đánh giá (đánh giá điểm chuyên cần qua điểm danh, sự đóng góp vào nội dung bài giảng, biên bản sinh hoạt nhóm).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 4:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 4:

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn nhóm các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên cho thấy vẫn có một số người chưa biết hoặc chưa quan tâm đến Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Trong bản Kế hoạch số 55/KH-ĐHV ngày 30/12/2016 quy định đánh giá hoạt động của GV theo 4 mức độ: Tốt, Khá, Trung bình và Chưa đạt, nhưng phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học đưa ra thang đánh giá 5 mức, trong đó có mức “Không có ý kiến gì” là không phù hợp.

Nhà trường chưa định kỳ hằng năm khảo sát mức độ hài lòng của GV đối với hoạt động dạy và học của Nhà trường.

Kết quả khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV cho thấy vẫn còn tỷ lệ nhỏ SV chưa hài lòng với kỹ năng sư phạm và việc sử dụng hiệu quả nhiều phương pháp giảng dạy, ví dụ kết quả khảo sát SV năm 2018 cho thấy tỷ lệ đánh giá ở 3 mức (“trung bình”, mức “không ý kiến” và mức “Chưa đạt”) là 12,6%.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường cần có những giải pháp để mở rộng hơn việc quảng bá Triết lý giáo dục của Trường trên nhiều kênh thông tin khác nhau (ví dụ: trên các dụng cụ của internet, các ứng dụng của công nghệ thông tin vào smart phone) để các đối tượng quan tâm đến Trường hiểu rõ hơn về Triết lý giáo dục của Trường.

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại các mẫu phiếu khảo sát để hoàn thiện lại thang đo và các câu hỏi nhằm thu thập được các phản hồi hữu ích về hoạt động giảng dạy và phương pháp học tập phục vụ cho mục tiêu cải tiến nâng cao chất lượng.

Nhà trường/Khoa cần có quy định về việc định kỳ hằng năm thực hiện việc khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với hoạt động giảng dạy kèm theo các hướng dẫn cụ thể về việc phân tích đánh giá các kết quả khảo sát nhằm thu thập được các số liệu tin cậy phục vụ việc đổi mới hoạt động giảng dạy và học tập. Đồng thời, Nhà trường cần có cơ chế giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ định kỳ khảo sát này.

Nhà trường/Khoa cần tìm hiểu vì sao vẫn còn có ý kiến SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động giảng dạy của GV để từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục phù hợp.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chí 4.1	4

<i>Tiêu chí 4.2</i>	3
<i>Tiêu chí 4.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.1

Nhà trường có hệ thống các văn bản đánh giá kết quả của người học từ khi vào Trường đến khi tốt nghiệp ra Trường. Các văn bản này bao gồm: Quyết định ban hành CTGD đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017) về CDR của CTĐT; Quy chế đào tạo đại học chính quy (QĐ số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013) có quy định đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần; Quyết định Ban hành quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014); Quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017); Quyết định ban hành quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017). Quyết định ban hành Bản mô tả CTĐT tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019) và Thông báo kết luận của Hiệu trưởng tại Hội nghị về xây dựng và phát triển CTĐT đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO năm 2019 (TB số 90/TB-ĐHV ngày 4/6/2019). Các văn bản này thể hiện quy trình, kế hoạch đánh giá kết quả người học và được phổ biến, công khai cho người học, công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Nhà trường đã ban hành Quy định về việc Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/2/2017) và Hướng dẫn biên soạn đề thi và công tác tổ chức thi, kiểm tra theo hình thức online trong chương trình đào tạo tiếp cận CDIO; mỗi tín chỉ phải có tối thiểu 100 câu hỏi trắc nghiệm trong ngân hàng câu hỏi thi

Nội dung ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đảm bảo đánh giá được các mức độ nhận thức. Đối với đề kiểm tra định kỳ, chủ yếu đánh giá ở mức (nhớ, hiểu, vận dụng) của SV về nội dung môn học. Số lượng câu hỏi từ 15 đến 40 câu (lấy từ ngân hàng đề thi tương ứng với nội dung của tín chỉ đã học); Đối với thi kết thúc học phần, số lượng 40 câu hỏi với học phần 2 TC; 50 câu hỏi đối với học phần 3TC và 60 câu hỏi đối với học phần 4 TC; mức độ đề thi kết thúc học phần đánh giá người học ở tất cả các mức độ: Biết/Nhớ; Hiểu; Vận dụng; Phân tích, tổng hợp; Sáng tạo.

Trên cơ sở ngân hàng câu hỏi thi, Trung tâm Đảm bảo chất lượng chủ động tổ hợp đề thi cho từng học phần. Mỗi học phần có ma trận đề, phân bổ số lượng câu hỏi cho các chương/phần bao gồm các câu hỏi theo 5 mức độ (Thang đo Bloom). Các đề thi có đáp án chi tiết, thang điểm rõ ràng. Khoa có xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá cho mỗi học phần theo mẫu của Khoa và Bộ môn phù hợp với từng loại đề thi đảm bảo đo lường được mức độ đạt CĐR.

Nhà trường đã sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá, tùy theo đặc điểm của môn học (lý thuyết, thực hành, thực tập tốt nghiệp), xây dựng thang điểm đánh giá kết quả thực hành, thực tập, tiểu luận...Đề cương chi tiết từng học phần ghi rõ điểm chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ góp phần đánh giá CĐR đã được xác định của học phần và CĐR của CTĐT. Hằng năm, Khoa Luật rà soát đánh giá các hình thức kiểm tra đánh giá, trên cơ sở ý kiến của GV giảng dạy học phần và ý kiến phản hồi của SV từ đó đưa ra các kế hoạch điều chỉnh phù hợp. Việc điều chỉnh, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi được thực hiện trước kỳ thi 60 ngày (công văn thông báo của Trung tâm Đảm bảo chất lượng trước các kỳ thi).

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp cựu SV, SV cho thấy 100% người học đều hài lòng với phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả của GV.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 5.1

Các văn bản/quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành dưới hình thức “Tạm thời” có nội hàm trong nhiều văn bản khác nhau nên có nhiều điểm trùng lặp, do vậy việc theo dõi đánh giá tình hình thực hiện không thuận tiện.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.1

Nhà trường cần rà soát và hệ thống hóa lại các văn bản liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để từ đó hợp nhất các văn bản liên quan thành một văn bản để chính thức ban hành quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính hệ thống của văn bản và thuận tiện cho GV, SV nắm bắt, triển khai thực hiện.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.1: 4

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.2

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản để hướng dẫn, quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi từ khi SV vào Trường đến khi tốt nghiệp. Các quy định về phương thức đánh giá học phần lý thuyết, học phần thực hành, thực tập, khóa

luyện cuối khóa; qui định số lượng điểm thành phần, công thức tính điểm quá trình, trọng số của điểm quá trình, điểm thi được nêu rõ trong Quy chế đào tạo đại học chính quy (QĐ số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013) có quy định đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần; Quyết định Ban hành quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014); Quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017); Quyết định ban hành quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017).

Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 300/QĐ-ĐHV ngày 24/4/2018) trong đó có 36 điều (Từ Điều 19 đến Điều 35), quy định về giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến SV như xem xét sai sót về điểm thi, điểm thực hành (Điều 28)..

Hệ thống văn bản của Nhà trường qui định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức: tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học (KH số 1167/ĐHV-CTCTHSSV ngày 30/9/2016; KH số 26/KH-ĐHV ngày 7/8/2017; KH số 28 /KH-ĐHV ngày 3/8/2018; KH số 39 /KH-ĐHV ngày 01/8/2019). Khoa phổ biến trực tiếp cho SV, thông qua hệ thống CVHT, trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường (<http://student.vinhuni.edu.vn/CMCSoft.IU.Web.Info/HomeDetail.aspx?IDThongbao=7522>). Sinh viên tra cứu được các văn bản trên từ tài khoản cá nhân của mình. Ở mỗi học phần, SV được biết về việc đánh giá kết quả học tập của học phần thông qua đề cương chi tiết và được phổ biến trước khi vào học phần.

Nhà trường hằng năm đều thực hiện khảo sát SV về hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của giảng viên học kỳ I năm học 2019-2020 cho thấy 96,9% ý kiến đánh giá từ mức khá trở lên về “*Người dạy giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết học phần, giáo trình, tài liệu, các phương tiện hỗ trợ dạy học và hướng dẫn phương*

pháp học tập”; 97,1% ý kiến đánh giá từ mức khá trở lên về “ Người dạy công bố điểm chuyên cần, giữa kỳ công khai trước lớp khi kết thúc môn học và đảm bảo tính công bằng khách quan”

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.2

2.1 Những tồn tại Tiêu chí 5.2

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm SV cho thấy vẫn còn một số SV chưa nắm bắt được đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.2

Khoa nên kết hợp với Đoàn TN và Hội Sinh viên, cố vấn học tập để có các giải pháp phù hợp lứa tuổi SV để tuyên truyền, phổ biến về nội quy, quy chế đào tạo, đặc biệt các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học nắm bắt được đầy đủ hơn các quy định này.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.2: 4

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản để hướng dẫn, quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi từ khi SV vào Trường đến khi tốt nghiệp. Các qui định về phương thức đánh giá học phần lý thuyết, học phần thực hành, thực tập; qui định số lượng điểm thành phần, công thức tính điểm quá trình, trọng số của điểm quá trình, điểm thi được nêu rõ trong qui chế đào tạo đại học chính qui theo hệ thống tín chỉ được ban năm 2013 (QĐ số 868/QĐ-ĐHV ngày 2/4/2013) và được cập nhật, bổ

sung năm 2017 (QĐ số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017).

Quyết định Ban hành quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014); được cụ thể và chi tiết hóa trong các đề cương chi tiết học phần. Việc lựa chọn hình thức thi kết thúc học phần hoặc thay đổi hình thức thi (thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp...) được thảo luận ở cấp Bộ môn/Khoa. Đề cương học phần, quy định phương pháp đánh giá học phần nhằm đảm bảo CDR của học phần, đầu ra của CTĐT. Hàng năm, Khoa Luật đã họp đánh giá đề thi, rà soát đề thi tự luận, ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm và tự luận, đề xuất cách cải tiến, thay đổi hàm lượng của câu hỏi thi và đề thi (Biên bản rà soát ngân hàng đề thi các môn học từ năm 2015 đến 2019). Các GV chủ động rà soát đề thi theo học phần được giao phụ trách, đảm bảo tính chính xác, cập nhật và bao quát hết nội dung học phần và chịu trách nhiệm trước Trưởng bộ môn và Ban Chủ nhiệm Khoa về tính chính xác, công bằng, phù hợp trong việc đánh giá quá trình của SV.

Hệ thống văn bản của Nhà trường qui định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức: tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, Khoa phổ biến trực tiếp cho SV, thông qua hệ thống CVHT, trên cổng thông tin đào tạo của Nhà trường, qua tài khoản học tập cá nhân của SV và được thể hiện trong đề cương học phần.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 5.3

Các phương pháp đánh giá và các tiêu chí đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ còn phụ thuộc nhiều vào giảng viên và Bộ môn.

Nhà trường/Khoa chưa định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.3

Nhà trường nên đầu tư tập huấn sâu cho các cán bộ chuyên trách về khảo thí và các giảng viên các khoa về quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và các phương pháp đánh giá hiện đại để chuẩn hóa các câu hỏi thi trong ngân hàng câu hỏi thi của Ngành Luật.

Nhà trường/Khoa cần có phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.3: 3

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.4

Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh có quy định về thời gian công bố kết quả đánh giá học phần (QĐ số 991/QĐ-ĐHX ngày 28/12/2018); Quy định tạm thời về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017). Theo đó, trong vòng 9 ngày kể từ ngày thi cuối kỳ, cán bộ chấm thi phải phối hợp với cán bộ Văn phòng Khoa nhập điểm vào hệ thống quản lý. Văn phòng Khoa là người chịu trách nhiệm cá nhân về tính chính xác của điểm nhập. Điểm chuyên cần, điểm đánh giá giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần phải thông báo công khai cho SV, HV. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần, điểm học phần phải được công khai cho người học; trong vòng 10 ngày kể từ khi công bố kết quả học phần, người học có thể phản ánh sai lệch điểm

thi đề nghị phúc khảo nếu muốn, kết quả điều chỉnh, sửa điểm phải được thông báo cho người học bằng văn bản và muộn nhất 30 ngày sau khi có hồ sơ đề nghị.

Kết quả đánh giá học tập của người học được công bố trên cổng thông tin của Trường: <http://student.vinuni.edu.vn/CMCSoft.IU.Web.Info/Home.aspx> và cổng thông tin học tập trực tuyến: <http://canbo.vinhuni.edu.vn/dang-nhap>. Sinh viên có thể xem kết quả đánh giá học phần qua tài khoản học tập cá nhân của mình.

Hàng năm Khoa Luật có tổ chức họp xét SV thuộc diện cảnh báo thôi học, đề thông báo cho SV và gửi giấy báo thông tin về học tập của SV tới gia đình của họ (Biên bản họp các năm 2106, 2017, 2018, 2019)

Hàng năm, Nhà trường đều khảo sát SV về mức độ hài lòng với việc công bố và phản hồi kết quả học tập cho SV. Kết quả khảo sát học kỳ I năm học 2017-2018 cho thấy 72% ý kiến của SV đánh giá mức tốt với “ Người dạy công bố điểm chuyên cần, giữa kỳ công khai trước lớp khi kết thúc môn học và đảm bảo tính công bằng, khách quan” và 71,3% ý kiến SV đánh giá mức tốt với “ mức độ hài lòng của người học sau khi học xong môn này”.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp cựu SV và SV cho thấy đa số hài lòng về kết quả đánh giá của GV với người học (hình thức thi, công bố điểm đúng thời hạn quy định và đánh và phù hợp với năng lực của người học)

Các báo cáo về kết quả khảo sát hàng năm là cơ sở để nhà trường cải thiện hoạt động dạy và học.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 5.4

Các phiếu khảo sát được thiết kế với các câu hỏi chưa thực sự bám sát theo các mục tiêu cần hỏi.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.4

Khoa Luật cần phối hợp với Trung Đảm bảo chất lượng của Trường rà soát các câu hỏi trong phiếu khảo sát và định nghĩa lại các mức trong thang đánh để đảm bảo tính khoa học và có thể thu thập được các thông tin phản hồi hữu ích.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.4: 5

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.5

Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông (QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16 tháng 6 năm 2016) và ban hành quyết định bổ sung, sửa đổi Quy chế thực hiện một cửa liên thông tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 300/QĐ-ĐHV ngày 24/04/2018) trong đó có các Điều quy định rất cụ thể về xem xét sai sót về điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ, điểm thực hành; xem xét lại điểm chấm thi và quy trình xử lý,... được công bố công khai, được công bố qua nhiều kênh khác nhau. Thời gian công bố kết quả phúc khảo chậm nhất là 20 ngày. SV phải làm hồ sơ thủ tục theo quy định tại Điều 27, Điều 28 của Quy chế. SV khiếu nại điểm nộp đơn khiếu nại qua bộ phận hành chính một cửa. Khiếu nại kết quả thi cuối cùng thực hiện qua bộ phận hành chính một cửa.

Số bài thi khiếu nại trong 05 năm của chu kỳ KĐCLGD là 244 bài, cụ thể: năm học 2015-2016 có 30 bài; năm học 2016-2017: có 19 bài ; năm học 2017-2018: có 42 bài; năm 2018-2019 có 89 bài và HKI năm học 2019-2020 : có 61 bài . Trong tổng số các bài khiếu nại, có 06 bài thay đổi điểm (chưa có điểm vì cán bộ vào sai mã số SV); 06 bài thay đổi điểm trong đó có 02 bài thay đổi điểm do cộng sai điểm thành phần. Tỷ lệ bài thay đổi điểm do chấm chưa chính xác chiếm tỷ lệ 0.01%. Các bài thi khiếu nại được giải quyết kịp thời và thỏa đáng. Kết quả Đoàn ĐGN phỏng

vấn trực tiếp nhóm sinh viên đang học cho thấy các sinh viên đều hài lòng với công tác thi, chấm thi và phúc khảo.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 5.5

Tiêu chí này không có tồn tại

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.5

Tiêu chí này không có khuyến nghị.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.5: 5

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 5

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường có hệ thống các văn bản đánh giá kết quả của người học từ khi vào Trường đến khi tốt nghiệp ra Trường. Các văn bản này thể hiện quy trình, kế hoạch đánh giá kết quả người học và được phổ biến, công khai cho người học, công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Nhà trường đã ban hành Quy định về việc Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Vinh và Hướng dẫn biên soạn đề thi và công tác tổ chức thi, kiểm tra theo hình thức online trong chương trình đào tạo tiếp cận CDIO; Nội dung ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đảm bảo đánh giá được các mức độ nhận thức đối với đề kiểm tra định kỳ, chủ yếu đánh giá ở mức (nhớ, hiểu, vận dụng) của SV về nội dung môn học.

Trên cơ sở ngân hàng câu hỏi thi, Trung tâm Đảm bảo chất lượng chủ động tổ hợp đề thi cho từng học phần. Các đề thi có đáp án chi tiết, thang điểm rõ ràng. Khoa

có xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá cho mỗi học phần theo mẫu của Khoa và Bộ môn. phù hợp với từng loại đề thi đảm bảo đo lường được mức độ đạt CĐR.

Nhà trường đã sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá, tùy theo đặc điểm của môn học. Xây dựng thang điểm đánh giá kết quả thực hành, thực tập, tiểu luận...Đề cương chi tiết từng học phần ghi rõ điểm chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ góp phần đánh giá CĐR đã được xác định của học phần và CĐR của CTĐT. Hằng năm, Khoa Luật rà soát đánh giá các hình thức kiểm tra đánh giá, trên cơ sở ý kiến của GV giảng dạy học phần và ý kiến phản hồi của SV từ đó đưa ra các kế hoạch điều chỉnh phù hợp.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp cựu SV, SV cho thấy 100% người học đều hài lòng với phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả của GV.

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản để hướng dẫn, quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi từ khi SV vào Trường đến khi tốt nghiệp. Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông tại Trường Đại học Vinh quy định về giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến SV như xem xét sai sót về điểm thi, điểm thực hành (Điều 28)..

Hệ thống văn bản của Nhà trường qui định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức: tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường . Ở mỗi học phần, SV được biết về việc đánh giá kết quả học tập của học phần thông qua đề cương chi tiết và được phổ biến trước khi vào học phần.

Nhà trường hằng năm đều thực hiện khảo sát SV về hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của giảng viên.

Việc lựa chọn hình thức thi kết thúc học phần hoặc thay đổi hình thức thi được thảo luận ở cấp Bộ môn/Khoa. Đề cương học phần, quy định phương pháp đánh giá học phần nhằm đảm bảo CĐR của học phần, đầu ra của CTĐT. Các GV chủ động rà soát đề thi theo học phần được giao phụ trách, đảm bảo tính chính xác, cập nhật và

bao quát hết nội dung học phần và chịu trách nhiệm trước Trưởng bộ môn và Ban Chủ nhiệm Khoa về tính chính xác, công bằng, phù hợp trong việc đánh giá quá trình của SV.

Hệ thống văn bản của Nhà trường qui định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức: tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, Khoa phổ biến trực tiếp cho SV, thông qua hệ thống CVHT, trên cổng thông tin đào tạo của Nhà trường, qua tài khoản học tập cá nhân của SV và được thể hiện trong đề cương học phần.

Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh có quy định về thời gian công bố kết quả đánh giá học phần; Quy định tạm thời về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh. Kết quả đánh giá học tập của người học được công bố trên cổng thông tin của Trường. Sinh viên có thể xem kết quả đánh giá học phần qua tài khoản học tập cá nhân của mình.

Hằng năm, Nhà trường đều khảo sát SV về mức độ hài lòng với việc công bố và phản hồi kết quả học tập cho SV.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp cựu SV và SV cho thấy đa số hài lòng về kết quả đánh giá của GV với người học.

Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông và của Trường Đại học Vinh trong đó có các Điều quy định rất cụ thể về xem xét sai sót về điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ, điểm thực hành; xem xét lại điểm chấm thi và quy trình xử lý...

Tỷ lệ bài thay đổi điểm do chấm chưa chính xác chiếm tỷ lệ 0.01%. Các bài thi khiếu nại được giải quyết kịp thời và thỏa đáng.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm sinh viên đang học cho thấy các sinh viên đều hài lòng với công tác thi, chấm thi và phúc khảo

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 5:

Các văn bản/quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành dưới hình thức „Tạm thời“ có nội hàm trong nhiều văn bản khác nhau nên có nhiều điểm trùng lặp, do vậy việc theo dõi đánh giá tình hình thực hiện không thuận tiện.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm SV cho thấy vẫn còn một số SV chưa nắm bắt được đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần.

Các phương pháp đánh giá và các tiêu chí đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ còn phụ thuộc nhiều vào giảng viên và Bộ môn.

Nhà trường/Khoa chưa định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Các phiếu khảo sát được thiết kế với các câu hỏi chưa thực sự bám sát theo các mục tiêu cần hỏi.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5

Nhà trường cần rà soát và hệ thống hóa lại các văn bản liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để từ đó hợp nhất các văn bản liên quan thành một văn bản để chính thức ban hành quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính hệ thống của văn bản và thuận tiện cho GV, SV nắm bắt, triển khai thực hiện.

Khoa nên kết hợp với Đoàn TN và Hội Sinh viên, cố vấn học tập để có các giải pháp phù hợp lựa chọn SV để tuyên truyền, phổ biến về nội quy, quy chế đào tạo, đặc biệt các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học nắm bắt được đầy đủ hơn các quy định này.

Nhà trường nên đầu tư tập huấn sâu cho các cán bộ chuyên trách về khảo thí và các giảng viên các khoa về quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và các phương pháp đánh giá hiện đại để chuẩn hóa các câu hỏi thi trong ngân hàng câu hỏi thi của Ngành Luật.

Nhà trường/Khoa cần có phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Khoa Luật cần phối hợp với Trung Đảm bảo chất lượng của Trường rà soát các câu hỏi trong phiếu khảo sát và định nghĩa lại các mức trong thang đánh để đảm bảo tính khoa học và có thể thu thập được các thông tin phản hồi hữu ích.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn :

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 5	
<i>Tiêu chí 5.1</i>	4
<i>Tiêu chí 5.2</i>	4
<i>Tiêu chí 5.3</i>	3
<i>Tiêu chí 5.4</i>	5
<i>Tiêu chí 5.5</i>	5

TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.1

Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển giai đoạn 2011-2020 và Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 (số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018), trong đó có kế hoạch /quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC. Kế hoạch phát triển đội ngũ bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu của các đơn vị hàng năm được cụ thể hóa, được phê duyệt. Khoa Luật có kế hoạch 06/KH-KL về phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên giai đoạn 2015-2020.

Nhà trường đã xác định công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên là một nhiệm vụ quan trọng (Quy chế tổ chức và hoạt động số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015 và số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018; Quy chế về công tác cán bộ số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016). Hàng năm, Nhà trường ra thông báo tuyển dụng và tổ chức thi tuyển theo kế hoạch, kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên website của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng; Thông báo chỉ tiêu tuyển dụng rất cụ thể, ví dụ chỉ tiêu tuyển dụng Giảng viên năm 2017 là 39 người, giáo viên 8 người; năm 2019 tuyển 18 giảng viên, 7 giáo viên... Cán bộ mới tuyển dụng đều được sắp xếp, bố trí cán bộ theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo; việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của

giảng viên cũng được quy định rõ ràng đúng Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh (số 1185/QĐ-ĐHV ngày 4/12/2018; Kế hoạch tuyển dụng viên chức trường ĐH Vinh ngày 9/02/2018).

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược đã được Nhà trường thông qua, Khoa Luật tổ chức thực hiện trên thực tế đúng quy trình, chặt chẽ, minh bạch, phù hợp với Điều lệ Trường Đại học Vinh. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV của Khoa Luật đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Quy trình tuyển dụng cán bộ được tổ chức chặt chẽ với tiêu chí rõ ràng, công khai, minh bạch, được Bộ môn đề xuất, thông qua Chi bộ Khoa đề nghị lên Đảng ủy và Nhà trường phê duyệt. Đến tháng 11/2020, số lượng giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế là 108 giảng viên, trong đó có 8 PGS, 41 tiến sĩ. Giảng viên cơ hữu trong khoa Luật gồm 35 người, trong đó có 5 nam (14,3%), 30 nữ (85,7%); trên 35 tuổi chiếm 40% (14 người), dưới 35 tuổi chiếm 60% (22 người); 14 tiến sĩ (chiếm 40%), 21 thạc sĩ (chiếm 60%), số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong nước là 9 (chiếm 25,7%). Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của Khoa được thực hiện theo quy hoạch, đáp ứng đầy đủ về số lượng và chất lượng chuyên môn cho công tác đào tạo và NCKH. Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Luật kinh tế đang gặp khó khăn do số lượng cũng như chất lượng đầu vào của sinh viên Luật nói chung và ngành Luật kinh tế nói riêng giảm xuống trong những năm gần đây.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.1

Qua hồ sơ minh chứng và kết quả phỏng vấn cho thấy, Khoa Luật trong đó có ngành Luật Kinh tế chưa làm rõ chính sách về nhân sự vì vậy việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Luật kinh tế đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Luật, Đề án Vị trí việc

làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Luật chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.1

Khoa Luật trong đó có ngành Luật Kinh tế cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Luật kinh tế cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Luật, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Luật chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới cần đầy đủ các nội dung cốt lõi.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.1: 4

Tiêu chí 6.2. Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.2

Tỉ lệ giảng viên/người học của ngành Luật kinh tế đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy tại ngành Luật kinh tế tính đến 03/2020 là 36 với độ tuổi bình quân là 34,7 tuổi. Số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 14 (chiếm 40%), thạc sĩ là 21 (chiếm 60%), số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong nước là 9 (chiếm 25,7%) Khoa Luật còn có sự hợp tác đồng đạo các giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan nhà nước và Văn phòng luật sư, Công ty luật... Tỉ lệ giảng viên quy đổi/người học của ngành Luật kinh tế, đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong năm học 2019-2020, tỉ lệ giảng viên quy đổi/ sinh viên là 1/14. Tỷ lệ giảng viên quy đổi/ sinh viên hàng năm như sau, 2015-2016: 1/27; 2016 - 2017: 1/26.5; 2017-2018:

1/24.8; 2018-2019: 1/17.8; 2019: 1/10.6

Trường Đại học Vinh đã có quy định và hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc các loại hình hoạt động của giảng viên. Trong 5 năm qua, khối lượng công việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Trường Đại học Vinh được thực hiện theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT về ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên và Thông tư số 47/2014/TT- BGDĐT về quy định chế độ làm việc đối với giảng viên. Theo đó, mỗi năm, số giờ chuẩn định mức quy định theo chức danh tối thiểu là 270 giờ giảng dạy, 165 giờ NCKH, tối đa là 315 giờ NCKH. Khối lượng công việc của giảng viên đều được quy đổi thành giờ chuẩn bao gồm: giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn NCKH và giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác. Việc thực hiện miễn giảm giờ chuẩn theo chức danh, vị trí công tác và cho giảng viên được cử đi học được quy định rõ ràng. Việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của giảng viên thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn được hỗ trợ bởi Cổng thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh (canbo.vinhuni.edu.vn). (Quy chế chi tiêu nội bộ 1585 ngày 30/12/2016; Quy định về quản lý các hoạt động KHCN của trường ĐH Vinh số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016)

Nhà trường xác lập khối lượng công việc hoạt động phục vụ cộng đồng được xem xét trong mục “các hoạt động chuyên môn khác” với định mức giờ chuẩn là 80 giờ/năm.

Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Vào cuối mỗi năm học, các giảng viên thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ..., sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Nhà trường có chính sách đối với giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm,

các hình thức khen thưởng khác. Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, cung cấp thông tin cho giảng viên và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường và Khoa Luật có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các giảng viên ngành Luật kinh tế đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Hầu hết các giảng viên ngành Luật kinh tế đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên. Các giảng viên đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc. 100% GV đều hài lòng với khối lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá công việc.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.2

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.2

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.2: 5

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.3

Trường ĐH Vinh đã ban hành Quy chế về công tác cán bộ số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016 quy định tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng ngạch giảng viên và quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giảng viên từ năm 2013, 2015, 2018. Tiêu chí tuyển dụng được xác định bao gồm: Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; Tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên đúng chuyên ngành cần tuyển, Có bằng thạc sĩ trở lên; Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; Có năng lực sư phạm và khả năng NCKH. Các tiêu chí có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng giảng viên cho các đơn vị. Quy trình tuyển dụng gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn đối với cán bộ giảng dạy (văn bản số 3276 năm 2013). Giảng viên là các ứng viên thi tuyển vào ngạch thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, thi sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn, có quy định nội dung chi tiết: soạn giáo án 01 tín chỉ của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), giảng 01 trong 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Hội đồng tuyển dụng để đáp ứng yêu cầu. Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như Trưởng Khoa, Phó trưởng Khoa, Trưởng và Phó trưởng Bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị với điều kiện cụ thể

và chỉ tiêu từng ngành (thông báo 14/TB-ĐHV ngày 21/3/2017; 25/TB-ĐHV ngày 1/3/2019), Nhà trường thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng giảng viên trên website của Nhà trường (<http://phongtccb.vinhuni.edu.vn>) và các phương tiện truyền thông đại chúng... Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Ứng viên được tuyển dụng phải qua 01 năm tập sự và đạt được các yêu cầu thì sẽ được chính thức ký hợp đồng vào ngạch giảng viên. Số lượng giảng viên Khoa Luật được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển trong 5 năm qua như sau: tuyển dụng 5 giảng viên; bổ nhiệm: 16 người; điều chuyển: 1 người. Công tác quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có chất lượng được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo dân chủ, quy hoạch được những người có năng lực, trình độ, có phẩm chất đạo đức và có đủ uy tín vào các vị trí quản lý cho từng nhiệm kỳ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.3

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều. Khoa chưa có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.3

Nhà trường cần thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website và thông tin cần được lan truyền rộng rãi để số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng phong phú hơn. Khoa cần có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.3: 4

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.4

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của giảng viên dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014), bao gồm: tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu, định mức giờ chuẩn trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Trường Đại học Vinh đã phát hành Sổ tay Giảng viên bao gồm thông tin về: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực tổ chức cho sinh viên NCKH; năng lực ngoại ngữ (sổ tay Giảng viên <http://vinhuni.edu.vn>).

Đội ngũ giảng viên Khoa Luật có năng lực đáp ứng các quy định hiện hành: có trình độ tốt nghiệp đại học và nghiệp vụ sư phạm. Hiện nay, 100% giảng viên Khoa Luật đều đã có bằng thạc sĩ, gần 40% trong số đó là tiến sĩ; 100% giảng viên của Khoa có chứng chỉ Ngoại ngữ, chứng chỉ Công nghệ thông tin phù hợp với vị trí công việc theo quy định 100% cán bộ giảng dạy thực hiện tổ chức seminar Bộ môn. Hầu hết giảng viên đều hoàn thành nhiệm vụ NCKH, 58% số lượng giảng viên là chủ nhiệm hoặc thành viên tham gia các đề tài NCKH các cấp. Về cơ bản, trình độ chuyên môn của giảng viên luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Hàng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực

hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức quy định. Nhà trường quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học. 100% giảng viên của Khoa Luật đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức dự giờ, thao giảng để đánh giá chất lượng của giảng viên.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.4

Vẫn còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...

Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.4

Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên c hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...

Khoa cần xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.4: 4

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.5

Trường ĐH Vinh và Khoa Luật thực hiện khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn.

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên ngành Luật được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng giảng viên, ngành Luật kinh tế rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Nhà trường đã tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, đặc biệt là đào tạo giảng viên có trình độ cao.

Nhà trường có các chế độ, chính sách khuyến khích giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng: học tập trung ngoài trường và nước ngoài giảm 100%; học tập trung tại trường và không tập trung ngoài trường, giảm 70% giờ giảng và chuyên môn khác, hỗ trợ cho những người đi học không tập trung ngoài trường 400.000 đồng/tháng và 1 triệu đồng/ năm).

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa Luật. Từ năm 2015 đến nay ngành đã có thêm 08 TS, nâng trình độ giảng viên có trình độ tiến sĩ trong ngành lên 38,9%. Trong 23 Thạc sĩ còn lại của ngành có 9 người đang trong quá trình làm nghiên cứu sinh. Theo kế hoạch, năm 2020, Khoa có thêm 6 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng mở nhiều khóa tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, an ninh - quốc phòng cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên trong Trường. Đa số các khóa học đều thu hút sự tham gia đông đảo đội ngũ giảng viên trong Khoa. Hầu hết giảng viên của ngành được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch. Khoa cũng đã tham gia chủ trì một số Hội thảo khoa học. Trong 5 năm qua khoa Luật đã

đào tạo được 15 tiến sĩ, 3 thạc sĩ là các giảng viên của Khoa.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên được giám sát hàng năm với nhiều hình thức khác nhau. Thông qua hoạt động đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên được giám sát và ghi nhận. Các giảng viên tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tiến độ học tập về Khoa và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, giảng viên báo cáo kết thúc chương trình.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.5

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Khoa Luật tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.5

Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên cần được Nhà trường và Khoa Luật tiến hành đa dạng, thường xuyên và kịp thời, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Đồng thời cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.5: 4

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.6

Trường Đại học Vinh, Khoa Luật có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với giảng viên. Nhà trường có quy định cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ có hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên theo năm học (bao gồm giờ chuẩn trong giảng dạy và NCKH) và Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng giảng viên theo quy định. Mỗi giảng viên lập kế hoạch năm học cụ thể và đăng ký thi đua của năm học phục vụ cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Đồng thời giảng viên cũng đăng ký thi đua, chủ động đăng ký các hoạt động liên quan đến giảng dạy và NCKH như: đăng ký seminar cấp Bộ môn, đăng ký thao giảng các cấp (cấp Bộ môn, cấp Khoa, cấp Trường)....

Nhà trường triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Kết quả giảng dạy và NCKH của các giảng viên được kê khai minh bạch và quản lý trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học... Nhà trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật. Những giảng viên có các công bố quốc tế được Nhà trường khen thưởng, có thể được đặc cách tăng lương. Hàng năm, Nhà trường có hướng dẫn cụ thể về công tác tổng kết năm học, kê khai các hoạt động của giảng viên, đánh giá giảng viên và bình xét danh hiệu thi đua, theo đó việc đánh giá kết quả công việc phải được thực hiện công khai.

Việc đánh giá giảng viên được tiến hành một cách công khai theo từng Bộ

môn. Hàng tháng, cán bộ giảng viên trong khoa được đánh giá hiệu quả làm việc thông qua việc xếp loại lao động (A, B, C). Cuối năm học, trên cơ sở kê khai của giảng viên về giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác, Bộ môn tổng hợp, đánh giá trình Hội đồng Thi đua -Khen thưởng Khoa xem xét, đánh giá và xếp. Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua. Danh hiệu thi đua được công nhận cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng. Trong năm học 2015/2016-2018/2019 khoa Luật có 141 cán bộ đạt lao động tiên tiến; 21 đạt chiến sĩ thi đua; 8 giải thưởng Công đoàn; 7 giải thưởng cấp tỉnh; 3 giải thưởng cấp Bộ.

Quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các giảng viên trong Nhà trường. Hoạt động đánh giá hiệu quả công việc cũng được thực hiện công khai, minh bạch. Đến nay, ngành Luật kinh tế chưa ghi nhận trường hợp khiếu nại về vấn đề này.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.6

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.6

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.6

Nhà trường và Khoa cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao.

Khoa cần thiết kế mẫu kế hoạch nhiệm vụ năm học của GV (Logframe) để thống nhất thực hiện trong toàn Khoa và thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.6: 4

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.7

Trường ĐH Vinh đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà giảng viên phải thực hiện (Quyết định 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016). Nhà trường có quy định cụ thể về các loại hình và định mức hoạt động khoa học công nghệ tùy theo chức danh và vị trí công tác của mỗi giảng viên. Các loại hình hoạt động NCKH bao gồm: thực hiện đề tài, dự án khoa học công nghệ các cấp; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế; hướng dẫn sinh viên NCKH; tổ chức các seminar chuyên môn; tham dự hội đồng tư vấn khoa học công nghệ. Nhà trường cũng có quy định tính giờ NCKH cho các loại hình hoạt động khoa học công nghệ cụ thể này.

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, các hoạt động NCKH của giảng viên được giám sát, đối sánh hàng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH. Trong kế hoạch năm học hàng năm, các giảng viên ngành Luật kinh tế phải đảm bảo số giờ nghiên cứu theo chức danh đã quy định. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị có chức năng quản lý, giám sát các hoạt động khoa học công nghệ, đồng thời, Khoa Kinh tế phân công một lãnh đạo phụ trách trực tiếp hoạt động này. Khối lượng các hoạt động NCKH của giảng viên được quản lý trên phần mềm của Trường. Kết quả hoạt động hướng dẫn sinh viên NCKH được đánh giá thông qua hội nghị sinh viên NCKH các cấp (Khoa, Trường và Bộ). Các seminar khoa học được thông báo qua website của Trường và có biên bản ở Bộ môn.

Trong giai đoạn 2015 đến 2020, các giảng viên khoa Luật đã thực hiện 16 đề tài NCKH bao gồm 1 đề tài NCKH cấp bộ, 15 đề tài NCKH cấp Trường (trong đó tính riêng đề tài NCKH phục vụ cho đào tạo ngành Luật kinh tế có 9 đề tài NCKH cấp Trường). Trong 5 năm qua, giảng viên Khoa Luật cũng đã công bố 55 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành, trong đó có 7 bài báo quốc tế (tính riêng ngành Luật kinh tế có 16 bài báo trong nước và 2 bài báo nước ngoài) cũng như hướng dẫn nhiều sinh viên thực hiện đề tài NCKH đạt giải cao trong hoạt động sinh viên NCKH (bao gồm 1 đề tài cấp bộ và 7 đề tài cấp Trường). Khối lượng giờ NCKH của giảng viên từ năm 2015-2019 đều vượt cao nhất là 1600 giờ. Các đề tài NCKH của giảng viên đều thu hút nhiều sinh viên tham gia. Hầu hết các giảng viên hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH theo quy định của trường tác giả bài báo khoa học được thưởng ở cấp Bộ và cấp Trường. Các đề tài của giảng viên ngành Luật kinh tế được tiến hành và nghiệm thu đúng tiến độ. Một số kết quả nghiên cứu của đề tài đã được ứng dụng trong thực tiễn: Trợ giúp pháp lý cho các huyện miền núi 30A ở Bắc Miền Trung - thực trạng và giải pháp; Đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá trong đào tạo ngành Luật kinh tế.

Hàng năm, Khoa Luật tiến hành tổng kết hoạt động NCKH của giảng viên toàn Khoa, đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên. Kết quả NCKH của Khoa sẽ được nghiên cứu, đối sánh giờ NCKH từng giảng viên phải thực hiện với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện của mỗi cán bộ, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH được thể hiện qua số tay NCKH hàng năm của giảng viên và kết quả đánh giá, phân loại giảng viên hàng năm. Hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên khoa Luật hiện nay đã có những đóng góp đáng kể vào thành tích chung của nhà trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.7

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.7

Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của khoa Luật chưa nhiều chưa

đáp ứng được yêu cầu; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên chưa tương xứng tiềm năng và thế mạnh của Khoa, chưa có bài báo quốc tế uy tín. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.7

Khoa Luật cần nâng cao chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên cần tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của Khoa. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường cần phong phú hơn. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường cần được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng. Cần tăng cường hoạt động chuyển giao công nghệ còn yếu trong ngành Y khoa.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.7: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 6

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 6:

Trường ĐH Vinh đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa Luật có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho sinh viên ngành Luật kinh tế, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên. Công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về

khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm giảng viên được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Khoa Luật và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực giảng viên với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên Khoa Luật.

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên nên hoạt động NCKH của giảng viên Khoa Luật phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các giảng viên ngành Luật kinh tế hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên ngành Luật kinh tế được cải thiện theo từng năm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 6:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 6:

Qua hồ sơ minh chứng và kết quả phỏng vấn cho thấy, Khoa Luật trong đó có ngành Luật Kinh tế chưa làm rõ chính sách về nhân sự, Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Luật kinh tế đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Luật, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Luật chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều. Khoa chưa có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

Tuy nhiên, vẫn còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Khoa Luật tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, còn đạt mức khá thấp. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng. Khoa chưa thiết kế mẫu kế hoạch nhiệm vụ năm học của GV (Logframe) để thống nhất thực hiện trong toàn Khoa và thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát.

Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của khoa Luật chưa nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên chưa tương xứng tiềm năng và thế mạnh của Khoa, chưa có bài báo quốc tế uy tín. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 6:

Khoa Luật trong đó có ngành Luật Kinh tế cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Luật kinh tế cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Luật, Đề án vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Luật chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian cần đầy đủ các nội dung cốt lõi.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc.

Nhà trường cần thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website và thông tin cần được lan truyền rộng rãi để số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng phong phú hơn. Khoa cần có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên c hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa cần xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên cần được Nhà trường và Khoa Luật tiến hành đa dạng, thường xuyên và kịp thời, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Đồng thời cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

Không nên quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao. Khoa cần thiết kế mẫu kế hoạch nhiệm vụ năm học của GV (Logframe) để thống nhất thực hiện trong toàn Khoa và thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát.

Khoa Luật cần nâng cao chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên cần tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của Khoa. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường cần phong phú hơn. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường cần được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4,14
<i>Tiêu chí 6.1</i>	4
<i>Tiêu chí 6.2</i>	5
<i>Tiêu chí 6.3</i>	4
<i>Tiêu chí 6.4</i>	4
<i>Tiêu chí 6.5</i>	4
<i>Tiêu chí 6.6</i>	4
<i>Tiêu chí 6.7</i>	4

TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.1

Trường ĐH Vinh có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu và quy mô đào tạo, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân tích tình trạng đội ngũ nhân viên của Trường và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020 (số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018) và Đề án Vị trí việc làm Trường Đại học Vinh (số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018). Nhà trường đã thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ. (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác).

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác). Về thu nhập, hàng tháng, ngoài thu nhập từ tiền lương theo ngạch bậc, mỗi nhân viên còn được hưởng thêm một khoản thu nhập tăng thêm theo từng vị trí công tác và các chế độ khác theo quy định (Quy chế chi tiêu nội bộ trường đại học Vinh số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016 và Chính sách thu hút nhân lực, trọng dụng nhân tài số 551/ĐHV-TCCB ngày 30/6/2020). Trường cũng cam kết tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi có nhu cầu, có chính sách khen thưởng, tăng lương trước thời hạn trong trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đội ngũ nhân viên phục vụ đào tạo sinh viên ngành

Luật Kinh tế là 179 người, trong đó có 90 nam, 89 nữ; 3 tiến sĩ, 85 thạc sĩ; 74 đại học; độ tuổi trung bình 39,2. Số lượng nhân viên hỗ trợ khoa Luật là 7 người, có 6 thạc sĩ và 1 đại học. tất cả có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Số lượng nhân viên hỗ trợ trực thuộc khoa Luật là 7 người, trong đó có 6 thạc sĩ và 1 đại học.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở quy hoạch đội ngũ của các phòng, ban, trung tâm, vào đầu năm học Nhà trường tổng hợp, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên toàn trường, đối chiếu với đề án vị trí việc làm lãnh đạo Trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị (Kế hoạch tuyển dụng viên chức trường ĐH Vinh ngày 9/02/2018; Thông báo tuyển viên chức từ năm 2014-2019).

CTĐT ngành Luật kinh tế được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng làm việc tại các phòng ban, trung tâm như: Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Dịch vụ, HTSV & QHDN, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Phòng CTCT - HSSV, Phòng Đào tạo, Phòng Quản trị và Đầu tư. Khoa Luật có 02 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng và trợ lý quản lý sinh viên, 04 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập cho các khóa đào tạo từ năm thứ nhất đến năm thứ tư; Khoa có 01 trợ lý đào tạo chuyên trách. Ngành Luật kinh tế có 02 giảng viên tham gia Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ Thực hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho công tác thực hành của sinh viên. Các giảng viên trong ngành Luật kinh tế trực tiếp sử dụng Phòng xử án mô phỏng để tổ chức dạy học các học phần kỹ năng (số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/04/2016 và số 2396/QĐ-ĐHV ngày 6/9/2019 về Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường đại học Vinh; Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Trợ lý đào tạo, cán bộ văn phòng khoa, Cố vấn học tập, nhân viên hỗ trợ). Tại các giảng đường, Nhà trường bố trí đội ngũ nhân viên quản lý nhà học và vệ sinh phục vụ...

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh

viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. năm 2016/2017, tỷ lệ khá và tốt 96,8%; 2017/2018: 96,63%; 2018/2019: 96,6%; tỷ lệ trung bình từ 69%-72%.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.1

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế; năng lực làm việc chưa đồng đều. Khoa chưa phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên trong khuôn khổ chỉ tiêu định biên cho phép đối với Trường công lập.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.1

Cần nâng cao tính chuyên nghiệp và năng lực của nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ; năng lực làm việc cần đồng đều. Khoa cần phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên trong khuôn khổ chỉ tiêu định biên cho phép đối với Trường công lập.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.1: 4

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.2

Trường Đại học Vinh có các quy định cụ thể về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên. Nhà trường đã ban hành quy định tuyển dụng viên chức và hợp đồng lao động ngạch viên chức, trong đó nêu rõ phạm vi áp dụng, điều kiện, tiêu

chuẩn, hội đồng tuyển dụng, hình thức tuyển dụng...; xác định rõ ràng các tiêu chí và quy trình để tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên. Nội dung các quy định được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015 và số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018; Quyết định quy chế công tác cán bộ của Trường số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016; Đề án tuyển dụng viên chức vào trường ĐH Vinh...).

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Trường xác định rõ ràng trên cơ sở khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Căn cứ đề xuất tuyển dụng mới nhân sự của các phòng, ban, trung tâm và khoa, Nhà trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; đồng thời, thông báo tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng cho từng vị trí việc làm.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng (<http://phongtccb.vinhuni.edu.vn>; Hệ thống thông tin nội bộ i-Office <http://ioffice.vinuni.edu.vn>. Các quyết định về việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, hợp đồng lao động, các quyết định bổ nhiệm cán bộ chủ chốt, các quyết định quy hoạch chức danh... Việc làm này đã giúp cho công tác tuyển dụng nhân viên của Nhà trường được công khai, minh bạch và công bằng. Cho đến nay, Nhà trường không nhận được các khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên. Trong 5 năm khoa Luật điều chuyển 2 người.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.2

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện

thường xuyên, còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.2

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên cần được thực hiện thường xuyên, cần có sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cần hiệu quả.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.2: 4

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.3

Trường ĐH Vinh có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Nhà trường ban hành các văn bản quy định tiêu chí đánh giá, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên tại văn bản hướng dẫn, đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức và người lao động số 1939/QĐ-ĐHV ngày 29/5/2015; Quyết định ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức trường ĐH Vinh, số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017.

Nhà trường thực hiện thường xuyên việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên theo một quy trình chặt chẽ, thống nhất. Hàng tháng, các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại viên chức cho các nhân viên làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm. Vào cuối mỗi năm học, các nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, tổ chuyên môn, lãnh đạo đơn vị xem xét, xác nhận và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường phê duyệt. Nhà trường cũng định kỳ lấy ý kiến phản hồi

của người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động Nhà trường. Đây cũng là một kênh thông tin để đánh giá xếp loại nhân viên. Hàng tháng Khoa tổng hợp, đánh giá, kết quả lao động; Hằng năm các cá nhân có bảng chấm điểm thi đua; triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức. Nhà trường ban hành Quyết định công nhận danh hiệu thi đua. Kết quả đánh giá nhân viên hỗ trợ của Khoa Luật đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.3

Việc đánh giá năng lực hàng tháng chưa tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Đồng thời, việc quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị dẫn đến có nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng không được ghi nhận xứng đáng. Chưa có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa chưa xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa hấp dẫn các cán bộ.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.3

Việc đánh giá năng lực hàng tháng cần tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Khoa không nên quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị để kịp thời động viên và tạo động lực cho các cá nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cần có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa cần xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cần hấp dẫn các cán bộ.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.3: 4

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.4

Nhà trường, khoa Luật đã khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, kế hoạch chiến lược phát triển, đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT ngành Luật kinh tế; đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên (số 49/ĐHV-TCCB ngày 11/01/2019. Hằng năm các Bộ môn và Khoa Luật tiến hành khảo sát và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, giảng viên, nhân viên được tổng hợp trong bản Kế hoạch năm học; sau đó được tổng hợp trong kế hoạch năm học của Khoa Luật. Nhà trường còn ra thông báo về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động, (các thông báo 49/ĐHV-TCCB/2019; 940/TC-ĐHV/2019).

Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ, nhân viên căn cứ trên kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của nhân viên. Nhà trường và Khoa xây dựng các chính sách, tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí để nhân viên được học tập, rèn luyện. được xác định trong văn bản quy định quyền và nhiệm vụ cho cán bộ, viên chức, cán bộ quản lý và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Nhà trường và Khoa triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên dựa trên kế hoạch đã được thông qua. Trường và Khoa Luật có đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành tốt công việc năm học theo kế hoạch. Nhiều nhân viên ở các phòng ban, trung tâm trong trường có học vị thạc sĩ, tiến sĩ. Tính đến năm 2020

Khoa Luật có 03 nhân viên hỗ trợ chuyên trách có 02 nhân viên đã đạt học vị thạc sĩ. Trong 5 năm tổng chi cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ khoa Luật là 1,031 tỷ đồng

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.4

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên chưa được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.4

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên cần được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.4: 4

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.5

Nhà trường và khoa Luật có quy định về khối lượng công việc cụ thể, quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Trường Đại học Vinh đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, trung tâm, nhân viên làm việc tại văn phòng khoa. Với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng nhân viên. Bên cạnh

đó, Trường cũng ban hành quy định về theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên bao gồm các quy định về đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng, thanh toán giờ làm thêm.

Trường Đại học Vinh đã giao khối lượng công việc cụ thể và phân công triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Định kỳ hàng tháng và kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường xếp loại nhân viên dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành và bình xét các danh hiệu thi đua (thông qua bảng chấm công hàng tháng, Biên bản họp hội đồng thi đua cấp Khoa, lấy ý kiến của các bên liên quan đối với hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hồ sơ đánh giá CBCC hàng năm). Nhà trường cũng tổ chức các đợt lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ người học của các phòng ban chức năng và đội ngũ nhân viên hỗ trợ (số 970/ĐHV-HCTH ngày 18/8/2017. Kết quả được tổng hợp thông báo đến từng đơn vị.

Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... Đầu mỗi năm học, tất cả các nhân viên hỗ trợ đều phải đăng ký danh hiệu thi đua và xác định khối lượng công việc phải thực hiện trong năm. Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch công tác tháng được triển khai, giám sát và đánh giá đến từng đơn vị trong Trường qua hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng. Trong các buổi họp Khoa, các nhân viên cũng thường xuyên được nhắc nhở, theo dõi tiến độ hoàn thành công việc. Cuối mỗi năm học, các nhân viên được đánh giá dựa trên việc thực hiện kế hoạch năm học đề ra đầu năm.

Tất cả nhân viên trong Trường được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Trước khi Nhà trường ban hành văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý của toàn thể viên chức trong toàn trường để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp. Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Nhân viên

được đóng góp ý kiến trong quá trình đánh giá kết quả công tác Đội ngũ nhân viên luôn thống nhất ý kiến với tập thể, hài lòng về việc quản trị công việc này.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.5

Nhà trường và Khoa chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV chưa được đồng đạo CBNV tham gia.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.5

Nhà trường và Khoa cần triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV có sự tham gia được đồng đạo của CBNV tham gia.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 7

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 7:

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Luật đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

Trường có quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng; có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ số lượng, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: giảng dạy, NCKH, quản lý hành chính và phục vụ đào tạo. Đội ngũ nhân viên của Khoa

được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác CB của Trường Đại học Vinh. Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác CB, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành Luật.

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có năng lực tốt, PP làm việc khoa học, hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc, vì hiệu quả của quá trình đào tạo. Hằng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại; có phê bình, có khen thưởng. Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những CB nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lý; năng lực ngoại ngữ và tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ SV.

Hằng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB hỗ trợ. Khoa luôn cử các nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù số lượng CB hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành Luật

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB hỗ trợ và nhân viên trong Khoa được public công khai trên trang web của Khoa. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 7:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 7:

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế; năng lực làm việc chưa đồng đều. Khoa Luật chưa phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên, còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

Việc đánh giá năng lực hàng tháng chưa tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Đồng thời, việc quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị dẫn đến có nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng không được ghi nhận xứng đáng. Chưa có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa Luật chưa xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa hấp dẫn các cán bộ.

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên chưa được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Nhà trường và Khoa Luật chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV chưa được đông đảo CBNV tham gia.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 7:

Khoa Luật và Nhà trường cần nâng cao tính chuyên nghiệp và năng lực của nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ; năng lực làm việc cần đồng đều. Khoa Luật cần phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên cần được thực hiện thường xuyên, cần có sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cần hiệu quả.

Việc đánh giá năng lực hàng tháng cần tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Khoa không nên quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị để kịp thời động viên và tạo động lực cho các cá nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cần có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa Luật cần xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cần hấp dẫn các cán bộ.

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên cần được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Nhà trường và khoa Luật cần triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV có sự tham gia được đồng đạo của CBNV tham gia.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 7:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 7	4.00
<i>Tiêu chí 7.1</i>	4
<i>Tiêu chí 7.2</i>	4
<i>Tiêu chí 7.3</i>	4
<i>Tiêu chí 7.4</i>	4
<i>Tiêu chí 7.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.1

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh (QĐ số 265/ĐA-ĐHV, ngày 11/03/2017; số 734/ĐA-ĐHV, ngày 04/7/2018; số 206/ĐA-ĐHV, ngày 11/3/2019; số 415/ĐA-ĐHV ngày 26/6/2020) với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Luật Kinh tế. Ví dụ, trong Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường đã nêu rõ các thông tin như: đối tượng tuyển sinh là các thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp quốc gia năm 2018 và đã tốt nghiệp THPT; phạm vi tuyển sinh trong cả nước; ngành Luật Kinh tế được tuyển sinh theo nhóm 4 (Khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn) với phương thức xét tuyển (dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập ở THPT); xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT và các thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên trên phạm vi cả nước. Đề án tuyển sinh năm 2019 xác định đối tượng tuyển sinh là các thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp quốc gia năm 2019 và đã tốt nghiệp THPT; phạm vi tuyển sinh trong cả nước và quốc tế; ngành Luật Kinh tế được tuyển sinh theo khối các ngành ngoài sư phạm với phương thức xét tuyển (dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập ở THPT); xét tuyển thẳng đối với các học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và các học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS 5.0, TOEFL iBT 50, TOEIC 500, Cambridge PET) và điểm trung bình môn Toán (đối với các ngành khoa học tự nhiên) và môn Văn (đối với các ngành Khoa học xã hội) lớp 12 phải đạt 7.0 điểm trở lên. Đề án tuyển sinh cũng xác định cụ thể các tổ hợp xét tuyển vào học ngành Luật Kinh tế gồm: C00, D01, A00, A01. Từ năm 2017, bên cạnh các thông tin chi tiết của năm tuyển sinh, thông tin ĐBCL của Trường về đội

ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, Đề án tuyển sinh còn cung cấp cho người học thông tin tham khảo của 02 năm tuyển sinh trước đó của các CTĐT, trong đó có ngành Luật Kinh tế.

Nhà trường đã công khai chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ (<http://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>; <http://www.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy>). Ví dụ, Mục III.1 (Tuyển sinh đại học chính quy) của Đề án tuyển sinh năm 2020 công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường đã xác định cụ thể các nội dung: Đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020, ngưỡng ĐBCL đầu vào, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, học phí và lộ trình tăng học phí. Riêng đối với ngành Luật Kinh tế, thông tin và chính sách tuyển sinh còn được cập nhật thường xuyên đến thí sinh qua các bài viết, tin tức của chuyên trang tuyển sinh ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Vinh (<http://khoaluat.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/>).

Ngoài ra, Nhà trường/Khoa còn truyền thông về việc tuyển sinh thông qua các bài viết trên các báo điện tử: Tin tức Việt Nam: (<https://tintucvietnam.vn/amp/chi-tieu-tuyen-sinh-truong-dai-hoc-vinh-nam-2019-d216785.html>); VTCNews (<https://vtc.vn/4500-chi-tieu-tuyen-sinh-cua-dai-hoc-vinh-ar70614.html>); Dân trí (<https://dantri.com.vn/tuyen-sinh/truong-dai-hoc-vinh-tuyen-sinh-5000-chi-tieu-dai-hoc-chinh-quy-20160728071529071.htm>); tuyển sinh online (<https://tuyensinhso.vn/school/dai-hoc-vinh.html>).

Kiểm tra trực tiếp trên internet tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy trên các trang tuyển sinh của Trường và Khoa có các thông tin về tuyển sinh với đầy đủ nội dung như đối tượng tuyển sinh, phương thức xét tuyển, phạm vi tuyển sinh, các đối tượng ưu tiên, học phí, đội ngũ giảng viên, tình hình tuyển sinh của 2 năm trước liền kề.

Định kỳ, Nhà trường/Khoa đã tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh. Năm 2017, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị chuyên đề: “Nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh, quản lý và tổ chức đào tạo

trong giai đoạn hiện nay” đã đề xuất giải pháp “Xây dựng phương thức tuyển sinh hợp lý, chú ý đảm bảo lợi ích của thí sinh dự tuyển” (Thông báo số 02/TB-HĐT ngày 17/01/2017).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.1

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh và việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực về ngành đào tạo còn hạn chế.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.1

Nhà trường cần có giải pháp để mở rộng phạm vi lấy ý kiến tới nhiều đối tượng và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành Luật Kinh tế để có chính sách tuyển sinh phù hợp.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.1: 4

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.2

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Luật Kinh tế được quy định rõ ràng trong các đề án tuyển sinh hằng năm. Trước năm 2017, Nhà trường sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển và kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Từ năm 2017 tới nay, Trường sử dụng 2 phương thức tuyển sinh: xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Riêng phương thức xét tuyển được thực hiện theo 3 hình thức: (i) Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia; (ii) Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển thẳng (Theo quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường). Ngành Luật Kinh tế sử dụng phương thức xét tuyển theo các tổ hợp C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý), D01 (Toán,

Ngữ văn, Tiếng Anh), A00 (Toán, Vật lý, Hoá học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh). Tiêu chí tuyển sinh người học được đề án quy định cụ thể rõ ràng. Ví dụ, Đề án tuyển sinh năm 2018 xác định: lấy không dưới 70% chỉ tiêu từ kết quả xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT, Dựa vào kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp các môn thi, bài thi của nhóm ngành; lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của nhóm ngành nhưng không có môn thi nào trong tổ hợp môn xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống; lấy không quá 30% chỉ tiêu từ xét kết quả học tập THPT với các tiêu chí sau: tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của năm lớp 12 lấy trung bình từ 6.00 điểm trở lên. Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của nhóm ngành. Điểm trúng tuyển được xác định căn cứ vào số lượng người đăng ký, kết quả thi thực tế của từng năm và ngưỡng đảm bảo chất lượng của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và đào tạo. Ví dụ, điểm trung bình trúng tuyển của thí sinh trúng tuyển vào CTĐT ngành Luật Kinh tế theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPT kết hợp thi môn năng khiếu hằng năm là: 15 điểm (năm học 2016-2017); 15,5 điểm (năm học 2017-2018); 14 điểm (năm học 2018-2019) và 15 (năm học 2019 – 2020).

Hằng năm, Nhà trường/Khoa đã rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường Trước năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành Luật Kinh tế dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập THPT theo các tổ hợp các môn thi của ngành và lấy điểm từ cao xuống thấp. Từ năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh cho ngành Luật kinh tế theo nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn; từ năm 2019, việc tuyển sinh cho ngành Luật kinh tế được thực hiện theo các phương thức tuyển sinh cho khối các ngành ngoài sư phạm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.2

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh vào ngành Luật kinh tế chưa đa dạng. Qua phỏng vấn các nhà tuyển dụng đề nghị bổ sung hình thức xét tuyển kết hợp thi tuyển để lựa chọn được người học có năng lực vào ngành Luật Kinh tế.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.2

Nhà trường nên nghiên cứu bổ sung phương thức xét tuyển kết hợp thi tuyển để chọn được người học có năng lực phù hợp với ngành Luật Kinh tế.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.2: 4

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.3

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm: Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, các khoa, các CVHT và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC. Mục II.B.3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016) quy định nhiệm vụ của Phòng Đào tạo: “Phối hợp kiểm tra, theo dõi nền nếp học tập, quản lý kết quả học tập của người học.. Chủ trì tổ chức xét học tiếp, thôi học, học ngành 2,.. xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên”; Mục VII.B.6 quy định nhiệm vụ của Phòng Thanh tra giáo dục: “Quản lý, giám sát công tác đánh giá điểm chuyên cần, thái độ học tập của người học..”; Mục VIII.B.3 quy định nhiệm vụ của Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên: “chủ trì công tác đánh giá người học, đánh giá công tác HSSV các khoa/trường trực thuộc.. Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật người học đúng quy chế; phối

hợp với các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh, sinh viên... Định kỳ gửi thông báo kết quả học tập rèn luyện về cho gia đình sinh viên.”; Mục 3.a quy định chức năng, nhiệm vụ các khoa: “Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho.. người học thuộc Khoa”. Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của CVHT (QĐ số 3814 /QĐ-ĐHV ngày 10/12/2012) quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của CVHT trong hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Mục II.B Quy định nhiệm vụ của Trợ lý Quản lý sinh viên: “Giúp Trưởng khoa tổ chức và duy trì có hiệu quả phong trào thi đua học tập và rèn luyện trong sinh viên, học viên để đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý, thống kê báo cáo và nhận xét, đánh giá sinh viên và học viên sau mỗi học kỳ, năm học, khoá học. Từng học kỳ báo cáo kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, học viên cho Trưởng khoa.. Lập hồ sơ đề xuất Hội đồng thi đua khen thưởng – kỷ luật của Khoa và Nhà trường biểu dương, khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện; đồng thời kiến nghị xử lý kỷ luật đối với các trường hợp sinh viên, học viên vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm các quy định của Nhà trường..”.

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định tại các điều 9, 10, 12, 14, 15, 19 Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 868 /QĐ – ĐHV ĐHV ngày 02 /4/2013) và các điều 6, 7, 8, 9, 11, 13, 15, 16, 17 Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017). Việc giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của thực hiện theo các điều 3, 11, 12, 13, 14, 15 Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Vinh (QĐ số 4153/QĐ-ĐHV ngày 01/12/2015), trong đó Điều 11 quy định 4 bước quy trình đánh giá kết quả rèn luyện.

Giáo viên chủ nhiệm lớp giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên trong lớp thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá

trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm.

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban Chủ nhiệm khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Trợ lý Quản lý sinh viên, Chủ nhiệm lớp sinh viên và Liên chi đoàn Khoa. Khoa/Bộ môn thường xuyên giám sát kết quả học tập của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những sinh viên không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Hàng năm, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên gửi kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên cho gia đình để đôn đốc sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện.

Kết quả học tập, số lượng tín chỉ người học đăng ký trong học kỳ, danh sách người học bị xử lý kết quả học tập, danh sách người học chậm tiến độ, thôi học được lưu trữ trên hệ thống trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS). Kết quả rèn luyện của SV do Chủ nhiệm lớp sinh viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên theo lớp; Trợ lý công tác sinh viên tổng hợp và gửi kết quả điểm rèn luyện SV của Khoa về Trường. Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên tổng hợp, trình Hội đồng Đào tạo công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên toàn Trường.

Phòng Đào tạo theo dõi và xử lý dữ liệu sinh viên có nguy cơ bị buộc thôi học từng học kỳ để phối hợp với Khoa, thông qua đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên và CVHT, để tư vấn cho sinh viên thuộc diện bị xử lý có kế hoạch học tập phù hợp để đảm bảo tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

Khảo sát trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường trong thời gian ĐGN cho thấy: Nhà trường có các dữ liệu về tiến trình học tập của người học, số người không tích lũy đủ số tín chỉ và các thông tin khác giúp người học chủ động nắm bắt được tiến độ học tập. Phòng Đào tạo đã có các cảnh báo học vụ đối với SV để đội ngũ CVHT và Chủ nhiệm lớp SV giúp các SV được có kế hoạch, biện pháp cải thiện học tập.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.3

Giai đoạn 2016 -2020 còn có 130 lượt sinh viên ngành Luật Kinh tế được cảnh báo học tập và 24 lượt sinh viên bị buộc thôi học. Nhà trường chưa ban hành quy định về chức trách, nhiệm vụ của các chủ nhiệm lớp sinh viên trong toàn Trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.3

Nhà trường/Khoa cần phân tích xác định nguyên nhân để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm giảm tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ. Nhà trường nên ban hành văn bản quy định cụ thể chức trách nhiệm vụ của đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên, thống nhất thực hiện trong Nhà trường để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ chuyên trách này.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.3: 4

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.4

Nhà trường có bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của SV. Mục II.B.3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh quy định Phòng Đào tạo có nhiệm vụ : “Chủ trì tổ chức các hội thi nghiệp vụ sư phạm, hội thi “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp”; Mục VIII.B.1 quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Công tác chính trị - học sinh sinh viên: “Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng của .. người học; .. Chủ trì phối hợp cho người học tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động khác;.. Chủ trì việc xây dựng chế độ học phí, .. miễn, giảm học phí,

học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp, hỗ trợ chi phí học tập, tín dụng, đào tạo; chủ trì phân bổ học bổng tài trợ. Phối hợp quản lý các câu lạc bộ “Mái ấm Trường Vinh”, hỗ trợ cho các đối tượng người học: con mồ côi, tàn tật, diện chính sách và người học có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tổ chức cho người học tham gia các loại hình bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế.. giải quyết quyền lợi cho người học bị ốm đau, tai nạn rủi ro... Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật người học theo đúng quy chế”. Mục XXIII.B.6 quy định nhiệm vụ của Văn phòng Đoàn trường: “Chủ trì các phong trào học tập, nghiên cứu khoa học, giáo dục chính trị tư tưởng, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, nếp sống văn hoá, tình nguyện, rèn luyện kỹ năng,..”. Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ cố vấn học tập (QĐ số 3814/QĐ-ĐHV, ngày 10/12/2012) quy định CVHT: “.. tư vấn, giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện” giúp sinh viên “trang bị kiến thức và kỹ năng mềm, phát triển kỹ năng và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình học tập tại Trường” và “thường xuyên theo dõi kết quả và tiến độ học tập của sinh viên để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch và phương pháp học tập thích hợp”.

Mục XIII.B.2 Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh đã quy định nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp: “Chủ trì tìm kiếm và tổ chức các chương trình tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho người học; phối hợp tổ chức “Ngày hội việc làm”, kết nối sinh viên với các nhà tuyển dụng; xây dựng mạng lưới và phối hợp bố trí địa điểm thực tập nghề, thực hành, thực tế chuyên môn cho ngành ngoài sư phạm; xây dựng dữ liệu sinh viên tốt nghiệp hằng năm cung cấp cho các nhà tuyển dụng; chủ trì công tác khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên”.

Trong “Tuần giáo dục công dân”, các phòng chức năng phổ biến nội quy, quy chế học tập, rèn luyện, các chủ trương chính sách liên quan đến người học (KH số 3460/ĐHV-CTSV 18/9/2015; số 29/KH-ĐHV ngày 01/9/2016; số 26/KH-ĐHV ngày 07/8/2017; số 28/KH-ĐHV ngày 03/8/2019; số 39/KH-ĐHV, ngày 1/8/2019).

Hàng năm, Nhà trường/Khoa triển khai tháng rèn nghề cho sinh viên (KH số 05/KH-ĐHV ngày 23/02/2016; KH số 07/KH-ĐHV ngày 28/02/2018; KH số

11/KH-ĐHV ngày 07/3/2019; KH số 06/KH-ĐHV ngày 17/01/2020; KH ngày 06/02/2016, ngày 06/01/2017; ngày 24/01/2018; ngày 12/3/2019; 04/02/2020).

Hằng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV. Hàng năm, Khoa tổ chức Hội nghị dân chủ SV nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên Nhà trường tổ chức các hoạt động: “Chương trình ngày chủ nhật xanh”, “Giải bóng chuyền sinh viên”, “Tuổi trẻ học tập và làm theo đạo đức, phong các Hồ Chí Minh”, Hội thi “Sinh viên thanh lịch” (KH số 45-KH/ ĐTN, ngày 18/4/2019; số 15- KH/ ĐTN ngày 26/2/2018; số 28- KH/ ĐTN, ngày 13/3/ 2018; số 13 -KH/ĐTN ngày 31/3/2019)... Liên chi đoàn Khoa Luật đã thành lập rất nhiều câu lạc bộ, đội, nhóm với nhiều hoạt động sôi nổi phù hợp với chuyên ngành: Đội văn nghệ khoa Luật 2017-2018, Đội tình nguyện Khoa Luật 2018-2019, Đội Xung kích khoa Luật 2017 – 2018, Câu lạc bộ thực hành pháp luật Khoa Luật 2015 – 2016, Câu lạc bộ thực hành pháp luật; Câu lạc bộ “Du ca Khoa Luật 2017 – 2018”, Câu lạc bộ "Tiếng Anh Khoa Luật", 2016.. Sinh viên ngành Luật Kinh tế còn tham gia chương trình giao lưu văn hoá giữa Trường Đại học Vinh và các đơn vị, cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; tham gia các sân chơi học thuật như: Phiên toà giả định Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức...

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học: Liên hệ, kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các chương trình giới thiệu việc làm cho SV, tổ chức các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại Trường, tổ chức các chương trình thực tập tiềm năng cho SV năm cuối, giúp SV tăng cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường (Báo cáo số 919/ĐHV-ĐTLT ngày 09/8/2016; số 1100/ĐHV-HTSVQHDN ngày 18/9/2017; số 1558/ĐHV-HTSVQHDN ngày 28/12/2017; số 1380/ĐHV ngày 02/12/2019; số 1189/ĐHV-HTSVQHDN ngày 24/11/2020); tổ chức “Ngày hội việc làm” tạo điều kiện cho sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên năm cuối của Nhà trường được tiếp cận nhà tuyển

dụng, tham gia phỏng vấn, ứng tuyển vào các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo (KH số 266/ĐHV – HTSVQHDN ngày 15/3/2017; số 296/ĐHV-HTSVQHDN ngày 28/3/2019; số 381/ĐHV-HTSVQHDN ngày 17/4/2019). Giai đoạn 2016 – 2020, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên, Quan hệ doanh nghiệp đã giới thiệu 3184 việc làm cho người học, trong đó có 56 người học ngành Luật Kinh tế.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc. Kết quả khảo sát năm 2016 có 90,9% người học hài lòng về: “Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo có hỗ trợ, tư vấn tốt để đăng ký học, xử lý học vụ”; 90% người học hài lòng về: “Trợ lý sinh viên của Khoa tích cực, nhiệt tình giúp đỡ trong quá trình học”; có 76,5% người học hài lòng về: “Cán bộ Văn phòng Khoa tích cực, nhiệt tình giúp đỡ trong quá trình học tập, rèn luyện”; có 80,3% người học hài lòng đối với hoạt động hỗ trợ việc làm của Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016);... kết quả khảo sát lấy ý kiến người học năm học 2019-2020: có 94% người học hài lòng về: “Việc cung cấp thông tin nghề nghiệp và việc làm của Nhà trường đối với người học; có 93,1% người học hài lòng với hoạt động của Đoàn Thanh niên”; có 92,4% người học hài lòng với hoạt động của Hội Sinh viên. Kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá tốt nghiệp các năm có trên 90% hài lòng về: “Chất lượng phục vụ của Nhà trường đối với sinh viên” và “Môi trường sống, sinh hoạt, rèn luyện, học tập tại Trường” (Báo cáo 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017; số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.4

Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học và cựu người học đối với hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm chưa được xử lý và phân tích theo các ngành đào tạo.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.4

Kết quả khảo sát cần được xử lý và phân tích theo từng ngành học để có thể đưa ra được các giải pháp phù hợp để cải tiến hoặc nâng cao chất lượng về môi trường tâm lý, xã hội cho từng ngành học liên quan tại từng cơ sở giáo dục của Nhà trường

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.4: 4

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.5

Nhà trường đã có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá của sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh (QĐ số 3182/QĐ-ĐHV ngày 26/12/2018). Sinh viên được tổ chức khám sức khỏe học đường (Thông báo số 306/ĐHV-YT ngày 02/4/2018; số 1391/ĐHV-YT, ngày 05/12/2018), SV nữ được tư vấn về giới tính sức khỏe, sinh sản (Thông báo số 625/ĐHV-ĐTLT ngày 17/5/2016, số 1006/ĐHV-HTSVQHDN, ngày 18/5/2018). Khuôn viên Nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, có nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao. Nhà trường/Khoa Luật thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ. GV, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập và thực hiện các thủ tục hành chính, Nhà trường đã thành lập các khu hành chính một cửa từ năm 2016 (QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/06/2016).

Cảnh quan, sân trường, phòng học của Nhà trường được đầu tư xây dựng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà điều hành công nghệ cao, giảng đường, các văn phòng, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng

day, học tập và NCKH của sinh viên. Văn phòng làm việc của Khoa được bố trí tại khu nhà 5 tầng (Nhà A0) gần giảng đường (Khu nhà A1, A2, A3, A4 và khu nhà B1, B2, B3). Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đèn, quạt và trang bị máy lạnh nhằm cung cấp không gian học tập thoáng đãng cho học tập, giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học. Sinh viên ngành Luật Kinh tế được hỗ trợ bởi các cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập như hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO. Nhà trường ký hợp đồng với đối tác để duy trì công tác vệ sinh môi trường (HĐ số 06/2018/HĐDV ngày 05/01/2018) và đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường (HĐ số 30/HĐKT, ngày 29/3/2018). Ngoài ra, hàng tuần, sinh viên của các Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên trường. Sinh viên Nhà trường/ngành Luật Kinh tế được học tập trong môi trường thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu.

Tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN nhận thấy: Nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng chống dịch Covid19 (CB, GV, SV đeo khẩu trang, các khu vực vào hội trường, có phát khẩu trang cho người tham dự..).

Định kỳ, Nhà trường triển khai thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của học viên, sinh viên về các hoạt động của Nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường. Kết quả khảo sát sinh viên toàn Trường năm 2016: có 91,7% người học hài lòng về: “công tác vệ sinh môi trường”; 90,6% người học hài lòng về: “Công tác bảo đảm an ninh trật tự trong Nhà trường”; có 81,3% người học hài lòng về: “Công tác chăm sóc sức khỏe của Nhà trường “ (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016); .. Kết quả khảo sát phản hồi của người học về các hoạt động của Nhà trường học kỳ 1 năm học 2019 – 2020: 92,7% người học hài lòng đối với “Hệ thống vệ sinh công cộng của Nhà trường”; 94,2% người học hài lòng về: “Công tác bảo đảm an ninh, trật tự Trường học”; có 92,9% người học hài lòng về: “Việc giải quyết thủ tục hành chính đối với người học (Báo cáo số 09/BC-ĐHV ngày 26/02/2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.5

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.5

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường thông qua phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin và có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp. Kết quả khảo sát cần được xử lý và phân tích theo từng ngành học để có thể đưa ra được các giải pháp phù hợp để cải tiến hoặc nâng cao chất lượng về môi trường tâm lý, xã hội cho từng ngành học của Nhà trường.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 8

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 8:

Hằng năm, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Luật Kinh tế.

Nhà trường đã công khai chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ (<http://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>; <http://www.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy>). Mục III.1 (Tuyển sinh đại học chính quy) của Đề án tuyển sinh năm 2020 công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường đã xác định cụ thể các nội dung: đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020, ngưỡng ĐBCL đầu vào, quy trình thi/xét tuyển, đánh

giá đầu vào, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, học phí và lộ trình tăng học phí. Riêng đối với ngành Luật Kinh tế, thông tin và chính sách tuyển sinh còn được cập nhật thường xuyên đến thí sinh qua các bài viết, tin tức của chuyên trang tuyển sinh ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Vinh (<http://khoaluat.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/>). Ngoài ra, Nhà trường/Khoa còn truyền thông về việc tuyển sinh thông qua các bài viết trên các báo điện tử: Tin tức Việt Nam; VTCNews; Dân trí; tuyển sinh online.

Kiểm tra trực tiếp trên internet tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy trên các trang tuyển sinh của Trường và Khoa có các thông tin về tuyển sinh với đầy đủ nội dung như đối tượng tuyển sinh, phương thức xét tuyển, phạm vi tuyển sinh, các đối tượng ưu tiên, học phí, đội ngũ giảng viên, tình hình tuyển sinh của 2 năm trước liền kề.

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Luật Kinh tế được quy định rõ ràng trong các đề án tuyển sinh hằng năm. Trước năm 2017, Nhà trường sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển và kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Từ năm 2017 tới nay, Trường sử dụng 2 phương thức tuyển sinh: xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Riêng phương thức xét tuyển được thực hiện theo 3 hình thức: (i) Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia; (ii) Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển thẳng (Theo quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường). Ngành Luật Kinh tế sử dụng phương thức xét tuyển theo các tổ hợp C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh), A00 (Toán, Vật lý, Hoá học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh). Tiêu chí tuyển sinh người học được đề án quy định cụ thể rõ ràng.

Hằng năm, Nhà trường/Khoa đã rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường. Trước năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành Luật Kinh tế dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập THPT theo các tổ hợp các môn thi của ngành và lấy điểm từ cao xuống thấp. Từ năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh cho ngành Luật kinh tế theo nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn; từ năm 2019,

việc tuyển sinh cho ngành Luật kinh tế được thực hiện theo các phương thức tuyển sinh cho khối các ngành ngoài sư phạm.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm: Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, các khoa, các CVHT và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC.

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh và Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh. Việc giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của thực hiện theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Vinh, trong đó Điều 11 quy định 4 bước quy trình đánh giá kết quả rèn luyện.

Giáo viên chủ nhiệm lớp giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên trong lớp thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm.

Kết quả học tập, số lượng tín chỉ người học đăng ký trong học kỳ, danh sách người học bị xử lý kết quả học tập, danh sách người học chậm tiến độ, thôi học được lưu trữ trên hệ thống trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS). Kết quả rèn luyện của SV do Chủ nhiệm lớp sinh viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên theo lớp; Trợ lý công tác sinh viên tổng hợp và gửi kết quả điểm rèn luyện SV của Khoa về Trường. Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên tổng hợp, trình Hội đồng Đào tạo công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên toàn Trường.

Phòng Đào tạo theo dõi và xử lý dữ liệu sinh viên có nguy cơ bị buộc thôi học từng học kỳ để phối hợp với Khoa, thông qua đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên và CVHT, để tư vấn cho sinh viên thuộc diện bị xử lý có kế hoạch học tập phù hợp để đảm bảo tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

Khảo sát trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường trong thời gian ĐGN cho thấy: Nhà trường có các dữ liệu về tiến trình học tập của người học, số người không tích lũy đủ số tín chỉ và các thông tin khác giúp người học chủ động nắm bắt được tiến độ học tập. Phòng Đào tạo đã có các cảnh báo học vụ đối với SV để đội ngũ CVHT và Chủ nhiệm lớp SV giúp các SV được có kế hoạch, biện pháp cải thiện học tập.

Hàng năm, Nhà trường/Khoa triển khai tháng rèn nghề cho sinh viên. Hàng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV. Hàng năm, Khoa tổ chức Hội nghị dân chủ SV nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học. Hàng năm, Đoàn Thanh niên Nhà trường tổ chức các hoạt động “Chương trình ngày chủ nhật xanh”, “Giải bóng chuyền sinh viên”, “Tuổi trẻ học tập và làm theo đạo đức, phong các Hồ Chí Minh”, Hội thi “sinh viên thanh lịch”... Liên chi đoàn Khoa Luật đã thành lập rất các câu lạc bộ, đội, nhóm với nhiều hoạt động sôi nổi phù hợp với chuyên ngành: Đội văn nghệ khoa Luật 2017-2018, Đội tình nguyện Khoa Luật 2018-2019, Đội Xung kích khoa Luật 2017 – 2018, Câu lạc bộ thực hành pháp luật khoa Luật 2015 – 2016, Câu lạc bộ thực hành pháp luật; Câu lạc bộ “Du ca Khoa Luật 2017 – 2018”, Câu lạc bộ "Tiếng Anh Khoa Luật".

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học: Liên hệ, kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các chương trình giới thiệu việc làm cho SV, tổ chức các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại Trường, tổ chức các chương trình thực tập tiềm năng cho SV năm cuối, giúp SV tăng cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Giai đoạn 2016 - 2020, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên, Quan hệ doanh nghiệp đã giới thiệu 3184 việc làm cho người học, trong đó có 56 người học ngành Luật Kinh tế.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, người học trước khi tốt nghiệp các năm về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát các năm từ 2016

đến năm 2020 có trên 76% người học, người học trước khi tốt nghiệp hằng năm hài lòng.

Nhà trường đã có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá của sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh. Khuôn viên Nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, có nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao. Nhà trường/Khoa Luật thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ. GV, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập và thực hiện các thủ tục hành chính, Nhà trường đã thành lập các khu hành chính một cửa từ năm 2016.

Cảnh quan, sân trường, phòng học của Nhà trường được đầu tư xây dựng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà điều hành công nghệ cao, giảng đường, các văn phòng, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của SV. Văn phòng làm việc của Khoa được bố trí gần giảng đường. Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đèn, quạt và trang bị máy lạnh nhằm cung cấp không gian học tập thoáng đãng cho học tập, giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học. Nhà trường ký hợp đồng với đối tác để duy trì công tác vệ sinh môi trường và đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường. Ngoài ra, hàng tuần, sinh viên của các Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên trường. Sinh viên Nhà trường/ngành Luật Kinh tế được học tập trong môi trường thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu.

Tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN nhận thấy: Nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng chống dịch Covid19 (CB, GV, SV đeo khẩu trang, các khu vực vào hội trường, có phát khẩu trang cho người tham dự..).

Kết quả khảo sát sinh viên toàn Trường giai đoạn 2016 – 2020: có trên 80% người học hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 8:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 8:

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh và việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực về ngành đào tạo còn hạn chế.

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh vào ngành Luật kinh tế chưa đa dạng. Qua phỏng vấn các nhà tuyển dụng đề nghị bổ sung hình thức xét tuyển kết hợp thi tuyển để lựa chọn được người học có năng lực vào ngành Luật Kinh tế.

Giai đoạn 2016 -2020 còn có 130 lượt sinh viên ngành Luật Kinh tế được cảnh báo học tập và 24 lượt sinh viên bị buộc thôi học. Nhà trường chưa ban hành quy định về chức trách, nhiệm vụ của các chủ nhiệm lớp sinh viên trong toàn Trường.

Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học và cựu người học đối với hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm chưa được xử lý và phân tích theo các ngành đào tạo.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 8:

Nhà trường cần có giải pháp để mở rộng phạm vi lấy ý kiến tới nhiều đối tượng và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đối với Ngành Luật Kinh tế để có chính sách tuyển sinh phù hợp

Nhà trường nên nghiên cứu bổ sung phương thức xét tuyển kết hợp thi tuyển để chọn được người học có năng lực phù hợp với ngành Luật Kinh tế.

Nhà trường/Khoa cần phân tích xác định nguyên nhân để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm giảm tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ. Nhà trường nên ban hành văn bản quy định cụ thể chức trách nhiệm vụ của đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên, thống nhất

thực hiện trong Nhà trường để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ chuyên trách này.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng cựu người học đối với hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm cần được xử lý và phân tích theo từng ngành học để có thể đưa ra được các giải pháp phù hợp để cải tiến hoặc nâng cao chất lượng về môi trường tâm lý, xã hội cho từng ngành học liên quan.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường thông qua phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 8:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 8	4,00
<i>Tiêu chí 8.1</i>	4
<i>Tiêu chí 8.2</i>	4
<i>Tiêu chí 8.3</i>	4
<i>Tiêu chí 8.4</i>	4
<i>Tiêu chí 8.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.1

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của Trường là 86.166 m². Hệ thống phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường gồm có: 282 phòng học với tổng diện tích là 51.054 m², 45 phòng học máy tính với tổng diện tích 6920 m²; 86 phòng thí nghiệm có diện tích 10.314 m²; 19 xưởng, phòng thực hành có diện tích 4668 m². Thư viện 2 cơ sở có diện tích 9952 m²; nhà tập đa năng có diện tích 2143 m². Nhà trường có 68 phòng làm việc với tổng diện tích 15.864 m². Ban Giám hiệu Nhà trường được bố trí 6 phòng làm việc ở khu nhà A0 với tổng diện tích 185 m²; Trưởng các đơn vị được bố trí phòng làm việc riêng; các Giáo sư, Phó Giáo sư được bố trí không gian làm việc riêng.

Khoa Luật được bố trí 4 phòng tại tầng một tòa nhà A0 với 01 phòng tại tầng 2 tòa nhà A1 với tổng diện tích 277 m². Về phòng học, đối với các học phần chung của ngành Luật Kinh tế được bố trí ở những giảng đường lớn ở nhà A4, nhà B2, B3; đối với các học phần chuyên ngành Luật Kinh tế có yêu cầu riêng về phòng học được bố trí sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy của từng học phần theo lịch sử dụng hệ thống phòng học do Phòng Quản trị - Đầu tư điều hành quản lý sử dụng bằng mạng máy tính. Tại thời điểm 30/8/2020, với quy mô sinh viên của Trường 13.997 người học, diện tích phòng học bình quân đạt 3,65 m²/người học; diện tích phòng thí nghiệm, thực hành đạt 1,07 m²/người học đối với tất cả các đối tượng người học trong toàn Trường.

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị đầy đủ thiết

bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn, ghế, tủ để tài liệu. Các phòng học, hội trường đều trang thiết bị như máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến. Hiện nay, Nhà trường có 142 phòng học trang bị hệ thống máy chiếu, trong đó có 26 phòng kết nối trực tuyến. Hệ thống máy tính có nối mạng, loa máy độc lập, máy chiếu Projector phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu được cung cấp, bổ sung, sửa chữa hàng năm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.1

Các bộ môn của Khoa Luật chưa được bố trí phòng làm việc riêng, không gian làm việc của cán bộ giảng viên còn chật hẹp.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.1

Nhà trường cần bố trí phòng làm việc riêng cho các bộ môn và tăng diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên của Khoa Luật.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.1: 4

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.2

Thư viện Cơ sở 1 của Trường được thành lập năm 1959, được bố trí tại tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn 9.275 m² bao gồm: Không gian học tập tầng 1, 05 phòng học, 01 Phòng xử án mô phỏng dành cho Khoa Luật, 03 phòng máy tính, 08 kho sách và 06 phòng đọc. Thư viện cơ sở 2 có diện tích sàn 677 m². Thư viện trường có 110 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử

dụng tra cứu tài liệu online cho người học (Cơ sở 1: 80 máy tính; Cơ sở 2: 30 máy tính).

Thư viện Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến. Thư viện có trang thư viện điện tử tại các địa chỉ (Lib.vinhuni.edu.vn; tvs.vinhuni.edu.vn; thuvien.vinhuni.edu.vn). Thư viện có 30 nhân viên, trong đó có 21 nhân viên tốt nghiệp ngành Thư viện (Cơ sở 1: 28 NV; Cơ sở 2: 02 NV).

Nhà trường ban hành Nội quy thư viện (<http://lib.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-su-kien/seo/noi-quy-thu-vien-89190>); nội quy phòng chống cháy nổ ngày 16/01/2018 (<http://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/noi-quy-phong-chong-chay-no-89197>); Quy định sử dụng không gian học tập ngày 15/10/2018 (<http://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/noi-quy-su-dung-khong-gian-hoc-tap-89198>); Hướng dẫn sử dụng và Thư viện điện tử (<http://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/huong-dan-su-dung-va-noi-quy-thu-vien-dien-tu-75593>) và các văn bản hướng khai thác Thư viện (Thông báo, ngày 31/10/2017; ngày 01/08/2018; ngày 15/10/2018; số 15/TTTV ngày 03/12/2019). Phòng đọc thư viện có 1.800 chỗ ngồi, hệ thống mượn - trả tài liệu tự động. CB, GV, người học được cấp tài khoản để sử dụng thư viện số của Trường. Thư viện tổ chức phục vụ bạn đọc thông tầm các ngày trong tuần từ 7h30 đến 21h30 và thứ 7, Chủ nhật.

Kết quả khảo sát trực tiếp cho thấy, Thư viện có 14.466 đầu tài liệu với 160.559 cuốn (Cơ sở 1: 12008 đầu tài liệu/148.200 bản. Cơ sở 2: 2658 tên tài liệu/12359 bản); Thư viện số có: 21.021 tên tài liệu số. Thư viện được kết nối với CSDL điện tử trực tuyến online Proques Center phục vụ công tác đào tạo và NCKH (HĐ số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 ngày 30/10/2019). Thư viện điện tử của Nhà trường kết nối với các thư viện: Liên hiệp Thư viện Đại học Việt Nam (HĐ số Biên bản ghi nhớ ngày 09/8/2019); Thư viện của Cục khoa học và công nghệ quốc gia (HĐ số 1207/ĐHV-TTTV ngày 28/10/2019), Thư viện Trường ĐH Cần Thơ (HĐ số 990/ĐHV-TV ngày 23/8/2017), Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (BB thỏa thuận ngày 08/6/2018); Thư viện

Trường ĐH Công nghệ miền Đông (Biên bản hợp tác ngày 09/8/2018). Nguồn học liệu phục vụ cho ngành Luật Kinh tế trong Thư viện hiện có 634 đầu tài liệu với 9510 bản.

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh (QĐ số 533/QĐ-ĐHV ngày 22/6/2018). Giai đoạn 2015-2020, ngành Luật Kinh tế được bổ sung 150 đầu sách với 1779 bản sách. Thư viện có số liệu theo dõi về hoạt động của bạn đọc. Giai đoạn 2015-2020 có 134.594 lượt bạn đọc đến mượn giáo trình, tài liệu tại Thư viện, trong đó có 8.454 lượt sinh viên ngành Luật Kinh tế.

Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã xác suất yêu cầu Thư viện tìm 39 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 9 đề cương chi tiết các học phần (Luật Thương mại quốc tế, Luật Thương mại, Luật pháp quốc tế, Lịch sử nhà nước và pháp luật trên thế giới, Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Luật, Luật hình sự, Kỹ năng giao tiếp ngành luật, Luật dân sự, Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam) của CTĐT ngành Luật Kinh tế. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được đủ 39 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.2

Tỷ lệ giáo trình tài liệu học tập, tham khảo có thời gian xuất bản trên 5 năm còn khá cao (70,9%).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.2

Thư viện cần phối hợp với Khoa kiểm tra, rà soát lại số lượng các tài liệu có thời hạn xuất bản trên 5 năm, thanh lý những tài liệu không còn phù hợp và mua thay thế những xuất bản mới nhất thuộc lĩnh vực Luật Kinh tế để tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khi lựa chọn tài liệu học tập, tham khảo.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.2: 4

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.3

Nhà trường có 45 phòng máy tính, 86 phòng thí nghiệm, 21 phòng/xưởng thực hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH cho các ngành đào tạo trong Trường. Các phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Năm 2011, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Thực hành và Tư vấn pháp luật Đại học Vinh (QĐ số 457/QĐ-ĐHV ngày 8/3/2011) với nhiệm vụ Hỗ trợ sinh viên trong thực hành các kỹ năng nghề nghiệp và tham gia hoạt động tư vấn miễn phí cho các đối tượng yếu thế; tư vấn pháp luật; thực hiện các diễn án, seminar có liên quan đến môn học Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật và các chương trình rèn nghề khác cho sinh viên ngành Luật kinh tế. Các tài liệu và cơ sở vật chất đã được trang bị của Trung tâm tư vấn pháp luật: gồm 01 phòng tại tầng 4 nhà A1 với các trang thiết bị (máy lạnh, máy chiếu, máy photocopy, máy in, các trang thiết bị văn phòng phẩm...) đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động của học viên, sinh viên. Năm 2019, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế, Nhà trường đầu tư xây dựng Phòng xử án mô phỏng với trang thiết bị, máy móc đầy đủ tại tầng 7 Trung tâm Thông tin - Thư viện. Đây là nơi sinh viên thực hành các kỹ năng nghề nghiệp, tổ chức cuộc thi phiên toà giả định, các buổi diễn án hoặc các hoạt động seminar, trao đổi học thuật khác.

Trang thiết bị của các phòng học thực hành, thí nghiệm và Trung tâm đào tạo thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của Nhà trường. Giai đoạn từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Nhà trường đã chi 6.017,656 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị

trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành (Năm học 2015 – 2016: 1.631,193 triệu đồng; năm học 2016 – 2017: 780,676 triệu đồng; năm học 2017-2018: 2.166,036 triệu đồng; năm học 2018 – 2019: 352,152 triệu đồng; năm học 2019-2020: 1.087,599 triệu đồng). Các trang thiết bị trong Trung tâm Thực hành và Tư vấn pháp luật, Phòng xử án mô phỏng và các trang thiết bị phục vụ hoạt động thực hành được bảo dưỡng định kì.

Nhà trường giao cho Khoa Luật trực tiếp quản lý Trung tâm thực hành và tư vấn pháp luật Trường Đại học Vinh và Phòng xử án mô phỏng. Khoa đã phân công cán bộ phụ trách, theo dõi. Qua khảo sát trực tiếp, Đoàn ĐGN thấy, Khoa có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị Phòng xử án mô phỏng, Trung tâm Trung tâm thực hành và tư vấn pháp luật. Định kỳ, Nhà trường đã tiến hành kiểm kê số lượng và chất lượng các trang thiết bị để phân loại chất lượng của trang thiết bị dạy học. Trên cơ sở đó, các thiết bị được sửa chữa, bổ sung, thay mới khi cần thiết.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.3

Việc kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa bài bản (Chưa có thông tin phân loại về tình trạng hoạt động và chất lượng các trang thiết bị).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.3

Nhà trường cần tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia kiểm kê trước khi tiến hành kiểm kê hằng năm để hoạt động kiểm kê được thực hiện bài bản đúng quy định.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.3: 5

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.4

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm có 2062 máy tính, bao gồm 1310 máy tính được bố trí trong 45 phòng học phục vụ hoạt động dạy học; 572 máy tính xách tay trang bị cho cán bộ, giảng viên và 180 máy tính trang bị cho các cơ quan; 21 máy chủ vật lý, 15 máy chủ ảo; 9 đường truyền internet (Cơ sở 1: 01 đường truyền Leased line, tốc độ 1Gbps trong nước, 30Mbps quốc tế; 02 đường truyền FTTH, tốc độ mỗi đường truyền 60 Mbps; Cơ sở 2: 03 đường truyền FTTH của VNPT, tốc độ mỗi đường truyền là 60 Mbps; 03 đường truyền GTTH của Viettel, tốc độ mỗi đường truyền 60Mbps), 343 điểm phát wifi. Tất cả các phòng máy tính được thiết kế đồng bộ, được trang bị máy tính và các thiết bị ngoại vi để có thể triển khai dạy học các học phần có sử dụng máy tính từ cơ bản, multimedia, ngoại ngữ.

Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn/>. Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học.

Hệ thống E-learning của Nhà trường được chú trọng phát triển với 26 phòng học trực tuyến (đang sử dụng 10 phòng). GV và người học của Trường đều có tài khoản trên trang học trực tuyến của Nhà trường. Ngoài số các thiết bị CNTT được sử dụng với các đơn vị khác trong Trường, Khoa Luật được sử dụng 17 máy tính, trong đó có 13 máy tính xách tay phục vụ công tác đào tạo và quản lý. Cán bộ giảng viên ngành Luật Kinh tế được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn. Cổng thông tin điện tử của Khoa Luật tại địa chỉ: <http://khoaluat.vinhuni.edu.vn/>. Các phần mềm chuyên dụng sử dụng trong Trường và ngành Luật Kinh tế có bản quyền (Phần mềm Windows 10: 400 máy tính; Phần mềm Windows Server 2012: 11 máy; Phần mềm Windows Server 2019: 48 core; Phần mềm SQL Server 2014: 01 máy; Phần mềm SQL Server 2016: 03 máy; Phần mềm

SQL Server 2017: 02 máy; Phần mềm Quản lý đào tạo của Công ty CMC; Phần mềm Quản lý văn bản điện tử iOffice của VNPT).

Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm tổ chức vận hành quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/04/2016; số 2396/QĐ – ĐHV, ngày 6/9/2019).

Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm CMC, e-Office, LMS, được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường. Khảo sát trực tiếp hệ thống CNTT tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy hệ thống CNTT của Nhà trường hoạt động ổn định, hỗ trợ các hoạt động của Nhà trường.

Định kỳ, Trường lập kế hoạch và tổ chức mua sắm để thay thế những thiết bị cấu hình thấp, kém hiệu quả và sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp thiết bị CNTT đảm bảo cho hệ thống hoạt động được đồng bộ, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu (QĐ số 1327/ĐHV-CNTT ngày 28/4/2014; số 1146/ĐHV-CNTT ngày 26/9/2017). Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 79.177 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT (năm học 2015 – 2016: 18.101 triệu đồng; năm học 2016 – 2017: 16.457 triệu đồng; năm học 2017 - 2018: 19.641 triệu đồng; năm học 2018 - 2019: 15.127 triệu đồng; năm học 2019-2020: 9.851 triệu đồng).

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về chất lượng hoạt động của Trung tâm CNTT và mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trung tâm CNTT (năm học 2016-2017: 81,5%; năm học 2017-2018: 89,3%; năm học 2018-2019: 89,3%; năm học 2019-2020: 89,2%) (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016; số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017; số 19/BC-

ĐHV ngày 17/4/2018; số 16/BC-ĐHV ngày 17/4/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020). Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khác (CB, GV, NV) được thực hiện thông qua hội nghị viên chức do Công đoàn Trường tổ chức hằng năm (Báo cáo ngày 25/9/2017; 20/9/2018; 22/9/2019; 24/10/2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.4

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm). Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.4

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin và có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT. Nhà trường cần có giải pháp để bảo đảm tốc độ hệ thống wifi phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.4: 4

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.5

Trên cơ sở các quy định của pháp luật: Luật an toàn vệ sinh lao động (84/2015/QH13 ngày 25/6/2015); Luật PCCC (27/2001/QH10; số 40/2013/ QH13); Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế học đường (CV số 3946/BGDĐT-GDTC ngày 31/8/2018); Hướng dẫn khám sức khỏe

(Thông tư số 14/TT-BYT ngày 06/5/2013); Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy (NĐ số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014) và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Nhà trường đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự (QĐ số 3057/KH-ĐH ngày 7/10/2013); Quy định về công tác sinh viên tự quản trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 4458/QĐ-ĐHV ngày 26/11/2015); Ban hành các chỉ thị/thông báo về tăng cường bảo đảm an ninh trật tự trường học và an toàn giao thông (Thông báo số 35/ĐHV-CTCTHSSV ngày 12/01/2016; số 328/ĐHV-CTCT-HSSV ngày 24/3/2016; 513/ĐHV-CTCTHSSV ngày 29/4/2016; số 418/ĐHV-HTSVQHDN ngày 23/4/2018).

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh (QĐ số 3441/QĐ-ĐHV ngày 29/10/2013; số 5085/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2015; số 158/QĐ-ĐHV ngày 17/01/2019); kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt – Phòng chống cháy nổ (QĐ số 750/QĐ-ĐHV ngày 14/7/2017; số 308/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2018; số 2349/QĐ-ĐHV ngày 28/8/2019). Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC, Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt. Trạm Y tế được thành lập (QĐ số 871/TCCB ngày 21/4/2008) với 11 người (2 Bác sỹ, 5 Y sỹ, 01 Dược sỹ và 03 Điều dưỡng). Để bảo đảm sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người học, Nhà trường đã ký hợp đồng với các bệnh viện để khám sức khỏe cho CB, GV, người học (HĐ 16/HĐKSK/2016 ngày 01/9/2016; số 09/HĐKSK ngày 11/8/2017; số 23/HĐKSK/2018 ngày 26/8/2018; số 14/HĐKSK/20 ngày 06/9/2020...). Để bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường, Nhà trường ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ INVICO (HĐ số 31/HĐKT.ĐHV-INVICO ngày 28/3/2019 và Hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh (HĐ số 06/2019/HĐDV ngày 02/01/2019). Nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2016 tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 07/KH-ĐHV ngày 24/02/2016; số 07/KH-ĐHV ngày 28/02/2019); Kế hoạch tổ chức hội nghị

công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, nội trú, ngoại trú và công tác học sinh, sinh viên năm học 2016 - 2017; Kế hoạch tổ chức hội nghị công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, nội trú, ngoại trú và công tác học sinh, sinh viên năm học 2017 - 2018 (KH số 38/KH-ĐHV ngày 05/10/2018; số 50/KH-ĐHV ngày 04/10/2019). Định kỳ, Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy số 1 tỉnh Nghệ An xây dựng và triển khai thực tập phương án chữa cháy (KH số 06/KH-CSPCCC-PS1 ngày 11/6/2018) và kiểm tra công tác PCCC (Biên bản ngày 18/4/2018; ngày 05/12/2018..). Trong chu kỳ KĐCLGD, không xảy ra hiện tượng mất an toàn, mất an ninh trật tự trong khuôn viên Trường.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trạm Y tế, Phòng Bảo vệ (năm học 2016 - 2017: 80,7% và 82,6%; năm học 2017-2018: 88,8% và 90,8%; năm học 2018-2019: 88,2% và 82,7%; năm học 2019 – 2020: 89,0% và 87,4%) (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016; số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017; số 19/BC-ĐHV ngày 17/4/2018; số 16/BC-ĐHV ngày 17/4/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020). Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khác (CB, GV, NV) được thực hiện thông qua hội nghị viên chức do Công đoàn Trường tổ chức hằng năm (Báo cáo ngày 25/9/2017; 20/9/2018; 22/9/2019; 24/10/2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.5

Qua kiểm tra thực tế cho thấy: một vài bình cứu hoả ở khu ký túc xá sinh viên không đảm bảo tình trạng kỹ thuật (áp suất trong bình xuống dưới mức quy định).

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.5

Nhà trường cần định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng/thay thế kịp thời các phương tiện PCCC không đảm bảo tình trạng hoạt động.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 9

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 9:

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của Trường là 86.166 m². Nhà trường có 68 phòng làm việc với tổng diện tích 15.864m² m². Ban Giám hiệu Nhà trường được bố trí 6 phòng làm việc ở khu nhà A0 với tổng diện tích 185 m²; Trưởng các đơn vị được bố trí phòng làm việc riêng; các Giáo sư, Phó Giáo sư được bố trí không gian làm việc riêng. Tại thời điểm 30/8/2020, với quy mô sinh viên của Trường 13.997 người học, diện tích phòng học bình quân đạt 3,65 m²/người học; diện tích sàn phòng thí nghiệm, thực hành đạt 1,07 m²/người học đối với tất cả các đối tượng người học trong toàn Trường.

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn, ghế, tủ để tài liệu. Các phòng học, hội trường đều trang thiết bị như máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến.

Thư viện Cơ sở 1 của Trường được thành lập năm 1959, được bố trí tại một tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn 9.275 m² bao gồm: Không gian học tập tầng 1, 05 phòng học, 01 Phòng xử án mô phỏng dành cho Khoa Luật, 03 phòng máy tính, 08 kho sách và 06 phòng đọc. Thư viện cơ sở 2 có diện tích sàn 677 m². Thư viện trường có 110 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học.

Thư viện Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến. Thư viện có 30 nhân viên, trong đó có 21 nhân viên tốt nghiệp ngành Thư viện.

Nhà trường ban hành Nội quy thư viện; nội quy phòng chống cháy nổ ngày 16/01/2018; Quy định sử dụng không gian học tập; Hướng dẫn sử dụng và Thư viện điện tử và các văn bản hướng khai thác Thư viện. Phòng đọc thư viện có 1.800 chỗ ngồi, hệ thống mượn - trả tài liệu tự động, hệ thống trả sách 24/7. CB, GV, người học được cấp tài khoản để sử dụng thư viện số của Trường.

Kết quả khảo sát trực tiếp cho thấy, Thư viện có 14.466 đầu tài liệu với 160.559 cuốn; Thư viện được kết nối với CSDL điện tử trực tuyến online ProQuest Center phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Thư viện điện tử của Nhà trường kết nối với các thư viện: Liên hiệp Thư viện Đại học Việt Nam; Thư viện của Cục khoa học và công nghệ quốc gia; Thư viện Trường ĐH Cần Thơ; Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Nguyễn Tất Thành. Nguồn học liệu phục vụ cho ngành Luật Kinh tế trong Thư viện hiện có 634 đầu tài liệu với 9510 bản.

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh. Giai đoạn 2015-2020, ngành Luật Kinh tế được bổ sung 150 đầu sách với 1779 bản sách. Thư viện có số liệu theo dõi về hoạt động của bạn đọc. Giai đoạn 2015-2020 có 134.594 lượt bạn đọc đến mượn giáo trình, tài liệu tại Thư viện, trong đó có 8.454 lượt sinh viên ngành Luật Kinh tế.

Nhà trường có 45 phòng máy tính, 86 phòng thí nghiệm, 21 phòng/xưởng thực hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH cho các ngành đào tạo trong Trường. Các phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Năm 2011, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Thực hành và Tư vấn pháp luật Trường Đại học Vinh (QĐ số 457/QĐ-ĐHV ngày 8/3/2011) với nhiệm vụ Hỗ trợ sinh viên trong thực hành các kỹ năng nghề nghiệp và tham gia hoạt động tư vấn miễn phí cho các đối tượng yếu thế; tư vấn pháp luật; thực hiện các diễn án, seminar có liên quan đến môn học Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật và các chương trình rèn nghề khác cho sinh viên ngành Luật kinh tế. Các tài liệu và cơ sở vật chất đã được trang bị của Trung tâm tư vấn pháp luật gồm 01 phòng tại tầng 4 nhà A1 Trường Đại học Vinh, Trang thiết bị (máy lạnh, máy chiếu, máy photocopy, máy in, các trang thiết bị văn phòng phẩm...) đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động của học viên, sinh viên. Năm 2019, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế, Nhà trường đầu tư xây dựng Phòng xử án mô phỏng với trang thiết bị, máy móc đầy đủ tại tầng 7 Trung tâm Thông tin - Thư viện. Đây là nơi sinh viên thực hành các kỹ năng nghề nghiệp, tổ chức cuộc thi phiên toà giả định, các buổi diễn án hoặc các hoạt động seminar, trao đổi học thuật khác.

Các thiết bị của các phòng học thực hành, thí nghiệm và Trung tâm đào tạo thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của Nhà trường. Giai đoạn từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Nhà trường đã chi 6.017,656 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành. Các trang thiết bị trong Trung tâm Thực hành và Tư vấn pháp luật, Phòng xử án mô phỏng và các trang thiết bị phục vụ hoạt động thực hành được bảo dưỡng định kì.

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm có 2062 máy tính, bao gồm 1310 máy tính được bố trí trong 45 phòng học phục vụ hoạt động dạy học; 572 máy tính xách tay trang bị cho cán bộ, giảng viên và 180 máy tính trang bị cho các cơ quan; 21 máy chủ vật lý, 15 máy chủ ảo; 9 đường truyền internet

Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn/>. Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học.

Hệ thống E-learning của Nhà trường được chú trọng phát triển với 26 phòng học trực tuyến. GV và người học của Trường đều có tài khoản trên trang học trực tuyến của Nhà trường. Ngoài số các thiết bị CNTT được sử dụng với các đơn vị khác trong Trường, Khoa Luật được sử dụng 17 máy tính, trong đó có 13 máy tính xách tay phục vụ công tác đào tạo và quản lý. Cán bộ giảng viên ngành Luật Kinh tế được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn. Cổng thông tin điện tử của Khoa Luật tại địa chỉ: <http://khoaluat.vinhuni.edu.vn/>. Các phần mềm chuyên dụng sử dụng trong Trường và ngành Luật Kinh tế có bản quyền. Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm tổ chức vận hành quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng.

Các dữ liệu về quản lý Nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường.

Định kỳ, Trường lập kế hoạch và tổ chức mua sắm để thay thế những thiết bị cấu hình thấp, kém hiệu quả và sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp thiết bị CNTT đảm bảo cho hệ thống hoạt động được đồng bộ, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 79.177 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về chất lượng hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài

lòng.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Nhà trường đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; Quy định về công tác sinh viên tự quản trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh; Ban hành các chỉ thị/thông báo về tăng cường bảo đảm an ninh trật tự trường học và an toàn giao thông.

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC, Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt. Trạm Y tế được thành lập. Để bảo đảm sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người học, Nhà trường đã ký hợp đồng với các bệnh viện để khám sức khỏe cho CB, GV, người học. Để bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường, Nhà trường ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ INVICO và Hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh. Định kỳ, Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy số 1 tỉnh Nghệ An xây dựng và triển khai thực tập phương án chữa cháy và kiểm tra công tác PCCC. Trong chu kỳ KĐCLGD, không xảy ra hiện tượng mất an toàn, mất an ninh trật tự trong khuôn viên Trường.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trạm Y tế, Phòng Bảo vệ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 9:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 9:

Các bộ môn của Khoa Luật chưa được bố trí phòng làm việc riêng, không gian làm việc của cán bộ giảng viên còn chật hẹp.

Tỷ lệ giáo trình tài liệu học tập, tham khảo có thời gian xuất bản trên 5 năm còn khá cao (70,9%).

Việc kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa bài bản (Chưa có thông tin phân loại về tình trạng hoạt động và chất lượng các trang thiết bị).

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm). Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

Qua kiểm tra thực tế cho thấy: một vài bình cứu hoả ở khu ký túc xá sinh viên không đảm bảo tình trạng kỹ thuật (áp suất trong bình xuống dưới mức quy định).

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 9:

Nhà trường cần bố trí phòng làm việc riêng cho các bộ môn và tăng diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên của Khoa Luật.

Thư viện cần phối hợp với Khoa kiểm tra, rà soát lại số lượng các tài liệu có thời hạn xuất bản trên 5 năm, thanh lý những tài liệu không còn phù hợp và mua thay thế những xuất bản mới nhất thuộc lĩnh vực Luật Kinh tế để tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khi lựa chọn tài liệu học tập, tham khảo.

Nhà trường cần tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia kiểm kê trước khi tiến hành kiểm kê hằng năm để hoạt động kiểm kê được thực hiện bài bản đúng quy định.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin và có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT. Nhà trường cần có giải pháp để bảo đảm tốc độ hệ thống wifi phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Nhà trường cần định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng/thay thế kịp thời các phương tiện PCCC không đảm bảo tình trạng hoạt động.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 9:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 9	4,20
<i>Tiêu chí 9.1</i>	4
<i>Tiêu chí 9.2</i>	4
<i>Tiêu chí 9.3</i>	5
<i>Tiêu chí 9.4</i>	4
<i>Tiêu chí 9.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.1

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH từ các bên liên quan qua các văn bản: Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại học (QĐ số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016); Kế hoạch xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO (QĐ số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016); Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học tiếp cận CDIO (HD số 10/HD-ĐHV ngày 30/8/2016); Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019). Các văn bản trên đã quy định, phân công các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát, trong đó: Khoa Luật là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin từ các bên liên quan khi xây dựng CTDH ngành Luật kinh tế. Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học (Điều 16). Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với trường các đơn vị trong trường quán triệt và thông báo đến cán bộ viên chức về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Công cụ khảo sát có liên quan đến

phát triển CTDH gồm 2 bộ phiếu khảo sát như: Phiếu khảo sát thu thập thông tin để xây dựng chuẩn đầu ra; Phiếu khảo sát các bên liên quan về dự thảo CTĐT. Nhà trường/Khoa đã triển khai khảo sát lấy ý kiến CTĐT ngành Luật kinh tế với thành phần 50 nhà tuyển dụng, 30 SV và 20 nhà quản lý (Kế hoạch ngày 19/4/2016). Lấy ý kiến khảo sát CĐR, khung năng lực, khung chương trình đào tạo tiếp cận CDIO nhóm ngành Luật kinh tế với thành phần 50 nhà tuyển dụng, 30 SV, 20 cựu SV và 20 nhà quản lý (Kế hoạch ngày 18/11/2016).

Từ các ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng lao động và sinh viên tốt nghiệp, Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Luật cùng với các Bộ môn tiến hành họp và điều chỉnh các học phần, điều chỉnh phân kỳ CTĐT năm 2013 (dùng cho khoá 54), 2016 (dùng cho khoá 57) và 2017 (dùng cho khoá 58). Năm 2017, số tín chỉ rút gọn từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ, bổ sung thêm các môn học về kỹ năng như Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Luật, Kỹ năng tư vấn thành lập và quản trị doanh nghiệp; điều chỉnh nội dung và thời lượng môn học Kỹ năng thực hành chuyên ngành Luật kinh tế; điều chỉnh môn học Nhập môn ngành KHXH&NV thành Nhập môn ngành Luật. Sự điều chỉnh đảm bảo tính phù hợp của CTDH với nhu cầu nguồn nhân lực. Về phương pháp giảng dạy: GV cung cấp tài liệu trước cho người học, giảm bớt giảng dạy truyền thống, ứng dụng thêm CNTT vào bài giảng, tăng cường thảo luận nhóm. Về hình thức đánh giá: điều chỉnh điểm quá trình từ 30% lên 50%, bổ sung thêm các hình thức thi như vấn đáp, thi trắc nghiệm và đồ án cuối kỳ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.1

Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục từ 2015-2020, Nhà trường/Khoa mới tổ chức khảo sát đề rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, CTĐT 1 lần năm 2016.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.1

Nhà trường/Khoa cần định kỳ rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT định kỳ ít nhất 2 năm một lần theo quy định tại Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.1: 3

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.2

Nhà trường có quy trình thiết và phát triển CTDH, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Luật kinh tế được thực hiện theo quy trình thống nhất do Nhà trường ban hành. Bao gồm: Kế hoạch số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016 về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học (HD số 10/HĐ-ĐHV ngày 30/8/2016). Hướng dẫn về xây dựng chuẩn đầu ra (Hướng dẫn số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016); Quy định về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019). Quy định này đã quy định các quy trình cụ thể như: Điều 3 Quy trình xây dựng CĐR gồm 5 bước; Quy trình xây dựng CTĐT gồm 7 bước. Để thực hiện quy trình, khoa Luật thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra và Tổ soạn thảo CTĐT. Việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin về CTĐT từ các bên liên quan được tiến hành đồng thời với việc khảo sát xây dựng CĐR. Sau khi hoàn thiện, phê duyệt và công bố CĐR, Tổ soạn thảo chương trình đào tạo soạn thảo Dự thảo CTĐT. Trước khi công bố CTĐT, Tổ soạn thảo tổ chức hội thảo để lấy kiến ý từ đại diện các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, GV, SV và cựu SV.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá với sự chủ trì của phòng Đào tạo. Hoạt động rà soát và đánh giá được thực hiện bằng nhiều hình

thức như triển khai Đề tài KHCN trọng điểm cấp trường “Nghiên cứu xây dựng chuẩn đề cương môn học, chuẩn đề cương bài giảng theo tiếp cận CDIO và hình thức dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Vinh”, mã số 76/2017/KHCNTr-CB do GV Nguyễn Xuân Bình làm chủ nhiệm. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá trên cơ sở tham vấn ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan dưới hình thức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan và tổ chức hội thảo để thu thập thông tin từ nhóm chuyên gia, GV, hội đồng khoa học các khoa, viện chuyên môn (BC số 90/TB-ĐHV ngày 04/6/2019). Dự thảo quy trình xây dựng và phát triển CTDH các ngành đào tạo hệ chính quy cũng đã có 12 ý kiến gửi về phòng Đào tạo.

Quy trình xây dựng và phát triển CTDH được cập nhật và cải tiến. Về hình thức, năm 2016, việc xây dựng CTDH được thực hiện theo 03 văn bản: Hướng dẫn về xây dựng CDR (HD số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016); Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO (KH số 10/KH-ĐHV ngày 8/3/2016); Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học (HD số 10/HĐ-ĐHV ngày 30/8/2016). Đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành một văn bản thống nhất về Quy trình xây dựng và phát triển CTDH (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019). Về nội dung, quy trình xây dựng và phát triển CTDH cũng được điều chỉnh theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Quy trình xây dựng CDR phục vụ việc xây dựng CTDH theo Hướng dẫn 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016 thì quy trình xây dựng, hoàn thiện CDR CTĐT cấp độ 3, cấp độ 4 gồm 7 bước. Đến năm 2019, theo Quyết định 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 quy trình xây dựng CDR của CTĐT đã cải tiến tinh gọn hơn với 5 bước. Theo đó chuyển phần xây dựng kế hoạch thực hiện trước khi thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra, và chuyển phần “Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia” vào cùng với quy trình xây dựng chương trình đào tạo. Quy trình mới theo Quyết định 2382 cũng đã xác định rõ việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan cần thực hiện cùng với khảo sát ý kiến của các bên về chương trình đào tạo.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.2

Qua trao đổi với các CB, GV giảng dạy CTĐT tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả cho thấy: một số ít GV chưa nắm vững về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Điều này cho thấy một số GV chưa thật sự tham gia vào quá trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của ngành Luật kinh tế.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.2

Trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH hoặc rà soát điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa nên huy động sự tham gia của tất cả các GV trực tiếp giảng dạy CTĐT để thu thập được đa chiều các ý kiến cho việc phát triển và hoàn thiện CTĐT.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.2: 4

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.3

Nhà trường đã ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV ngày 1/11/2016). Phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy để khảo sát SV gồm các nội dung: 1) Hoạt động giảng dạy, 2) Kiểm tra và đánh giá người học, 3) Kết quả đạt được. Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức (Số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015); Bảng chấm điểm thi đua cá nhân. Nhà trường cũng ban hành văn bản quy định việc rà soát, đánh giá kết quả học tập của SV như: Quyết định số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014 hướng dẫn về công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá và kiểm tra kết quả học tập theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Vinh. Từ năm 2017, quy định về hoạt động đánh giá kết quả

học tập được điều chỉnh theo Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017. Các khoa, bộ môn thực hiện dự giờ của GV; với GV trẻ hoặc GV được phân công bài giảng/học phần mới thường được thông qua trước khi lên lớp. Quá trình dạy, học và tổ chức thi đồng thời được giám sát bởi TT ĐBCL, phòng TT-Pháp chế.

Phòng Thanh tra -Pháp chế đã xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm (Kế hoạch, Báo cáo kết quả thanh tra năm 2015 đến 2019). Đề cương của học phần có ma trận liên kết giữa CDR của học phần và nội dung của học phần. Các hoạt động đánh giá quá trình dạy, học khác cũng được tiến hành thường xuyên như như chấm điểm thi đua hằng năm đối với giảng viên (QĐ số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017); hoạt động dự giờ, thăm lớp hàng kỳ do Công đoàn bộ phận khoa Luật và Công đoàn trường triển khai (Lịch dự giờ, thao giảng, biên bản đánh giá dự giờ của GV năm 2015 đến 2019). Rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy cũng được thông qua hoạt động lấy ý kiến hằng kỳ của người học đối với hoạt động giảng dạy. Mỗi học kỳ Khoa đều có cuộc họp để đánh giá kết quả giảng dạy trong học kỳ, trong đó tập trung phân tích nguyên nhân đối với những học phần mà SV có kết quả học tập thấp và những GV có mức độ hài lòng của SV không cao để xây dựng các giải pháp khắc phục phù hợp cho học kỳ tiếp theo (các biên bản họp khoa năm 2016 đến 2020). Đối với những trường hợp kết quả học phần không cao và GV có mức độ hài lòng của SV thấp, GV phải giải trình các nguyên nhân chủ quan và khách quan liên quan đến trường bộ môn, trưởng Khoa. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát trực tiếp bằng cơ chế cho phép sinh viên có quyền khiếu nại điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần của các học phần thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế. Theo đó, ngay sau khi nhận được yêu cầu phúc khảo, trung tâm ĐBCL và giảng viên có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục các sai sót trong khâu đánh giá (nếu có) và trả lời khiếu nại cho sinh viên kịp thời (Kết quả phúc khảo các năm 2015-2020). Ngoài ra, việc nhận xét, rà soát các phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Luật kinh tế còn được tiến hành thông qua một số hoạt động như định kỳ tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng đối thoại với sinh viên; Hội nghị dân

chủ sinh viên (Các Báo cáo từ năm 2015 đến 2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.3

Nội dung phiếu khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy chưa thật chi tiết. Nhà trường chưa tổng kết đánh giá mức độ tin cậy của kết quả phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy của từng GV.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.3

Nhà trường nên sớm ban hành quy định tổng thể về việc rà soát đánh giá quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV để thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn Trường. Nhà trường cần điều chỉnh các bộ phiếu khảo sát ý kiến của các bên liên quan về quá trình tổ chức dạy-học và kiểm tra đánh giá để chất lượng khảo sát được tốt hơn.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.3: 4

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.4

Trong 5 năm, Khoa Luật đã thực hiện 2 đề tài cấp Bộ, 16 đề tài cấp cơ sở, xuất bản 20 giáo trình, 11 sách tham khảo, đăng 9 bài quốc tế, 61 bài trong nước. GV của Khoa đã hướng dẫn 9 nhóm SV thực hiện đề tài với 9 đề tài đề tài NCKH (công bố 2 bài báo 1 trong nước, 1 quốc tế). Trong số các đề tài của Khoa có 4 đề tài liên quan đến việc dạy và học... Các đề tài NCKH đều liên quan đến chuyên môn của ngành đào tạo như đều trực tiếp phục vụ cho giảng dạy các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành...

Trong số các đề tài NCKH mà GV, SV của Khoa chủ trì thực hiện có 4 đề tài

được chuyển thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT: Ví dụ Học phần Luật hình sự đã chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hình sự theo tiếp cận CDIO*” mã số T2 018-30TĐ của GV Lưu Hoài Bảo; Học phần Luật dân sự đã chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật dân sự theo tiếp cận CDIO*” mã số T2018-29TĐ của GV Phạm Thị Thúy Liễu; Học phần Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam được chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hành chính Nhà nước theo tiếp cận CDIO*” mã số T2018-28TĐ, của GV Tăng Thị Thanh Sang. Học phần Kỹ năng tư vấn thủ tục và quản trị doanh nghiệp được chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Kỹ năng ngành Luật kinh tế tiếp cận CDIO*, mã số T2019-42-TĐ, chủ nhiệm đề tài TS. Hồ Thị Duyên. Sản phẩm của các đề tài là giáo trình, sách tham khảo được xuất bản theo yêu cầu có nội dung phù hợp với các học phần trong chương trình đào tạo của ngành như: Giáo trình Luật Dân sự, Giáo trình Luật Hiến pháp; Giáo trình Kỹ năng tư vấn thủ tục thành lập và quản trị doanh nghiệp...

Trong số các đề tài NCKH mà Khoa thực hiện có 4 đề tài được ứng dụng để cải tiến phương pháp dạy và học như: *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hình sự theo tiếp cận CDIO*” mã số T2 018-30TĐ của GV Lưu Hoài Bảo; Đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật dân sự theo tiếp cận CDIO*” mã số T2018-29TĐ của GV PHạm thị Thúy Liễu; *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Kỹ năng ngành Luật kinh tế tiếp cận CDIO*, mã số T2019-42-TĐ, chủ nhiệm đề tài TS. Hồ Thị Duyên; *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hành chính Nhà nước theo tiếp cận CDIO*” mã số T2018-28TĐ, của GV Tăng Thị Thanh Sang. Từ đề tài NCKH trọng điểm, GV đã xây dựng đề cương chi tiết học phần theo tiếp cận CDIO, sau khi đề cương chi tiết được duyệt GV đăng ký biên soạn và xuất bản

giáo trình để phục vụ người học.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.4

Kết quả phỏng vấn nhóm SV ngành Luật kinh tế của Đoàn ĐGN tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, phong trào NCKH chưa thật sự được nhiều SV quan tâm và hưởng ứng, chưa thu hút được sự ham mê của số đông SV các năm đầu của khóa học, chưa thu hút SV tham gia nghiên cứu khoa học.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.4

Nhà trường cần đa dạng hơn trong chính sách khen thưởng và hỗ trợ có hiệu quả, để thu hút đông đảo người học tham gia các đề tài NCKH như thưởng điểm học tập, hoặc thay thế cho những học phần gần với hướng nghiên cứu ở đề tài NCKH của SV.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.4: 5

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.5

Nhà trường có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học: Quyết định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV ngày 1/11/2016). Trong đó có các điều quy định như: Điều 5 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức hành chính; Điều 6 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường. Trong điều 6 điểm 2 công tác học sinh, SV, học viên (quản lý người học, phục vụ hỗ trợ, chế độ, chính

sách người học... Điểm 3 công tác cơ sở vật chất (phòng học, phương tiện, thiết bị dạy học, vệ sinh môi trường, nội trú...). Quyết định đã quy định các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trong Trường... Dịch vụ hỗ trợ còn được đánh giá thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường hằng năm, Báo cáo tổng kết hội nghị dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với SV hằng năm.

Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh. Kết quả khảo sát về chất lượng dịch vụ của Nhà trường tại bảng 10.5.

Bảng 10.5: Mức độ hài lòng các dịch vụ của Nhà trường (Tỷ lệ % hài lòng)

Các loại dịch vụ	2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Thư viện	13.413	88,6	13.007	92,2	12.845	92,0	11.478	95,1
CNTT	13.413	95,1	13.007	89,3	12.845	92,2	11.478	89,2
Cơ sở vật chất	13.413	76,3	13.007	89,1	12.845	83,5	11.478	87,6
Nhà ăn, dịch vụ	13.413	77,2	13.007	83,1	12.845	80,3	11.478	86,8

Kết quả bảng 10.5 cho thấy, Nhà trường đã lấy phiếu phản hồi từ người học với số lượng khá lớn qua các năm, năm nhiều nhất 13.413 (năm 2016-2017) phiếu, năm ít nhất 11.487 phiếu (năm 2019-2020). Trong đó tỷ lệ hài lòng về Thư viện dao động từ 88,6 đến 95,1% (mức độ hài lòng tăng dần từ năm học 2016-2017 đến nay.

Về CNTT tỷ lệ hài lòng dao động từ 89,3 đến 95,1%. Về cơ sở vật chất tỷ lệ hài lòng dao động từ 76,3 đến 89,1%. Về nhà ăn, dịch vụ tỷ lệ hài lòng từ 77,2 đến 86,8%.

Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường thực hiện việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác bằng việc đề xuất các giải pháp có giá trị và có tính khả thi nhằm đáp ứng nhu cầu người học. Tiếp thu ý kiến của người học, năm học 2016-2017 Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ người học như đăng ký học, các thủ tục hành chính, tư vấn tâm lý, chế độ chính sách, hướng nghiệp, việc làm, các hoạt động tại Trung tâm thư viện... để mang đến mức độ hài lòng ngày càng cao của sinh viên (Báo cáo số 13/BC-ĐHT ngày 27/03/2017). Năm học 2019-2020 tại kết luận của Hiệu trưởng số 70/TB-ĐHV ngày 06/5/2019 Nhà trường tiếp thu ý kiến của sinh viên, giao cho Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung học liệu kịp thời cho tất cả các ngành. Nhà trường đã nâng thời gian mượn sách lên 20 ngày. Nhà trường đã đưa vào sử dụng mượn, trả và gia hạn mượn tài liệu tự động. Sinh viên có thể gia hạn tài liệu trực tuyến trên website thư viện, qua điện thoại hoặc qua email.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.5

Nghiên cứu các báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ và tiện ích cho thấy: Nhà trường chưa thật sự quan tâm nhiều đến vai trò, ý nghĩa của kênh thông tin khảo sát để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu của người học và CBGV, NV của Nhà trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.5

Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn về nhân lực và vật lực cho nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan để thu thập được các thông tin đóng góp trực tiếp hữu ích cho tạo dựng cơ sở để đề xuất các khuyến nghị và các giải pháp khả thi dựa trên các

kết quả khảo sát các bên liên quan. Đồng thời Nhà trường cần đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng khảo sát, thống kê phân tích và viết báo cáo khảo sát cho CBGV và nhân viên để Nhà trường có được các kết quả khảo sát đi kèm với các khuyến nghị thật sự hữu ích cho việc cải tiến các hoạt động của Nhà trường.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.5: 4

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.6

Nhà trường ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường đại học Vinh (QĐ số 1307 ngày 1/11/2016). Quyết định đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học tại điều 16. Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sâu đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học theo các nội dung liên quan (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với trưởng các đơn vị trong trường quán triệt và thông báo đến cán bộ viên chức về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Các đơn vị trực thuộc trường quán triệt viên chức và người học về công tác lấy ý kiến người học và trách nhiệm của họ đối với hoạt động này (Điều 21). Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể về cơ chế phản hồi các bên liên quan như: Hướng dẫn về xây dựng CDR đào tạo trình độ đại học (HD số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016); Kế hoạch xây dựng

và phát triển CTĐT theo CDIO (KH số 10/KH-ĐHV ngày 8/3/2016); Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV ngày 4/9/2019). Kế hoạch triển khai thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-2018 (KH số 38/KH-ĐHV ngày 23/10/2017). Kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan năm học 2010-2021 (KH số 70/KH-ĐHV ngày 6/11/2020). Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người công dân đối với dịch vụ giáo dục công tại trường (QĐ số 1255/QĐ-ĐHV ngày 10/11/2017); Các thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về hoạt động giảng dạy và các hoạt động của nhà trường (theo từng học kỳ).

Hàng năm thực hiện kế hoạch công tác ĐBCL, các đơn vị của Nhà trường đã tiến hành 6 hoạt động khảo sát chính để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: i) khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc học phần; ii) khảo sát ý kiến của SV năm cuối về khóa học; iii) khảo sát ý kiến người học, CBVC về hoạt động của các khoa, phòng, trung tâm trong Trường; iv) khảo sát ý kiến của cựu SV về việc làm, thu nhập và chất lượng đào tạo; v) khảo sát ý kiến người sử dụng lao động, cựu SV, chuyên gia, đại diện các tổ chức xã hội, nghề nghiệp về CTĐT và CĐR, về chất lượng đào tạo; vi) khảo sát ý kiến CB, GV, NV và người học về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất và hệ thống thông tin thư viện. Thông qua việc khảo sát của Nhà trường đã thực hiện trong chu kỳ KĐCL cho thấy: Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng quy trình được quy định trên các văn bản; quy định các đối tượng tham gia lấy ý kiến, nội dung lấy ý kiến, các mức độ đánh giá, hình thức lấy ý kiến, thời gian lấy ý kiến phù hợp. Công cụ khảo sát đa dạng gồm các loại phiếu giấy và sử dụng công nghệ thông tin để khảo sát online. Các loại phiếu hỏi và phương pháp xử lý dữ liệu nhìn chung có độ tin cậy. Phương pháp khảo sát các bên liên quan khá đa dạng gồm: phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn qua điện thoại, trả lời online qua

phần mềm quản lý đào tạo. Thời điểm thực hiện các đợt khảo sát từng đối tượng được quy định cụ thể. Kết quả lấy ý kiến phản hồi đã phản ánh tương đối khách quan, có độ tin cậy về các hoạt động của Nhà trường.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của CBGV, SV và chất lượng đào tạo trong Nhà trường. Nhà trường thực hiện việc cải tiến công tác lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các khảo sát, đánh giá như: Góp ý phiếu lấy khảo sát người học và phụ huynh học sinh năm học 2018-2019 (TB số 1092/ĐHV - CTCTHVSU); Báo cáo sơ kết việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường (BC số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016); Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV năm học 2016 - 2017 (BC số 13/BC-ĐHV ngày 27/3/2017); Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Bí thư - Hiệu trưởng nhà trường với đoàn viên, thanh niên, SV năm học 2017-2018 (BC số 09/BC- ĐHV ngày 28/3/2018); Báo kết luận của Hiệu trưởng nhà trường tại Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2018 - 2019 (TB số 70 /TB - ĐHV, ngày 06/5/2019); Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV năm 2019 – 2020 (BC số 14/BC - ĐHV ngày 27/3/2020). Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của người dạy, người lãnh đạo và chất lượng đào tạo trong nhà trường. Ví dụ: Đã điều chỉnh về nội dung phiếu khảo sát, thay đổi thời gian lấy phiếu, đặc biệt từ năm 2018 đã thay đổi hình thức lấy phiếu khảo sát GV từ phát tay sang hình thức online.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.6

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.6

Các phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập; chưa được định lượng đánh giá về các miền đo thông tin của các câu hỏi; chưa kịp thời điều chỉnh sau nhiều năm sử dụng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.6

Nhà trường nên định kỳ rà soát, điều chỉnh và định lượng phân tích đánh giá các công cụ khảo sát, quy trình khảo sát, phương pháp phân tích và hệ thống hóa các kết quả khảo sát của từng đối tượng. Kết quả đánh giá này được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng các công cụ khảo sát và nâng cao độ tin cậy của các kết quả khảo sát.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.6: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 10

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 10:

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH từ các bên liên quan qua các văn bản: Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại học; Kế hoạch xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học tiếp cận CDIO; Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Các văn bản trên đã quy định, phân công các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát, trong đó: Khoa Luật là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin từ các bên liên quan khi xây dựng CTDH ngành Luật kinh tế. Quyết định số

2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học (Điều 16). Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với trưởng các đơn vị trong trường quán triệt và thông báo đến cán bộ viên chức về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Công cụ khảo sát có liên quan đến phát triển CTDH gồm 2 bộ phiếu khảo sát như: Phiếu khảo sát thu thập thông tin để xây dựng chuẩn đầu ra; Phiếu khảo sát các bên liên quan về dự thảo CTĐT. Nhà trường/Khoa đã triển khai khảo sát lấy ý kiến CTĐT ngành Luật kinh tế với thành phần 50 nhà tuyển dụng, 30 SV và 20 nhà quản lý. Lấy ý kiến khảo sát CDR, khung năng lực, khung chương trình đào tạo tiếp cận CDIO nhóm ngành Luật kinh tế với thành phần 50 nhà tuyển dụng, 30 SV, 20 cựu SV và 20 nhà quản lý.

Từ các ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng lao động và sinh viên tốt nghiệp, Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Luật cùng với các Bộ môn tiến hành họp và điều chỉnh các học phần, điều chỉnh phân kỳ CTĐT năm 2013 (dùng cho khoá 54), 2016 (dùng cho khoá 57) và 2017 (dùng cho khoá 58). Năm 2017, số tín chỉ rút gọn từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ, bổ sung thêm các môn học về kỹ năng như Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Luật, Kỹ năng tư vấn thành lập và quản trị doanh nghiệp; điều chỉnh nội dung và thời lượng môn học Kỹ năng thực hành chuyên ngành Luật kinh tế; điều chỉnh môn học Nhập môn ngành KHXH&NV thành Nhập môn ngành Luật. Sự điều chỉnh đảm bảo tính phù hợp của CTDH với nhu cầu nguồn nhân lực. Về phương pháp giảng dạy: GV cung cấp tài liệu trước cho người học, giảm bớt giảng dạy truyền thống, ứng dụng thêm

CNTT vào bài giảng, tăng cường thảo luận nhóm. Về hình thức đánh giá: điều chỉnh điểm quá trình từ 30% lên 50%, bổ sung thêm các hình thức thi như vấn đáp, thi trắc nghiệm và đồ án cuối kỳ.

Nhà trường có quy trình thiết và phát triển CTDH, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Luật kinh tế được thực hiện theo quy trình thống nhất do Nhà trường ban hành. Bao gồm: Kế hoạch số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016 về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học. Hướng dẫn về xây dựng chuẩn đầu ra; Quy định về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học. Quy định này đã quy định các quy trình cụ thể như: Điều 3 Quy trình xây dựng CDR gồm 5 bước; Quy trình xây dựng CTĐT gồm 7 bước. Để thực hiện quy trình, khoa Luật thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra và Tổ soạn thảo CTĐT. Việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin về CTĐT từ các bên liên quan được tiến hành đồng thời với việc khảo sát xây dựng CDR. Sau khi hoàn thiện, phê duyệt và công bố CDR, Tổ soạn thảo chương trình đào tạo soạn thảo Dự thảo CTĐT. Trước khi công bố CTĐT, Tổ soạn thảo tổ chức hội thảo để lấy kiến ý từ đại diện các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, GV, SV và cựu SV.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá với sự chủ trì của phòng Đào tạo. Hoạt động rà soát và đánh giá được thực hiện bằng nhiều hình thức như triển khai Đề tài KHCN trọng điểm cấp trường “Nghiên cứu xây dựng chuẩn đề cương môn học, chuẩn đề cương bài giảng theo tiếp cận CDIO và hình thức dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Vinh”, mã số 76/2017/KHCNTr-CB do GV Nguyễn Xuân Bình làm chủ nhiệm. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá trên cơ sở tham vấn ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan dưới hình thức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan và tổ chức hội thảo để thu thập thông tin từ nhóm chuyên gia, GV, hội đồng khoa học các khoa, viện chuyên môn. Dự thảo quy trình xây dựng và phát triển CTDH các ngành đào tạo hệ chính quy cũng đã có 12 ý kiến gửi về phòng Đào tạo.

Quy trình xây dựng và phát triển CTDH được cập nhật và cải tiến. Về hình

thức, năm 2016, việc xây dựng CTDH được thực hiện theo 03 văn bản: Hướng dẫn về xây dựng CDR; Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học. Đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành một văn bản thống nhất về Quy trình xây dựng và phát triển CTDH. Về nội dung, quy trình xây dựng và phát triển CTDH cũng được điều chỉnh theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Quy trình xây dựng CDR phục vụ việc xây dựng CTDH theo Hướng dẫn 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016 thì quy trình xây dựng, hoàn thiện CDR CTĐT cấp độ 3, cấp độ 4 gồm 7 bước. Đến năm 2019, theo Quyết định 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 quy trình xây dựng CDR của CTĐT đã cải tiến tinh gọn hơn với 5 bước. Theo đó chuyển phần xây dựng kế hoạch thực hiện trước khi thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra, và chuyển phần “Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia” vào cùng với quy trình xây dựng chương trình đào tạo. Quy trình mới theo Quyết định 2382 cũng đã xác định rõ việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan cần thực hiện cùng với khảo sát ý kiến của các bên về chương trình đào tạo.

Nhà trường đã ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy để khảo sát SV gồm các nội dung: 1) Hoạt động giảng dạy, 2) Kiểm tra và đánh giá người học, 3) Kết quả đạt được. Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức; Bảng chấm điểm thi đua cá nhân. Nhà trường cũng ban hành văn bản quy định việc rà soát, đánh giá kết quả học tập của SV như: Quyết định số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014 hướng dẫn về công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá và kiểm tra kết quả học tập theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Vinh. Từ năm 2017, quy định về hoạt động đánh giá kết quả học tập được điều chỉnh theo Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017. Các khoa, bộ môn thực hiện dự giờ của GV; với GV trẻ hoặc GV được phân công bài giảng/học phần mới thường được thông qua trước khi lên lớp. Quá trình dạy, học và tổ chức thi đồng thời được giám sát bởi TT ĐBCL, phòng TT-Pháp chế.

Phòng Thanh tra -Pháp chế đã xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm

tra hàng năm. Đề cương của học phần có ma trận liên kết giữa CDR của học phần và nội dung của học phần. Các hoạt động đánh giá quá trình dạy, học khác cũng được tiến hành thường xuyên như như chấm điểm thi đua hàng năm đối với giảng viên; hoạt động dự giờ, thăm lớp hàng kỳ do Công đoàn bộ phận khoa Luật và Công đoàn trường triển khai. Rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy cũng được thông qua hoạt động lấy ý kiến hằng kỳ của người học đối với hoạt động giảng dạy. Mỗi học kỳ Khoa đều có cuộc họp để đánh giá kết quả giảng dạy trong học kỳ, trong đó tập trung phân tích nguyên nhân đối với những học phần mà SV có kết quả học tập thấp và những GV có mức độ hài lòng của SV không cao để xây dựng các giải pháp khắc phục phù hợp cho học kỳ tiếp theo. Đối với những trường hợp kết quả học phần không cao và GV có mức độ hài lòng của SV thấp, GV phải giải trình các nguyên nhân chủ quan và khách quan liên quan đến trưởng bộ môn, trưởng Khoa. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát trực tiếp bằng cơ chế cho phép sinh viên có quyền khiếu nại điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần của các học phần thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế. Theo đó, ngay sau khi nhận được yêu cầu phúc khảo, trung tâm ĐBCL và giảng viên có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục các sai sót trong khâu đánh giá (nếu có) và trả lời khiếu nại cho sinh viên kịp thời. Ngoài ra, việc nhận xét, rà soát các phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Luật kinh tế còn được tiến hành thông qua một số hoạt động như định kỳ tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng đối thoại với sinh viên; Hội nghị dân chủ sinh viên.

Trong 5 năm, Khoa Luật đã thực hiện 2 đề tài cấp Bộ, 16 đề tài cấp cơ sở, xuất bản 20 giáo trình, 11 sách tham khảo, đăng 9 bài quốc tế, 61 bài trong nước. GV của Khoa đã hướng dẫn 9 nhóm SV thực hiện đề tài với 9 đề tài đề tài NCKH. Trong số các đề tài của Khoa có 4 đề tài liên quan đến việc dạy và học... Các đề tài NCKH đều liên quan đến chuyên môn của ngành đào tạo như điều trực tiếp phục vụ cho giảng dạy các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành...

Trong số các đề tài NCKH mà GV, SV của Khoa chủ trì thực hiện có 4 đề tài

được chuyển thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT: Ví dụ Học phần Luật hình sự đã chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hình sự theo tiếp cận CDIO*; Học phần Luật dân sự đã chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật dân sự theo tiếp cận CDIO*"; Học phần Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam được chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hành chính Nhà nước theo tiếp cận CDIO*". Học phần Kỹ năng tư vấn thủ tục và quản trị doanh nghiệp được chuyển tải từ đề tài *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Kỹ năng ngành Luật kinh tế tiếp cận CDIO*. Sản phẩm của các đề tài là giáo trình, sách tham khảo được xuất bản theo yêu cầu có nội dung phù hợp với các học phần trong chương trình đào tạo của ngành như: Giáo trình Luật Dân sự, Giáo trình Luật Hiến pháp; Giáo trình Kỹ năng tư vấn thủ tục thành lập và quản trị doanh nghiệp...

Trong số các đề tài NCKH mà Khoa thực hiện có 4 đề tài được ứng dụng để cải tiến phương pháp dạy và học như: *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hình sự theo tiếp cận CDIO*"; *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật dân sự theo tiếp cận CDIO*"; *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Kỹ năng ngành Luật kinh tế tiếp cận CDIO*; *Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức luật hành chính Nhà nước theo tiếp cận CDIO*". Từ đề tài NCKH trọng điểm, GV đã xây dựng đề cương chi tiết học phần theo tiếp cận CDIO, sau khi đề cương chi tiết được duyệt GV đăng ký biên soạn và xuất bản giáo trình để phục vụ người học.

Nhà trường có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học: Quyết định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh. Trong đó có các điều quy định như: Điều 5 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức

hành chính; Điều 6 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường. Trong điều 6 điểm 2 công tác học sinh, SV, học viên. Điểm 3 công tác cơ sở vật chất. Quyết định đã quy định các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trong Trường... Dịch vụ hỗ trợ còn được đánh giá thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường hằng năm, Báo cáo tổng kết hội nghị dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với SV hằng năm. Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh.

Nhà trường đã lấy phiếu phản hồi từ người học với số lượng khá lớn qua các năm, năm nhiều nhất 13.413 (năm 2016-2017) phiếu, năm ít nhất 11.487 phiếu (năm 2019-2020). Trong đó tỷ lệ hài lòng về Thư viện dao động từ 88,6 đến 95,1% (mức độ hài lòng tăng dần từ năm học 2016-2017 đến nay. Về CNTT tỷ lệ hài lòng dao động từ 89,3 đến 95,1%. Về cơ sở vật chất tỷ lệ hài lòng dao động từ 76,3 đến 89,1%. Về nhà ăn, dịch vụ tỷ lệ hài lòng từ 77,2 đến 86,8%.

Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường thực hiện việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác bằng việc đề xuất các giải pháp có giá trị và có tính khả thi nhằm đáp ứng nhu cầu người học. Tiếp thu ý kiến của người học, năm học 2016-2017 Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ người học như đăng ký học, các thủ tục hành chính, tư vấn tâm lý, chế độ chính sách, hướng nghiệp, việc làm, các hoạt động tại Trung tâm thư viện... để mang đến mức độ hài lòng ngày càng cao của sinh viên. Năm học 2019-2020 tại kết luận của Hiệu trưởng số 70/TB-ĐHV ngày 06/5/2019 Nhà trường tiếp thu ý kiến của sinh viên, giao cho Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung học liệu kịp thời cho tất cả các ngành. Nhà trường đã nâng thời gian mượn sách lên 20 ngày. Nhà trường đã đưa vào sử dụng mượn, trả và gia hạn mượn tài liệu tự động. Sinh viên có thể gia hạn tài liệu trực tuyến trên website thư viện, qua

điện thoại hoặc qua email.

Nhà trường ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường đại học Vinh. Quyết định đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học tại điều 16. Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sâu đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học theo các nội dung liên quan (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với trưởng các đơn vị trong trường quán triệt và thông báo đến cán bộ viên chức về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Các đơn vị trực thuộc trường quán triệt viên chức và người học về công tác lấy ý kiến người học và trách nhiệm của họ đối với hoạt động này (Điều 21). Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể về cơ chế phản hồi các bên liên quan như: Hướng dẫn về xây dựng CĐR đào tạo trình độ đại học. Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO; Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Kế hoạch triển khai thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-2018. Kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan năm học 2010-2021. Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người công dân đối với dịch vụ giáo dục công tại trường; Các thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về hoạt động giảng dạy và các hoạt động của nhà trường.

Hằng năm thực hiện kế hoạch công tác ĐBCL, các đơn vị của Nhà trường đã tiến hành 6 hoạt động khảo sát chính để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: i) khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV khi

kết thúc học phần; ii) khảo sát ý kiến của SV năm cuối về khóa học; iii) khảo sát ý kiến người học, CBVC về hoạt động của các khoa, phòng, trung tâm trong Trường; iv) khảo sát ý kiến của cựu SV về việc làm, thu nhập và chất lượng đào tạo; v) khảo sát ý kiến người sử dụng lao động, cựu SV, chuyên gia, đại diện các tổ chức xã hội, nghề nghiệp về CTĐT và CDR, về chất lượng đào tạo; vi) khảo sát ý kiến CB, GV, NV và người học về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất và hệ thống thông tin thư viện. Thông qua việc khảo sát của Nhà trường đã thực hiện trong chu kỳ KĐCL cho thấy: Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng quy trình được quy định trên các văn bản; quy định các đối tượng tham gia lấy ý kiến, nội dung lấy ý kiến, các mức độ đánh giá, hình thức lấy ý kiến, thời gian lấy ý kiến phù hợp. Công cụ khảo sát đa dạng gồm các loại phiếu giấy và sử dụng công nghệ thông tin để khảo sát online. Các loại phiếu hỏi và phương pháp xử lý dữ liệu nhìn chung có độ tin cậy. Phương pháp khảo sát các bên liên quan khá đa dạng gồm: phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn qua điện thoại, trả lời online qua phần mềm quản lý đào tạo. Thời điểm thực hiện các đợt khảo sát từng đối tượng được quy định cụ thể. Kết quả lấy ý kiến phản hồi đã phản ánh tương đối khách quan, có độ tin cậy về các hoạt động của Nhà trường.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của CBGV, SV và chất lượng đào tạo trong Nhà trường. Nhà trường thực hiện việc cải tiến công tác lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các khảo sát, đánh giá như: Góp ý phiếu lấy khảo sát người học và phụ huynh học sinh năm học 2018-2019; Báo cáo sơ kết việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV năm học 2016 - 2017; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Bí thư - Hiệu trưởng nhà trường với đoàn viên, thanh niên, SV năm học 2017-2018; Báo kết luận của Hiệu trưởng nhà trường tại Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với

sinh viên năm học 2018 - 2019; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV năm 2019 – 2020. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của người dạy, người lãnh đạo và chất lượng đào tạo trong nhà trường. Ví dụ: Đã điều chỉnh về nội dung phiếu khảo sát, thay đổi thời gian lấy phiếu, đặc biệt từ năm 2018 đã thay đổi hình thức lấy phiếu khảo sát GV từ phát tay sang hình thức online.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 10:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 10:

Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục từ 2015-2020, Nhà trường/Khoa mới tổ chức khảo sát đề rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, CTĐT 1 lần năm 2016.

Qua trao đổi với các CB, GV giảng dạy CTĐT tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả cho thấy: một số ít GV chưa nắm vững về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Điều này cho thấy một số GV chưa thật sự tham gia vào quá trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của ngành Luật kinh tế.

Nội dung phiếu khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy chưa thật chi tiết. Nhà trường chưa tổng kết đánh giá mức độ tin cậy của kết quả phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy của từng GV.

Kết quả phỏng vấn nhóm SV ngành Luật kinh tế của Đoàn ĐGN tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, phong trào NCKH chưa thật sự được nhiều SV quan tâm và hưởng ứng, chưa thu hút được sự ham mê của số đông SV các năm đầu của khóa học, chưa thu hút SV tham gia nghiên cứu khoa học.

Nghiên cứu các báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ và tiện ích cho thấy: Nhà trường chưa thật sự quan tâm nhiều đến vai trò, ý nghĩa của kênh thông tin khảo sát để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu của người học và CBGV, NV của Nhà trường.

Các phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập; chưa được định lượng đánh giá về các miền đo thông tin của các câu hỏi; chưa kịp thời điều chỉnh sau nhiều năm sử dụng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 10:

Nhà trường/Khoa cần định kỳ rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT định kỳ ít nhất 2 năm một lần theo quy định tại Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

Trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH hoặc rà soát điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa nên huy động sự tham gia của tất cả các GV trực tiếp giảng dạy CTĐT để thu thập được đa chiều các ý kiến cho việc phát triển và hoàn thiện CTĐT.

Nhà trường nên sớm ban hành quy định tổng thể về việc rà soát đánh giá quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV để thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn Trường. Nhà trường cần điều chỉnh các bộ phiếu khảo sát ý kiến của các bên liên quan về quá trình tổ chức dạy-học và kiểm tra đánh giá để chất lượng khảo sát được tốt hơn.

Nhà trường cần đa dạng hơn trong chính sách khen thưởng và hỗ trợ có hiệu quả, để thu hút đông đảo người học tham gia các đề tài NCKH như thưởng điểm học tập, hoặc thay thế cho những học phần gần với hướng nghiên cứu ở đề tài NCKH của SV.

Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn về nhân lực và vật lực cho nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan để thu thập được các thông tin đóng góp trực tiếp hữu ích cho tạo dựng cơ sở để đề xuất các khuyến nghị và các giải pháp khả thi dựa trên các kết quả khảo sát các bên liên quan. Đồng thời Nhà trường cần đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng khảo sát, thống kê phân tích và viết báo cáo khảo sát cho CBGV và nhân viên để Nhà trường có được các kết quả khảo sát đi kèm với các khuyến nghị thật sự hữu ích cho việc cải tiến các hoạt động của Nhà trường.

Nhà trường nên định kỳ rà soát, điều chỉnh và định lượng phân tích đánh giá các công cụ khảo sát, quy trình khảo sát, phương pháp phân tích và hệ thống hóa các kết quả khảo sát của từng đối tượng. Kết quả đánh giá này được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng các công cụ khảo sát và nâng cao độ tin cậy của các kết quả khảo sát.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 10:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 10	4,00
<i>Tiêu chí 10.1</i>	3
<i>Tiêu chí 10.2</i>	4
<i>Tiêu chí 10.3</i>	4
<i>Tiêu chí 10.4</i>	5
<i>Tiêu chí 10.5</i>	4
<i>Tiêu chí 10.6</i>	4

TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.1

Việc theo dõi tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được giao cho phòng Phòng CT HSSV và đội ngũ quản lý SV chịu trách nhiệm (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/04/2016). Nhà trường và Khoa Luật luôn theo dõi sát sao tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo và trợ lý quản lý SV; có sự phối hợp giữa Khoa và các đơn vị chuyên trách của Nhà trường để thực hiện việc theo dõi nắm bắt tình hình học tập của SV. Các phòng chức năng và Khoa theo dõi và lập danh sách thôi học, tốt nghiệp nhờ phần mềm quản lý đào tạo CMC, được phân quyền theo nhiệm vụ của các cá nhân và các đơn vị. Nhà trường có danh sách SV tốt nghiệp và danh sách SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp của mỗi đợt xét tốt nghiệp. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm tại Phòng trên hệ thống quản lý đào tạo CMC của Nhà trường.

Tỷ lệ SV tốt nghiệp toàn khóa của ngành Luật kinh tế tính đến thời gian học tối đa (6 năm). Năm học 2016-2017 ngành Luật kinh tế bắt đầu có khóa đầu tiên tốt nghiệp. Trong giai đoạn KĐCLGD từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020 tỷ lệ tốt nghiệp đạt từ 69,8 đến 83,0%. Năm có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất là khóa đầu tiên tốt nghiệp năm 2016-2017. Tỷ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 dao động trong khoảng 0,5% đến 3,4%. Khoa đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp, xem đây là một trong những chỉ số cần cải thiện và có những phương án hỗ

trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hành vi tiêu cực. Trợ lý quản lý SV Khoa Luật là đầu mối thông tin về tình trạng SV, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Trợ lý quản lý SV thực hiện báo cáo tình trạng của người học cho Khoa và Nhà trường hằng tháng, vì vậy đảm bảo chính xác số liệu, trạng thái người học. Khoa đã phân tích tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, tốt nghiệp muộn gồm các yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu, chưa đạt trình độ năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh B1...

Bảng 11.1a. Tỷ lệ SV thôi học theo năm học giai đoạn 2015-2020 ngành Luật kinh tế

Năm học	Quy mô SV	Số SV thôi học của Khoa				Tổng số	Tỷ lệ (%)
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4		
2015-2016	1335	35	8	3	0	46	3,40
2016-2017	1262	0	8	1	0	9	0,71
2017-2018	1191	16	1	1	0	18	1,50
2018-2019	1042	2	2	2	0	6	0,58
2019-2020	647	0	3	-	-	3	0,50

Nhà trường tiến hành đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, để cải tiến chất lượng CTĐT. Nhà trường thường xuyên cập nhật tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đối sánh giữa các năm, chỉ ra được sự biến động qua các năm để có các giải pháp hỗ trợ SV chậm tốt nghiệp hoặc khó khăn trong việc theo học. Đối sánh về tỷ lệ thôi học, các khóa học có sự dao động từ 0,5% năm 2019-2020 đến 3,4% năm học 2015-2016. Diễn biến theo năm học cho thấy năm thứ nhất có số lượng SV thôi học nhiều hơn và giảm dần qua các năm sau trong các năm học.

Bảng 11.1b. Tỷ lệ tốt nghiệp theo năm học giai đoạn 2016-2020

Năm học	SV cuối khóa xét TN	SV tốt nghiệp					SV không tốt nghiệp	
		SVT N sớm	SVTN đúng KH	SVTN chậm	Tổng số	Tỷ lệ TN (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)
2016-2017	395	0	314	14	328	83,0	67	16,9
2017-2018	459	0	341	29	370	80,6	89	19,3
2018-2019	567	0	361	36	397	70,0	170	29,9
2019-2020	196	0	137	59	137	69,8	59	30,1

Tỷ lệ SV tốt nghiệp có sự thay đổi qua các năm, đạt cao nhất là năm 2016-2017 (83%) và thấp nhất năm 2019-2020 mới đạt 69,8%.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.1

Tỷ lệ SV tốt nghiệp giảm dần qua các năm trong chu kỳ KĐCLGD vì nguyên nhân chủ quan như chưa hoàn thành chương trình học, chưa đạt trình độ năng lực ngoại ngữ, sức khỏe...

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.1

Nhà trường, Khoa nên đưa ra những giải pháp tương ứng phù hợp từng đối tượng để giảm thiểu số lượng SV thôi học, không tốt nghiệp hàng năm vì những lý do cá nhân.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.1: 4

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.2

Phòng Đào tạo là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của SV chính quy toàn trường nói chung cũng như ngành Luật kinh tế nói riêng. Trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp cùng với Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan trong việc thống kê, quản lý SV tốt nghiệp. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế đã được Nhà trường thống kê, tính toán. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế dao động từ 4,0 năm đến 4,15 năm theo từng khóa học. Trong đó khóa học 2012-2016 có thời gian tốt nghiệp trung bình nhiều nhất là 4,15 năm, khóa học 2013-2018: 4,1 năm, khóa 2015-2019: 4,09 năm, khóa 2016-2020: 4 năm, trung bình cả 5 khóa là 4,08 năm. Kết quả tính toán cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế thay đổi không đáng kể qua các năm.

Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho SV để kịp thời rà soát, hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng thời hạn. Những thông báo này được gửi cho tất cả các Khoa/Viện, phòng, ban, các SV và đăng tải trên trang thông tin chính thức của Trường. Triển khai thực hiện kế hoạch của Nhà trường, mỗi năm Khoa Luật đều tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho SV đồng thời thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Mỗi học kỳ, Khoa và Nhà trường kịp thời cảnh báo, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... Khoa đã có một số buổi họp bàn và xác định nguyên nhân của SV chậm tốt nghiệp là do: liên quan đến vấn đề sức khỏe, nợ học phần, lý do cá nhân như đi nghĩa vụ quân sự, hoàn cảnh gia đình, đặc biệt chưa đạt trình độ ngoại ngữ B1... Những cảnh báo và thông báo này cũng được gửi tới phụ huynh của SV. Thông qua đó, SV và phụ huynh nắm bắt được thông tin, lên kế hoạch, giải pháp để SV hoàn thành chương trình học đúng thời hạn.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế có xu hướng giảm qua các năm đào tạo. Hằng năm, Nhà trường/Khoa đều tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp đã thực hiện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp, bổ sung các giải pháp mới. Khoa và Nhà trường cũng đã phân tích các nguyên nhân để kiểm soát và thực hiện các biện pháp nhằm giảm hơn nữa thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn. Khoa đã giao cho Trợ lý quản lý SV lập Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp, Nhật ký tư vấn cho người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.2

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV nào tốt nghiệp sớm, trong khi số lượng SV tốt nghiệp chậm vẫn còn và đang có xu hướng gia tăng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.2

Nhà trường, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác SV và Khoa cần có giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy các bộ môn, các cố vấn học tập tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp chậm, có SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.2: 4

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.3

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN làm đầu mối thực hiện việc theo dõi thống kê tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp (QĐ Số 1423/QĐ-ĐHV ngày 29/11/2016). Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều hoạt động để nắm bắt thông tin về tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như: xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau tốt nghiệp; lập sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa có được việc làm (KH số 266/ĐHV-HTSVQHDN ngày 15/3/2017). Trợ lý quản lý SV của Khoa bên cạnh chức năng quản lý người học đang theo học còn thực hiện việc kết nối và thống kê đối với người học sau tốt nghiệp. Nhà trường ban hành quy trình khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, cũng như ứng dụng phần mềm trong khảo sát và quản lý kết quả khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp (KH số 51/KH-ĐHV ngày 26 tháng 11 năm 2018). Nội dung khảo sát về tình trạng việc làm: Có việc làm, làm đúng ngành nghề/đúng chuyên môn được đào tạo, nơi làm việc, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, có thay đổi nơi làm.

Năm học 2016-2017 ngành Luật kinh tế có khóa đầu tiên tốt nghiệp. Nhà trường/Khoa đã khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp các năm 2017 và 2018 vào các năm 2019 và 2020. Kết quả khảo sát cho thấy: SV tốt nghiệp năm 2017, tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 86,4%, trong đó khu vực Nhà nước 11,2%, tư nhân 73,8%, có yếu tố nước ngoài 2,2%, tự tạo việc làm 9,4%, tiếp tục học 3,4%. SV tốt nghiệp năm 2018 sau 12 tháng tốt nghiệp có việc làm là 92,0%, trong đó khu vực Nhà nước 5,5%, tư nhân 62,4%, có yếu tố nước ngoài 6,1%, tự tạo việc làm 15,4%, tiếp tục học 10,6%.

Nhà trường giao Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN thống kê tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và đối sánh giữa các năm. Năm 2019 và 2020 đã khảo sát SV tốt

ng nghiệp năm 2017, 2018 (Tỷ lệ SV có việc làm dao động trong khoảng 86,4 đến 92,0%), năm 2017 có tỷ lệ 86,4%, năm 2018 có tỷ lệ 82,2%.

Bảng 11.1a. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Luật kinh tế

Năm tốt nghiệp	Số lượng SV phản hồi	Số lượng SV TN có việc làm	Tỷ lệ (%)	Khu vực làm việc (%)				
				Nhà nước	Tư nhân	Có yếu tố nước ngoài	Tự tạo việc làm	Tiếp tục học
2017	309	267	86,4	11,2	73,8	2,2	9,4	3,4
2018	338	311	92,0	5,5	62,4	6,1	15,4	10,6

Đối sánh tỷ lệ có việc làm với các ngành trong Trường cho thấy năm 2017 tỷ lệ có việc làm của ngành Luật kinh tế cao hơn ngành Báo chí, Hóa học nhưng thấp hơn ngành Luật học và Quản trị kinh doanh

Bảng 11.4b. Đối sánh tỷ lệ có việc làm giữa các ngành trong Trường (%)

TT	Ngành đào tạo	Tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm (%)	
		2017	2018
1	Luật kinh tế	86,4	92,0
2	Báo chí	72,7	100,0
3	Hóa học	72,2	77,8
4	Luật học	86,8	82,5
5	Quản trị kinh doanh	87,1	95,6

Bảng 11.4c. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm ngành Luật kinh các trường đại học

TT	Tên Trường	Tỷ lệ SV có việc làm (%)	
		2017	2018
1	Đại học Vinh	86,4	92,0
2	Đại học Mở Hồ Chí Minh	89,3	95,9
3	Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	93,1	100,0

Đối sánh tỷ lệ có việc làm của ngành Luật kinh tế với ngành Luật kinh tế các trường đại học trong nước cho thấy: Năm 2017 và 2018 ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Vinh luôn thấp hơn ngành Luật kinh tế Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế ĐH Đà Nẵng.

Trường/Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục, thực hiện các phương án hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm như: Hằng năm, Nhà trường cùng với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng tổ chức các hội chợ việc làm (KH số 1100/ĐHV-HTSVQHDN ngày 18/9/2017); Việc khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp/nhà tuyển dụng đã được triển khai để từ đó điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội; Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN là đơn vị đầu mối trong việc hợp tác giữa Nhà trường với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng nhằm hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp (QĐ số 1423/QĐ-ĐHV ngày 29/11/2016); Tổ chức diễn đàn “Thời 4.0: Người Việt trẻ đang ở đâu” (CV số 399/ĐHV-HTSVQHDN ngày 17/4/2018). Nhà trường tổ chức các hoạt động liên kết, ký các thoả thuận hợp tác với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập, phối hợp thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, ví dụ tổ chức ngày hội học sinh, SV khởi nghiệp (TB số 266/ĐHV-HTSVQHDN ngày 15/3/2017); Tổ chức các hoạt động phát động SV tham gia khởi

nghiệp (KH số 42/KH-ĐHV ngày 16/10/2018); Tổ chức diễn đàn “Câu chuyện đi làm và khởi nghiệp của SV” (CV số 1125/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 03/10/2018).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.3

Mặc dù biểu mẫu khảo sát có các câu hỏi về mức thu nhập của SV tốt nghiệp, nhưng số liệu tổng hợp về các kết quả khảo sát không cung cấp những thông tin cụ thể về mức thu nhập trung bình của SV tốt nghiệp ngành Luật kinh tế.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.3

Sau mỗi lần khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, bộ phận chức năng được giao là đầu mối thực hiện cần tổng hợp các dữ liệu đầy đủ bao gồm: phương pháp khảo sát (điện thoại, gửi email phiếu khảo sát ...), người thực hiện, thời gian khảo sát, số lượng khảo sát, đối tượng khảo sát, mức thu nhập ... để tạo thành cơ sở dữ liệu về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp ngành Luật kinh và thuận lợi cho việc xác định phân khúc thị trường lao động để Nhà trường/Khoa có biện pháp cải thiện các chỉ số thực hiện và tư vấn cho SV.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.3: 4

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.4

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025 (QĐ số 1069/QĐ-ĐHV ngày 06/11/2018); Quy định về quản lý các hoạt động KH&CN (Số 3255/ĐHV-KH&HTQT ngày 8/9/2015; số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016). Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV bao gồm: Thực hiện đề tài NCKH

thuộc lĩnh vực được đào tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ khoa học; Tham gia các hội nghị hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học, các giải thưởng KHCN; Tham gia triển khai ứng dụng KHCN vào thực tiễn trong các lĩnh vực; Công bố các kết quả NCKH, các dự án khởi nghiệp. Số lượng NCKH của SV được cụ thể trong kế hoạch NCKH hằng năm của Khoa (Kế hoạch năm học Khoa Luật từ 2015 đến 2020)

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện và giám sát hoạt động NCKH của người học. Các đơn vị chịu trách nhiệm giám sát bao gồm: Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng CTCT-HSSV, Phòng HCTH và Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KHCN của Trường (QĐ số 3255/ĐHV - KH&HTQT ngày 8/9/2015; số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016); Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 868/QĐ-ĐHV ngày 2/4/2015), Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Vinh (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), cùng các quy định về chế độ khen thưởng đối với SV, chính sách về kinh phí dành cho công tác NCKH, trong đó có NCKH của SV.

Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng Kế hoạch Tài chính, các khoa có nhiệm vụ theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016). Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KHCN của Trường (QĐ số 3255/ĐHV - KH&HTQT ngày 8/9/2015; số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016); Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 868/QĐ-ĐHV ngày 2/4/2015); Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ (QĐ số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016). Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, những đề tài có chất lượng được

khen thưởng và in thành kỷ yếu. Giai đoạn KĐCL, người học của ngành Luật kinh tế đã thực hiện 5 đề tài cấp Trường, 16 đề tài cấp khoa, tham gia 3 hội thi cấp quốc gia (về phiên tòa giả định), đăng 1 bài báo Tạp chí thiết bị và giáo dục.

Để nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn, Khoa đã thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học của CTĐT Kế toán qua các năm.

Bảng 11.4. Đối sánh loại hình, số lượng NCKH của SV thuộc CTĐT Luật kinh tế với Luật học

Năm học	Luật học				Luật Kinh tế			
	Cấp Khoa	Cấp Trường	Hội thi cấp quốc gia	Bài báo	Cấp Khoa	Cấp Trường	Hội thi cấp quốc gia	Bài báo
2015-2016	1	1	0	1	1	1	0	0
2016-2017	6	0	0	0	5	0	1	0
2017-2018	5	1	0	0	6	3	1	0
2018-2019	5	1	0	1	4	1	1	1

Đối sánh về loại hình, số lượng NCKH của SV ngành Luật kinh tế với ngành Luật học cho thấy: Về đề tài cấp Trường, SV ngành Luật kinh tế cao hơn (5/3), đề tài cấp khoa SV ngành Luật học cao hơn (17/16), về tham gia hội thi quốc gia SV ngành Luật kinh tế có 3 nhóm trong khi ngành Luật học không có, về bài báo SV ngành Luật học cao hơn (2/1).

Để khuyến khích người học NCKH, Nhà trường có quy định mức hỗ trợ kinh phí NCKH của SV tại Quy chế chi tiêu nội bộ (QĐ số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016). Nhà trường có chính sách khen thưởng cho thành tích NCKH của SV như: Triển khai tổ chức xét chọn và trao giải cho SV NCKH (CV số 1329/ĐHV ngày 23/11/2018; số 521/ĐHV ngày 22/5/2019), gồm có các giải: Giải nhất kinh phí khen thưởng 500.000 đ, kinh phí hỗ trợ 10.000.000đ; Giải nhì kinh phí khen thưởng 300.000 đ, kinh phí hỗ trợ 8.000.000đ; Giải ba kinh phí khen thưởng 200.000 đ, kinh phí hỗ trợ 5.000.000đ; Giải khuyến khích kinh phí khen thưởng 100.000 đ, kinh phí hỗ trợ 3.000.000đ. Trong 5 năm SV của ngành Luật kinh tế có 3 nhóm SV của ngành Luật kinh tế đạt giải thưởng hội quốc gia về kỹ năng rèn luyện nghề nghiệp.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.4

Đoàn ĐGN đã trao đổi với nhóm GV, SV, kết quả cho thấy nhiều CBGV và SV thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế chưa thật sự quan tâm đến công tác NCKH của SV; các chủ đề của sản phẩm NCKH của SV chưa được định hướng để phục vụ hiệu quả cho các hoạt động học tập ngành ngành đào tạo.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.4

Nhà trường cần có cơ chế, chính sách vừa mang tính bắt buộc, vừa mang tính khuyến khích để thúc đẩy các Khoa, Bộ môn, GV và người học tham gia tích cực vào các hoạt động NCKH của SV, gắn các chủ đề, nội dung NCKH của người học với ngành đào tạo.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.4: 4

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.5

Nhà trường đã giao trách nhiệm cho Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm HTSV&QHDN là đơn vị chức năng xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất... Bao gồm: cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016; số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017). Hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được triển khai cụ thể như: lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy; các hoạt động của các đơn vị hành chính; các hoạt động của Nhà trường về các hoạt động dạy. Sau mỗi đợt khảo sát, kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, xử lý bằng phần mềm SPSS và được đơn vị khảo sát lập báo cáo trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Trong các báo cáo kết quả khảo sát đều được phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất. Nội dung khảo sát được phân làm 4 nhóm chủ đề chính, bao gồm ý kiến đánh giá về: (1) CTĐT, (2) giảng viên, (3) tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo, (4) mức độ đáp ứng mong đợi của SV. Kết quả thống kê khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá Tốt các chỉ số của CTĐT đạt từ 67,1% đến 73,0%; đánh giá Tốt cho các chỉ số của giảng viên đạt từ 71,2% đến 75,4%. Đánh giá tốt cho tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo 65,1% đến 72,5%; Mức độ hài lòng so với mong đợi của sinh viên về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63 - 70%.

Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT Luật kinh tế qua các năm. Kết quả cho thấy tất cả các tiêu chí đều có mức độ hài lòng trên 90% qua các năm.

Bảng 11.5. Tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan ngành Luật kinh tế qua các năm

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ hài lòng			
		2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số phiếu		1.307	1.307	1.040	1.040
A. Hệ thống trợ lý, cố vấn					
1	Cố vấn học tập khoa/viện	93,72	96,36	96,56	97,50
2	Trợ lý đào tạo khoa/viện	93,77	96,76	96,82	96,70
3	Trợ lý quản lý sinh viên	93,91	96,56	96,98	96,50
B. Về các hoạt động của Nhà trường					
4	Cơ sở vật chất của Nhà trường	91,11	96,71	96,98	96,50
5	Thái độ các giảng viên	91,46	97,17	96,51	96,70
6	Cán bộ hành chính, phục vụ	91,02	96,91	96,56	97,00
7	Giải quyết các thủ tục hành chính	91,07	96,61	96,82	96,70
8	Công tác vệ sinh môi trường	91,31	96,66	96,98	97,20
9	Công tác đảm bảo an ninh, trật tự	91,46	96,81	96,10	97,50
10	Các hoạt động hỗ trợ người học	90,62	96,36	96,41	96,70

Nhà trường và Khoa đã khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh giữa các năm và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ trong và ngoài Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ của Khoa. Trên cơ sở đó Trường/Khoa đã có những đề xuất cải

tiến chất lượng như: Rà soát lại CTĐT; Nâng cấp mượn trả tài liệu/học liệu trực tuyến; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng phòng học để phục vụ cho SV tự học ngoài giờ; tăng định mức chi cho NCKH cho GV và SV... Kết quả đạt được trong chu kỳ đánh giá CTĐT: điều chỉnh phân kỳ các học phần của khung chương trình năm 2016 (dùng cho khoá 57) và 2017 (dùng cho khoá 58) so với khung chương trình năm 2014 (dùng cho khoá 54); rút gọn từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ cho CTDH năm 2017, bổ sung thêm 02 môn học về Kỹ năng như Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Luật, Kỹ năng tư vấn thành lập và quản trị doanh nghiệp; điều chỉnh nội dung và thời lượng môn học Kỹ năng thực hành chuyên ngành Luật kinh tế; điều chỉnh môn học Nhập môn ngành KHXH&NV thành Nhập môn ngành Luật. Bổ sung các giáo trình phục vụ đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy như: Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam; Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam; Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam; Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam; Giáo trình kỹ năng tư vấn thủ tục thành lập doanh nghiệp. Về hình thức đánh giá: điều chỉnh điểm quá trình từ 30% lên 50%, bổ sung thêm các hình thức thi như vấn đáp, thi trắc nghiệm và đồ án cuối kỳ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.5

Mặc dù hằng năm Nhà trường khảo sát với số lượng phiếu tương đối lớn (hàng chục nghìn đối với SV), tuy nhiên Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của cán bộ nhân viên, GV, nhà tuyển dụng để đề xuất các giải pháp hữu ích cho cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.5

Hằng năm, khi khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,... Nhà trường cần khảo sát đầy đủ các bên liên quan để đạt

được hiệu quả tốt nhất.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.5: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 11

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 11:

Việc theo dõi tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được giao cho phòng Phòng CT HSSV và đội ngũ quản lý SV chịu trách nhiệm. Nhà trường và Khoa Luật luôn theo dõi sát sao tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo và trợ lý quản lý SV; có sự phối hợp giữa Khoa và các đơn vị chuyên trách của Nhà trường để thực hiện việc theo dõi nắm bắt tình hình học tập của SV. Các phòng chức năng và Khoa theo dõi và lập danh sách thôi học, tốt nghiệp nhờ phần mềm quản lý đào tạo CMC, được phân quyền theo nhiệm vụ của các cá nhân và các đơn vị. Nhà trường có danh sách SV tốt nghiệp và danh sách SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp của mỗi đợt xét tốt nghiệp.

Tỉ lệ SV tốt nghiệp toàn khóa của ngành Luật kinh tế tính đến thời gian học tối đa. Năm học 2016-2017 ngành Luật kinh tế bắt đầu có khóa đầu tiên tốt nghiệp. Trong giai đoạn KĐCLGD từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020 tỷ lệ tốt nghiệp đạt từ 69,8 đến 83,0%. Năm có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất là khóa đầu tiên tốt nghiệp năm 2016-2017. Tỉ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 dao động trong khoảng 0,5% đến 3,4%. Khoa đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp, xem đây là một trong những chỉ số cần cải thiện và có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hành vi tiêu cực. Trợ lý quản lý SV Khoa Luật là đầu mối thông tin về tình trạng SV, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Trợ lý

quản lý SV thực hiện báo cáo tình trạng của người học cho Khoa và Nhà trường hằng tháng, vì vậy đảm bảo chính xác số liệu, trạng thái người học. Khoa đã phân tích tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, tốt nghiệp muộn gồm các yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu, chưa đạt trình độ năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh B1...

Nhà trường tiến hành đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, để cải tiến chất lượng CTĐT. Nhà trường thường xuyên cập nhật tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đối sánh giữa các năm, chỉ ra được sự biến động qua các năm để có các giải pháp hỗ trợ SV chậm tốt nghiệp hoặc khó khăn trong việc theo học. Đối sánh về tỷ lệ thôi học, các khóa học có sự dao động từ 0,5% năm 2019-2020 đến 3,4% năm học 2015-2016. Diễn biến theo năm học cho thấy năm thứ nhất có số lượng SV thôi học nhiều hơn và giảm dần qua các năm sau trong các năm học. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có sự thay đổi qua các năm, đạt cao nhất là năm 2016-2017 (83%) và thấp nhất năm 2019-2020 mới đạt 69,8%.

Phòng Đào tạo là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của SV chính quy toàn trường nói chung cũng như ngành Luật kinh tế nói riêng. Trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp cùng với Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan trong việc thống kê, quản lý SV tốt nghiệp. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế đã được Nhà trường thống kê, tính toán. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế dao động từ 4,0 năm đến 4,15 năm theo từng khóa học. Trong đó khóa học 2012-2016 có thời gian tốt nghiệp trung bình nhiều nhất là 4,15 năm, khóa học 2013-2018: 4,1 năm, khóa 2015-2019: 4,09 năm, khóa 2016-2020: 4 năm, trung bình cả 5 khóa là 4,08 năm. Kết quả tính toán cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế thay đổi không đáng kể qua các năm.

Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho SV để kịp thời rà soát, hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng thời hạn. Những thông báo này

được gửi cho tất cả các Khoa/Viện, phòng, ban, các SV và đăng tải trên trang thông tin chính thức của Trường. Triển khai thực hiện kế hoạch của Nhà trường, mỗi năm Khoa Luật đều tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho SV đồng thời thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Mỗi học kỳ, Khoa và Nhà trường kịp thời cảnh báo, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... Khoa đã có một số buổi họp bàn và xác định nguyên nhân của SV chậm tốt nghiệp là do: liên quan đến vấn đề sức khỏe, nợ học phần, lý do cá nhân như đi nghĩa vụ quân sự, hoàn cảnh gia đình, đặc biệt chưa đạt trình độ ngoại ngữ B1... Những cảnh báo và thông báo này cũng được gửi tới phụ huynh của SV. Thông qua đó, SV và phụ huynh nắm bắt được thông tin, lên kế hoạch, giải pháp để SV hoàn thành chương trình học đúng thời hạn.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Luật kinh tế có xu hướng giảm qua các năm đào tạo. Hằng năm, Nhà trường/Khoa đều tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp đã thực hiện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp, bổ sung các giải pháp mới. Khoa và Nhà trường cũng đã phân tích các nguyên nhân để kiểm soát và thực hiện các biện pháp nhằm giảm hơn nữa thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn. Khoa đã giao cho Trợ lý quản lý SV lập Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp, Nhật ký tư vấn cho người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN làm đầu mối thực hiện việc theo dõi thống kê tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều hoạt động để nắm bắt thông tin về tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như: xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau tốt nghiệp; lập sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa có được việc làm. Trợ lý quản lý SV của Khoa bên cạnh chức năng quản lý người học đang theo học còn thực hiện

việc kết nối và thống kê đối với người học sau tốt nghiệp. Nhà trường ban hành quy trình khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, cũng như ứng dụng phần mềm trong khảo sát và quản lý kết quả khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp. Nội dung khảo sát về tình trạng việc làm: Có việc làm, làm đúng ngành nghề/đúng chuyên môn được đào tạo, nơi làm việc, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, có thay đổi nơi làm.

Nhà trường/Khoa đã khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp các năm 2017 và 2018 vào các năm 2019 và 2020. Kết quả khảo sát cho thấy: SV tốt nghiệp năm 2017, tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 86,4%, trong đó khu vực Nhà nước 11,2%, tư nhân 73,8%, có yếu tố nước ngoài 2,2%, tự tạo việc làm 9,4%, tiếp tục học 3,4%. SV tốt nghiệp năm 2018 sau 12 tháng tốt nghiệp có việc làm là 92,0%, trong đó khu vực Nhà nước 5,5%, tư nhân 62,4%, có yếu tố nước ngoài 6,1%, tự tạo việc làm 15,4%, tiếp tục học 10,6%. Nhà trường giao Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN thống kê tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và đối sánh giữa các năm. Năm 2019 và 2020 đã khảo sát SV tốt nghiệp năm 2017, 2018 (Tỷ lệ SV có việc làm dao động trong khoảng 86,4 đến 92,0%), năm 2017 có tỷ lệ 86,4%, năm 2018 có tỷ lệ 82,2%. Đối sánh tỷ lệ có việc làm với các ngành trong Trường cho thấy năm 2017 tỷ lệ có việc làm của ngành Luật kinh tế cao hơn ngành Báo chí, Hóa học nhưng thấp hơn ngành Luật học và Quản trị kinh doanh. Đối sánh tỷ lệ có việc làm của ngành Luật kinh tế với ngành Luật kinh tế các trường đại học trong nước cho thấy: Năm 2017 và 2018 ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Vinh luôn thấp hơn ngành Luật kinh tế Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế ĐH Đà Nẵng.

Trường/Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục, thực hiện các phương án hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm như: Hằng năm, Nhà trường cùng với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng tổ chức các hội chợ việc làm; Việc khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp/nhà tuyển dụng đã được triển khai để từ đó điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội; Trung tâm Dịch vụ,

HTSV&QHDN là đơn vị đầu mối trong việc hợp tác giữa Nhà trường với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng nhằm hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Tổ chức diễn đàn “Thời 4.0: Người Việt trẻ đang ở đâu”. Nhà trường tổ chức các hoạt động liên kết, ký các thoả thuận hợp tác với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập, phối hợp thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, ví dụ tổ chức ngày hội học sinh, SV khởi nghiệp. Tổ chức các hoạt động phát động SV tham gia khởi nghiệp; Tổ chức diễn đàn “Câu chuyện đi làm và khởi nghiệp của SV”.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025; Quy định về quản lý các hoạt động KH&CN. Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV bao gồm: Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ khoa học; Tham gia các hội nghị hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học, các giải thưởng KHCN; Tham gia triển khai ứng dụng KHCN vào thực tiễn trong các lĩnh vực; Công bố các kết quả NCKH, các dự án khởi nghiệp. Số lượng NCKH của SV được cụ thể trong kế hoạch NCKH hằng năm của Khoa.

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện và giám sát hoạt động NCKH của người học. Các đơn vị chịu trách nhiệm giám sát bao gồm: Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng CTCT-HSSV, Phòng HCTH và Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KHCN của Trường; Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Vinh, cùng các quy định về chế độ khen thưởng đối với SV, chính sách về kinh phí dành cho công tác NCKH, trong đó có NCKH của SV.

Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng Kế hoạch Tài chính, các khoa có

nhệm vụ theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KHCN của Trường; Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ; Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, những đề tài có chất lượng được khen thưởng và in thành kỷ yếu. Giai đoạn KĐCL, người học của ngành Luật kinh tế đã thực hiện 5 đề tài cấp Trường, 16 đề tài cấp khoa, tham gia 3 hội thi cấp quốc gia (về phiên tòa giả định), đăng 1 bài báo Tạp chí thiết bị và giáo dục.

Để nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn, Khoa đã thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học của CTĐT Kế toán qua các năm. Đối sánh về loại hình, số lượng NCKH của SV ngành Luật kinh tế với ngành Luật học cho thấy: Về đề tài cấp Trường, SV ngành Luật kinh tế cao hơn (5/3), đề tài cấp khoa SV ngành Luật học cao hơn (17/16), về tham gia hội thi quốc gia SV ngành Luật kinh tế có 3 nhóm trong khi ngành Luật học không có, về bài báo SV ngành Luật học cao hơn (2/1).

Để khuyến khích người học NCKH, Nhà trường có quy định mức hỗ trợ kinh phí NCKH của SV tại Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường có chính sách khen thưởng cho thành tích NCKH của SV như: Triển khai tổ chức xét chọn và trao giải cho SV NCKH, gồm có các giải: Giải nhất kinh phí khen thưởng 500.000 đ, kinh phí hỗ trợ 10.000.000đ; Giải nhì kinh phí khen thưởng 300.000 đ, kinh phí hỗ trợ 8.000.000đ; Giải ba kinh phí khen thưởng 200.000 đ, kinh phí hỗ trợ 5.000.000đ; Giải khuyến khích kinh phí khen thưởng 100.000 đ, kinh phí hỗ trợ 3.000.000đ. Trong 5 năm SV của ngành Luật kinh tế có 3 nhóm SV của ngành Luật kinh tế đạt giải thưởng hội quốc gia về kỹ năng rèn luyện nghề nghiệp.

Nhà trường đã giao trách nhiệm cho Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm HTSV&QHDN là đơn vị chức năng xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,... Bao gồm: cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng. Hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được triển khai cụ thể như: lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy; các hoạt động của các đơn vị hành chính; các hoạt động của Nhà trường về các hoạt động dạy. Sau mỗi đợt khảo sát, kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, xử lý bằng phần mềm SPSS và được đơn vị khảo sát lập báo cáo trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Trong các báo cáo kết quả khảo sát đều được phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất. Nội dung khảo sát được phân làm 4 nhóm chủ đề chính, bao gồm ý kiến đánh giá về: (1) CTĐT, (2) giảng viên, (3) tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo, (4) mức độ đáp ứng mong đợi của SV. Kết quả thống kê khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá Tốt các chỉ số của CTĐT đạt từ 67,1% đến 73,0%; đánh giá Tốt cho các chỉ số của giảng viên đạt từ 71,2% đến 75,4%. Đánh giá tốt cho tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo 65,1% đến 72,5%; Mức độ hài lòng so với mong đợi của sinh viên về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63 - 70%. Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT Luật kinh tế qua các năm. Kết quả cho thấy tất cả các tiêu chí đều có mức độ hài lòng trên 90% qua các năm.

Nhà trường và Khoa đã khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh giữa các năm và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ trong và ngoài Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ của Khoa. Trên cơ sở đó Trường/Khoa đã có những đề xuất cải tiến chất lượng như: Rà soát lại CTĐT; Nâng cấp mượn trả tài liệu/học liệu trực tuyến; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng phòng học để phục vụ cho SV tự học ngoài giờ; tăng định mức chi cho NCKH cho GV và SV... Kết quả đạt được trong chu kỳ đánh

giá CTĐT: điều chỉnh phân kỳ các học phần của khung chương trình năm 2016 (dùng cho khoá 57) và 2017 (dùng cho khoá 58) so với khung chương trình năm 2014 (dùng cho khoá 54); rút gọn từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ cho CTDH năm 2017, bổ sung thêm 02 môn học về Kỹ năng như Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Luật, Kỹ năng tư vấn thành lập và quản trị doanh nghiệp; điều chỉnh nội dung và thời lượng môn học Kỹ năng thực hành chuyên ngành Luật kinh tế; điều chỉnh môn học Nhập môn ngành KHXH&NV thành Nhập môn ngành Luật. Bổ sung các giáo trình phục vụ đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy như: Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam; Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam; Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam; Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam; Giáo trình kỹ năng tư vấn thủ tục thành lập doanh nghiệp. Về hình thức đánh giá: điều chỉnh điểm quá trình từ 30% lên 50%, bổ sung thêm các hình thức thi như vấn đáp, thi trắc nghiệm và đồ án cuối kỳ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 11:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 11:

Tỷ lệ SV tốt nghiệp giảm dần qua các năm trong chu kỳ KĐCLGD vì nguyên nhân chủ quan như chưa hoàn thành chương trình học, chưa đạt trình độ năng lực ngoại ngữ, sức khỏe...

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV nào tốt nghiệp sớm, trong khi số lượng SV tốt nghiệp chậm vẫn còn và đang có xu hướng gia tăng.

Mặc dù biểu mẫu khảo sát có các câu hỏi về mức thu nhập của SV tốt nghiệp, nhưng số liệu tổng hợp về các kết quả khảo sát không cung cấp những thông tin cụ thể về mức thu nhập trung bình của SV tốt nghiệp ngành Luật kinh tế.

Đoàn ĐGN đã trao đổi với nhóm GV, SV, kết quả cho thấy nhiều CBGV và SV thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế chưa thật sự quan tâm đến công tác NCKH của

SV; các chủ đề của sản phẩm NCKH của SV chưa được định hướng để phục vụ hiệu quả cho các hoạt động học tập ngành ngành đào tạo.

Mặc dù hằng năm Nhà trường khảo sát với số lượng phiếu tương đối lớn (hàng chục nghìn đối với SV), tuy nhiên Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của cán bộ nhân viên, GV, nhà tuyển dụng để đề xuất các giải pháp hữu ích cho cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 11:

Nhà trường, Khoa nên đưa ra những giải pháp tương ứng phù hợp từng đối tượng để giảm thiểu số lượng SV thôi học, không tốt nghiệp hàng năm vì những lý do cá nhân.

Nhà trường, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác SV và Khoa cần có giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy các bộ môn, các cố vấn học tập tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp chậm, có SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

Sau mỗi lần khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, bộ phận chức năng được giao là đầu mối thực hiện cần tổng hợp các dữ liệu đầy đủ bao gồm: phương pháp khảo sát (điện thoại, gửi email phiếu khảo sát ...), người thực hiện, thời gian khảo sát, số lượng khảo sát, đối tượng khảo sát, mức thu nhập ... để tạo thành cơ sở dữ liệu về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp ngành Luật kinh và thuận lợi cho việc xác định phân khúc thị trường lao động để Nhà trường/Khoa có biện pháp cải thiện các chỉ số thực hiện và tư vấn cho SV.

Nhà trường cần có cơ chế, chính sách vừa mang tính bắt buộc, vừa mang tính khuyến khích để thúc đẩy các Khoa, Bộ môn, GV và người học tham gia tích cực vào các hoạt động NCKH của SV, gắn các chủ đề, nội dung NCKH của người học với ngành đào tạo.

Hằng năm, khi khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ

GV, NH, cơ sở vật chất,...Nhà trường cần khảo sát đầy đủ các bên liên quan để đạt được hiệu quả tốt nhất.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 11	3,80
<i>Tiêu chí 11.1</i>	4
<i>Tiêu chí 11.2</i>	4
<i>Tiêu chí 11.3</i>	4
<i>Tiêu chí 11.4</i>	4
<i>Tiêu chí 11.5</i>	3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	Tự đánh giá			Đánh giá ngoài		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1			4,33	3	100,00%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 1.1	5	4						
Tiêu chí 1.2	4	3						
Tiêu chí 1.3	4	4						
Tiêu chuẩn 2			4,33	3	100,00%	4,33	3	100,00%
Tiêu chí 2.1	5	5						
Tiêu chí 2.2	4	4						
Tiêu chí 2.3	4	4						
Tiêu chuẩn 3			5,00	3	100,00%	4,00	2	66,67%
Tiêu chí 3.1	5	4						
Tiêu chí 3.2	5	3						
Tiêu chí 3.3	5	5						
Tiêu chuẩn 4			4,00	3	100,00%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 4.1	4	4						
Tiêu chí 4.2	4	3						
Tiêu chí 4.3	4	4						
Tiêu chuẩn 5			5,00	5	100,00%	4,20	4	80,00%
Tiêu chí 5.1	5	4						
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	5						
Tiêu chí 5.5	5	5						
Tiêu chuẩn 6			4,57	7	100,00%	4,14	7	100,00%
Tiêu chí 6.1	5	4						
Tiêu chí 6.2	5	5						
Tiêu chí 6.3	4	4						
Tiêu chí 6.4	5	4						
Tiêu chí 6.5	4	4						
Tiêu chí 6.6	4	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
Tiêu chuẩn 7			4,60	5	100,00%	4,00	5	100,00%
Tiêu chí 7.1	4	4						

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	Tự đánh giá			Đánh giá ngoài		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 7.2	4	4						
Tiêu chí 7.3	5	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	4						
Tiêu chuẩn 8			4,80	5	100,00%	4,00	5	100,00%
Tiêu chí 8.1	5	4						
Tiêu chí 8.2	4	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	4						
Tiêu chuẩn 9			5,00	5	100,00%	4,20	5	100,00%
Tiêu chí 9.1	5	4						
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	5						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
Tiêu chuẩn 10			4,50	6	100,00%	4,00	5	83,33%
Tiêu chí 10.1	4	3						
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	5	4						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	4	4						
Tiêu chí 10.6	5	4						
Tiêu chuẩn 11			4,40	5	100,00%	3,80	4	80,00%
Tiêu chí 11.1	4	4						
Tiêu chí 11.2	4	4						
Tiêu chí 11.3	4	4						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	5	3						
Đánh giá chung chương trình theo 50 tiêu chí			4,62	50	100,00%	4,02	44	88,00%
Đánh giá chung chương trình theo 11 tiêu chuẩn			4,59			4,00		

PHỤ LỤC A

**Giới thiệu tóm tắt về cơ sở giáo dục thực hiện
Chương trình đào tạo được đánh giá
(Trường Đại học Vinh)**

Giới thiệu tóm tắt về Trường Đại học¹

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 30 /8/2020

Trường Đại học Vinh có tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Khoa Luật được thành lập ngày 02/01/2009 theo Quyết định số 07/TCCB ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, với sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực pháp luật và dịch vụ pháp lý chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và toàn xã hội; tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật, trang bị kiến thức cơ bản về pháp luật, bồi dưỡng năng lực ứng phó với các vấn đề mà xã hội hiện đại đang phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Trong nhiều năm liền, Khoa Luật được công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, nhiều cá nhân được công nhận chiến sĩ thi đua cấp trường; một số giảng viên được công nhận chiến sĩ thi đua cấp Bộ. Năm 2019, tập thể Khoa và 8 cá nhân của Khoa Luật được Bộ Giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong đào tạo khoa học pháp lý.

¹ Trích Báo cáo Tự đánh giá của CTĐT ngành Luật Kinh tế – Trường Đại học Vinh.

PHỤ LỤC B

Tóm tắt kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo Ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Vinh

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Vinh**

Mã: **TDV**

Tên CTĐT: **Luật kinh tế**

Mã CTĐT: **7380107**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4.33	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5.00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4.00	3	100
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5.00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,57	7	100

Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								4,60	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								5.00	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,50	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5					
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4,40	5	100
Tiêu chí 11.1				4						

Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,60	50	100

*** Ghi chú:**

- Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí.
- Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình số học mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Ngày 3 tháng 11 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC C

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập đoàn đánh giá ngoài Chương trình
đào tạo Ngành Luật Kinh tế trình độ đại học
tại Trường Đại học Vinh**

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM
**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 138/QĐ-KĐCLGD

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập đoàn đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo
của Trường Đại học Vinh:**

- Ngành Luật Kinh tế trình độ đại học
- Ngành Kế toán trình độ đại học
- Ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) về việc hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-HH ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục cho Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGD ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục về việc ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đánh giá chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh gồm:



- Ngành Luật Kinh tế trình độ đại học
- Ngành Kế toán trình độ đại học
- Ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học

và cử các thành viên theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Đoàn đánh giá ngoài nêu tại Điều 1 có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện việc đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh nêu tại Điều 1. Thời gian Khảo sát sơ bộ và thời gian Khảo sát chính thức theo phụ lục đính kèm.

Đoàn đánh giá ngoài hoạt động theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Đoàn đánh giá ngoài sẽ tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng có liên quan thuộc Trung tâm, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các thành viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, HS



PGS.TS. Nguyễn Phương Nga





Phụ lục I

**DANH SÁCH ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

*(Kèm theo Quyết định số 138/QĐ-KĐCLGD ngày 07 tháng 11 năm 2020
của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục)*

***Thời gian Khảo sát sơ bộ:** Ngày 17/11/2020

*** Thời gian Khảo sát chính thức:** Từ ngày 04/12/2020 đến ngày 09/12/2020

1/ Danh sách Đoàn đánh giá ngoài

TT	Họ và tên	Chức vụ / Nơi công tác	Số thẻ KĐV	Nhiệm vụ
1	GS.TSKH. Bành Tiến Long	Ủy viên Hội đồng CSKH & CNQG; Ủy viên Hội đồng GSNN	2014.0.004	Trưởng Đoàn
2	ThS. Đinh Tuấn Dũng	Trưởng phòng ĐGCLGD Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.1.016	Thư ký Đoàn
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên	TP CNCL Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN	2015.01.135	Thành viên thường trực
4	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Trưởng, Trường Đại học Văn Lang	2014.02.066	Thành viên
5	TS. Nguyễn Đức Thanh	Kiểm định viên Trung tâm ĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.02.092	Thành viên

Danh sách gồm 05 người./.

2/ Danh sách Cố vấn giám sát và Cán bộ hỗ trợ hành chính Đoàn đánh giá ngoài

TT	Họ và tên	Chức vụ / Nơi công tác	Số thẻ KĐV	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Phương Nga	GĐ Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.0.003	Cố vấn giám sát Đoàn ĐGN
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	CVP TT KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN		CB hỗ trợ hành chính Đoàn ĐGN
3	Bà Ngô Thị Thu Thảo	Cán bộ TT KĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN		CB hỗ trợ hành chính Đoàn ĐGN

Danh sách gồm 03 người./.

PHỤ LỤC D

LỊCH TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC CỦA ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**LỊCH TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
CỦA ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Thời gian: Từ Thứ Sáu, ngày 04 tháng 12 đến Thứ Tư ngày 09 tháng 12 năm 2020.

Địa điểm: Tại Trường Đại học Vinh

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
Thứ Sáu ngày 04/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ NHẤT		
8 ^h 00 - 08 ^h 15	Đoàn gặp Ban Giám Hiệu.	Cả Đoàn ĐGN	Phòng họp tầng 2 nhà điều hành
8 ^h 15 - 09 ^h 00	- Trưởng Đoàn ĐGN phổ biến các nguyên tắc ĐGN, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của từng thành viên. - Đoàn trao đổi về những vấn đề cần tập trung làm rõ khi nghiên cứu minh chứng và phỏng vấn với Hội đồng TĐG.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
9 ^h 00 - 10 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
10 ^h 00 - 11 ^h 30	Khai mạc ĐGN (Chương trình chi tiết kèm theo)	Cả Đoàn ĐGN	Hội trường A
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 17 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
	của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.		
17h00-18h00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
18h00-19h00	Nghỉ chiều	Cả Đoàn ĐGN	
19 ^h 00 - 20 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
Thứ Bảy ngày 05/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ HAI		
8 ^h 00 - 9 ^h 00	Phỏng vấn Nhóm cựu sinh viên đại học ngành Luật Kinh tế.	Nhóm 1	P.PV2/T 6 Nhà điều hành
9 ^h 00 - 9 ^h 15	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Cả Đoàn ĐGN</i>	
9 ^h 15 - 10 ^h 15	Phỏng vấn nhóm Nhà tuyển dụng ngành Luật Kinh tế.	Nhóm 1	P.PV2/T 6 Nhà điều hành
10 ^h 15 - 10 ^h 30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Cả Đoàn ĐGN</i>	
10 ^h 30 - 11 ^h 30	Phỏng vấn nhóm sinh viên đại học ngành Luật Kinh tế	Nhóm 1	P.PV2/T 6 Nhà điều hành

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
	Phỏng vấn Nhóm chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên của Trường & của 3 đơn vị phụ trách CTĐT; Công đoàn & Đoàn TNCSHCM của đơn vị phụ trách CTĐT ngành Luật Kinh tế.	Nhóm 2	Tầng 2 Nhà điều hành
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 14 ^h 15	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
14 ^h 15 - 15 ^h 15	<i>Phỏng vấn nhóm Giảng viên Luật Kinh tế</i>	Nhóm 1	P.PV2/T 6 Nhà điều hành
15 ^h 15 - 15 ^h 30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
15 ^h 30 - 17 ^h 00	Thăm sân bãi, ký túc xá; cơ sở y tế, thư viện, các cơ sở vật chất khác của Trường.	Nhóm 1	Trong khuôn viên Trường
	Thăm cơ sở thực hành và dự giờ một số lớp theo thời khóa biểu ngành Luật Kinh tế	Nhóm 2	Tầng 7 Trung tâm TT- Thư viện Nguyễn Thúc Hào Giảng đường nhà B
17 ^h 00 - 17 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
17 ^h 30 - 18 ^h 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
18h00-19h00	Nghỉ chiều	Cả Đoàn ĐGN	
19 ^h 00 - 20 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
Chủ Nhật ngày 06/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ BA		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
11^h30 - 14^h00	Nghỉ trưa		
14 ^h 00 - 15 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
15 ^h 15 - 15 ^h 30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
15 ^h 30 - 17 ^h 00	Phòng vấn Lãnh đạo Trường, đại diện lãnh đạo Hội đồng trường và Lãnh đạo Hội đồng tự đánh giá CTĐT	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 2 Nhà điều hành
17 ^h 00 - 17 ^h 30	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
18h00-19h00	<i>Nghỉ chiều</i>	Cả Đoàn ĐGN	
19 ^h 00 - 20 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
Thứ Hai ngày 07/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ TƯ		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 17 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
17h00-20h00	<i>Nghỉ chiều</i>	Cả Đoàn ĐGN	
20 ^h 00 - 23 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ tại khách sạn.		Phòng làm việc tại KS
Thứ Ba ngày 08/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ NĂM		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ tại khách sạn	Cả Đoàn ĐGN	Phòng làm việc tại KS
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 18 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Cả Đoàn ĐGN	Phòng làm việc tại KS
18h00-20h00	<i>Nghỉ chiều</i>	Cả Đoàn ĐGN	

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
20 ^h 00 - 23 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ tại khách sạn.		Phòng làm việc tại KS
Thứ Tư Ngày 09/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ SÁU		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Cả Đoàn ĐGN	Phòng làm việc tại KS
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 15 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Cả Đoàn ĐGN	Phòng làm việc tại KS
15 ^h 00 - 17 ^h 00	Bế mạc, ký kết biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài trường Đại học Vinh, chụp ảnh lưu niệm (Chương trình chi tiết đính kèm).	Cả Đoàn ĐGN; TTKĐCLGD; Tr. ĐH Vinh; & Khách mời	Hội trường A

PHỤ LỤC E

CÔNG VĂN PHẢN HỒI
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LUẬT KINH TẾ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1375/ĐHV-ĐBCL
V/v Phản hồi Dự thảo Báo cáo đánh giá
ngoài CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ
đại học của Trường Đại học Vinh

Nghệ An, ngày 29 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: - Đoàn Chuyên gia đánh giá ngoài;
- Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

Căn cứ công văn số: 173/CV-KĐCLGD ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc lấy ý kiến Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài (ĐGN) chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Đoàn đánh giá ngoài thuộc Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Vinh sau khi nghiên cứu, thảo luận đã thống nhất ý kiến như sau:

1/ Nhất trí với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài CTĐT ngành Luật Kinh tế với mức trung bình là 4.02; số Tiêu chí đạt là 44/50 Tiêu chí; số Tiêu chí chưa đạt là 6/50 Tiêu chí.

2/ Hoàn toàn đồng ý với tất cả nội dung trong bản Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài.

Kính đề nghị Đoàn đánh giá ngoài, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam xem xét và tiến hành các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Lưu: HCTH,ĐBCL.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC G

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ PHẢN HỒI CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI VÀ PHẢN HỒI CỦA NHÀ TRƯỜNG

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	ĐGN sau phản hồi	Phản hồi của Nhà trường	Đánh giá ngoài sau phản hồi			Phản hồi của Nhà trường		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1			3,67	2	66,67%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 1.1	4	4						
Tiêu chí 1.2	3	3						
Tiêu chí 1.3	4	4						
Tiêu chuẩn 2			4,33	3	100,00%	4,33	3	100,00%
Tiêu chí 2.1	5	5						
Tiêu chí 2.2	4	4						
Tiêu chí 2.3	4	4						
Tiêu chuẩn 3			4,00	2	66,67%	4,00	2	66,67%
Tiêu chí 3.1	4	4						
Tiêu chí 3.2	3	3						
Tiêu chí 3.3	5	5						
Tiêu chuẩn 4			3,67	2	66,67%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 4.1	4	4						
Tiêu chí 4.2	3	3						
Tiêu chí 4.3	4	4						
Tiêu chuẩn 5			4,20	4	80,00%	4,20	4	80,00%
Tiêu chí 5.1	4	4						
Tiêu chí 5.2	4	4						
Tiêu chí 5.3	3	3						
Tiêu chí 5.4	5	5						
Tiêu chí 5.5	5	5						
Tiêu chuẩn 6			4,14	7	100,00%	4,14	7	100,00%
Tiêu chí 6.1	4	4						
Tiêu chí 6.2	5	5						
Tiêu chí 6.3	4	4						
Tiêu chí 6.4	4	4						
Tiêu chí 6.5	4	4						
Tiêu chí 6.6	4	4						
Tiêu chí 6.7	4	4						
Tiêu chuẩn 7			4,00	5	100,00%	4,00	5	100,00%

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	ĐGN sau phản hồi	Phản hồi của Nhà trường	Đánh giá ngoài sau phản hồi			Phản hồi của Nhà trường		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 7.1	4	4						
Tiêu chí 7.2	4	4						
Tiêu chí 7.3	4	4						
Tiêu chí 7.4	4	4						
Tiêu chí 7.5	4	4						
Tiêu chuẩn 8			4,00	5	100,00%	4,00	5	100,00%
Tiêu chí 8.1	4	4						
Tiêu chí 8.2	4	4						
Tiêu chí 8.3	4	4						
Tiêu chí 8.4	4	4						
Tiêu chí 8.5	4	4						
Tiêu chuẩn 9			4,20	5	100,00%	4,20	5	100,00%
Tiêu chí 9.1	4	4						
Tiêu chí 9.2	4	4						
Tiêu chí 9.3	5	5						
Tiêu chí 9.4	4	4						
Tiêu chí 9.5	4	4						
Tiêu chuẩn 10			4,00	5	83,33%	4,00	5	83,33%
Tiêu chí 10.1	3	3						
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	4	4						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	4	4						
Tiêu chí 10.6	4	4						
Tiêu chuẩn 11			3,80	4	80,00%	3,80	4	80,00%
Tiêu chí 11.1	4	4						
Tiêu chí 11.2	4	4						
Tiêu chí 11.3	4	4						
Tiêu chí 11.4	4	4						
Tiêu chí 11.5	3	3						
Đánh giá chung chương trình theo 50 tiêu chí			4,02	44	88,00%	4,02	44	88,00%
Đánh giá chung chương trình theo 11 tiêu chuẩn			4,00			4,00		